

số
tháng tư

VĂN NGHỆ

xuất bản
hàng tháng



reformed by Le Tung Chau

số 3

một ngàn chín trăm sáu mươi một

tháng 4 - 1961

lý hoàng phong	1	nỗi khổn khó của văn học nghệ thuật ngày nay
viên linh	7	tin cho x
nguyễn trung	16	con khỉ
nguyễn hữu đông	17	ý nghĩ về con người
lương nghiêm mậu	27	đầy tuổi tôi
đỗ quý toàn	40	cúi hôn xuống mặt trời úa mùa đông
trần dạ từ	45	lâm dân bà để sống
ahmed ali	58	con lộ
lê huy oanh	71	lược khảo phong trào thi ca siêu thực pháp
anh oanh	94	triển lãm duy thanh
trần quý cấp	97	đọc đêm xuân trăng sáng truyện của võ phiến
tin trong nước	●	tin ngoài nước

VĂN NGHỆ

tạp chí xuất bản hàng tháng

chủ nhiệm :
lý hoàng phong

thư ký tòa soạn :
ngọc dũng

số 3

tòa soạn và trị sự
554, trương minh
giảng, saigon
điện thoại: sg. 060

reformed by Le Tung Chau

bài không đăng không trả lại bản thảo

nỗi khôn khó của văn học nghệ thuật ngày nay

LÝ HOÀNG PHONG.

Trong lúc tôi viết những giòng này là những ý-nghĩ của tôi về văn-học, nghệ thuật ngày nay, xã-hội chúng ta đang qua một cơn sốt và trong cơn sốt đó, văn học nghệ thuật chỉ còn là một bóng mờ. Cũng trong lúc này những tiếng sấm đang chuyển động đất Lào vẫn hàng ngày vang vọng đến đây và tấn thâm kịch của thế giới, của thời đại này vẫn diễn ra mỗi giờ, mỗi phút trên đất đai chúng ta, ngay bên cạnh chúng ta bằng mồ hôi, bằng máu, bằng nước mắt. Như thế, với không khí căng thẳng bao trùm bởi những lo âu lớn lao, nặng nề, mệnh mông, văn học nghệ thuật hôm nay bỗng mang một bộ mặt phù phiếm, bở ngỡ, lạ lùng. Có thể như thế chăng?

Tôi muốn nói: không. Văn học, nghệ thuật—tôi nói văn học nghệ thuật chân chính—không thể là cái gì phù phiếm, bở ngỡ, lạ lùng đối với con người, với xã hội, trái lại nó là ý thức của chúng ta, của xã hội trước thực tại luôn luôn biến chuyển để tự nhận chân lấy mình, tự quan sát, tự tìm hiểu, tự phê phán, tự nhận định để nói lên tất cả sự thật của con người, của gia đình, của xã hội. Bởi vì văn học nghệ thuật là cái ý thức ấy, một cá nhân, một gia đình, một xã hội muốn tiến bộ không thể thiếu vắng nó bất cứ trong hoàn cảnh nào, trong trường hợp nào, ý thức ấy là ánh sáng soi đường, ý thức ấy là ngọn lửa đấu tranh.

Chính vì thế những xã hội độc tài, xã hội mác-xít chẳng hạn, không bao giờ chịu dung dưỡng một nền văn học nghệ thuật chân thật. Họ chỉ có thể phát huy một thứ văn học nghệ thuật tuyên truyền. Lâu lâu họ lại mở nắp « soupape » để thấy cái ý thức của văn học nghệ thuật

NỖI KHỔN KHÓ CỦA VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGÀY NAY

một sự trống rỗng, một sự trống rỗng đáng lo ngại, Tại sao vậy ?

Tại sao vậy? Câu trả lời đầu tiên, có thể là: vì văn học nghệ thuật hiện thời đang còn xa lạ với xã hội. Nó là văn học nghệ thuật của một thời kỳ hậu chiến, có tính cách phôi thai, thử thách, mở đầu, được xây dựng nơi một thủ đô của kỹ nghệ và thương mại, chịu ảnh hưởng sâu xa của một thứ văn hóa lai Tây và lai Tàu và không có một «quá khứ văn nghệ» (tôi muốn nói một quá khứ văn nghệ gần gũi, của thời tiền chiến chẳng hạn, như nhà văn Trần thanh Hiệp đã nói đến, nghĩa là thời tiền chiến không có một phong trào văn nghệ được xuất xứ ở thủ đô này với một số nhà văn, nhà thơ, nhà soạn nhạc, soạn kịch v.v... đồng đảo với những tác phẩm đánh dấu được thời đại như ở thủ đô miền Bắc thời tiền chiến chẳng hạn), vì vậy văn học nghệ thuật hiện thời vẫn có vẻ bay bổng trên một xã hội máy móc, cần giải trí nhiều hơn cần suy nghĩ, cần nghệ thuật.

Xa lạ hơn nữa là vì cái nhàn sinh quan hỗn loạn và cái thẩm mỹ quan phá phách của nó. Trải qua một cuộc chiến tranh giải phóng với một cuộc cách mạng khốc liệt, lật nhào mọi giá trị truyền thống, đập vỡ mọi nền tảng tín ngưỡng và tư tưởng, thế hệ hôm nay là một thế hệ đi tìm đường cho nền văn học nghệ thuật đã phá vỡ những ý thức cũ, những lề luật cũ để xây dựng những ý thức mới, những lề luật mới. Vì vậy một số người đồng đảo chưa ý thức được tất cả ý nghĩa của cuộc xáo trộn khủng hoảng ghê gớm của thời đại vẫn tưởng rằng sau cơn giông tố đã qua họ vẫn có thể sống yên ổn giữa một xã hội bình yên vô sự với những tư tưởng cũ, những quan niệm cũ, với văn học nghệ thuật cũ của thời tiền chiến, vì vậy họ không chịu chấp nhận thái độ khai phá, mạnh dạn, những tư tưởng chênh vênh, trắc trở của văn học nghệ thuật ngày nay, văn-học nghệ thuật của một thế-hệ không muốn sống yên ổn với một thực tại không yên ổn, của một thế hệ cần phải vượt lên, tiến tới để cứu lấy tương lai. Người ta không khỏi tiếc thương cái thời kỳ thịnh trị của Tự Lực văn đoàn đã đặt những khuôn vàng thước ngọc cho văn-học nghệ thuật lúc bấy giờ, lúc mà nền văn hóa cũ của dân tộc đã đứt khoát nhường ngai cho nền văn hóa thống trị với sự nhập cảng của chủ nghĩa cá nhân lũng mạn với thần tượng mới: lý trí, khoa học. Cho đến khi lý trí và khoa học được đúc kết thành thần tượng mác-xít thì cái tinh thần êm đềm, nhẹ nhàng, sáng sủa, đầy tự tin của Tự Lực văn đoàn cũng phá sản theo. Với hình ảnh một quả bom nguyên tử lúc nào cũng treo sẵn trên đầu, đứng trước thêm một tương lai bồng bênh, chấp chới những lo âu dằn-vặt, mang nặng sau lưng một quá

khứ đồ nát, và ngay trong xương tủy con người một ung độc kinh niên, văn học nghệ thuật thế hệ hôm nay sao xuyên chấp chững đi tìm thần tượng mới cho mình, vì vậy nó hung hăng húc hặc nhưng cũng yếu đuối, mong manh ; do đó nó cách biệt với số lớn người ngày nay đang tưởng rằng mình còn có thể sống an toàn với những thần tượng cũ đã không còn hiệu lực như xưa.

Câu trả lời thứ hai có thể là : văn-học nghệ-thuật hôm nay chưa nói lên được thực tại của xã hội hiện thời, cho nên nó chưa ăn nhập được với đời sống xã hội. Một nhận xét rõ ràng là phần đông những người làm văn nghệ hiện nay ở miền Nam này là những người của miền Bắc. Những người này mang theo với họ trong tác phẩm một quá khứ của miền Bắc và phải cần một thời gian họ mới tìm hiểu được sâu xa cái thực tại miền Nam này, để thể hiện nó trong tác phẩm. Một nhận xét nữa là văn-học nghệ-thuật hiện tại trong lúc đang đi tìm thần tượng mới thường có xu hướng xây dựng tư tưởng mới cho nên thiên về phần triết lý siêu hình nhiều hơn là khía cạnh xã hội và nói lên những tâm tư đơn độc nhiều hơn là những khát vọng thâm lắng của đám đông. Đến đây tôi lại phải động chạm đến một vấn đề tế nhị là vấn đề kiểm duyệt. Nhiều người nói rằng họ không muốn viết những đề tài của thực tại xã hội bây giờ bởi vì họ sợ xúc phạm đến chính quyền hiện hữu vì, họ cho rằng thực tại ấy không được lấy làm tốt đẹp lắm. Tôi nghĩ rằng chính quyền hiện hữu không bao giờ lại có ý muốn bắt buộc mọi người phải tin rằng họ lại có thể có một phép lạ, một đũa thần để có thể thay đổi trong vài ba năm một tình trạng thối rữa thành một bó hoa hồng, nhưng những công chức phụ trách công việc kiểm duyệt vừa là công bộc của nhân dân mà cũng vừa là cán bộ của chính quyền, thật khó mà biết cho rõ những tiêu chuẩn nhất định để thừa hành phận sự của họ. Thành thử người viết cũng ngại ngùng mà người kiểm duyệt cũng dăm ra e dè. Trong hoàn cảnh đó, tôi nghĩ rằng sự bãi bỏ kiểm duyệt hoặc là một tinh thần làm việc mới của những nhân viên phụ trách kiểm duyệt sẽ khuyến khích những người làm văn học nghệ thuật ngày nay phản ánh được trung thực thực tại của xã hội chúng ta, đem đến cho văn học nghệ thuật ngày nay một không khí chân thật, khỏe mạnh, cần thiết.

Tôi cũng không thể không đề cập đến một thứ văn nghệ nữa, đó là

NỖI KHỔN KHÓ CỦA VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGÀY NAY

thứ văn nghệ tuyên truyền. Tôi không muốn chỉ trích ở đây lối tuyên truyền của nhà cầm quyền, nhưng có một điều không thể tránh khỏi tôi muốn nêu ra đây là một thứ văn nghệ phát xuất từ chính quyền kéo dài sẽ trở thành một thứ văn nghệ thiếu sinh khí, thiếu xúc cảm nhân dân. Hãy để cho văn nghệ nảy nở tự nhiên từ nhân dân; để là tiếng nói chân thành của nhân dân, chính quyền chỉ nên đóng vai trò nâng đỡ, khuyến khích mà không nên làm công việc chế tạo văn nghệ.

Tôi đã nói một vài nhận xét của tôi về nỗi khốn khó của văn học nghệ thuật ngày nay của chúng ta. về những nguyên nhân đã làm cho văn học nghệ thuật chúng ta xa lạ với xã hội, không ăn nhập được vào đời sống để trở thành là đời sống, là ý thức tranh đấu cho sự sống còn của chúng ta.

Bây giờ cũng như bao giờ, chúng ta đều nhận lấy một sự thật là xã hội chúng ta, một xã hội tranh đấu, không phải một xã hội hưởng thụ, tranh đấu thường trực, tranh đấu đến cùng. Để tranh đấu, chúng ta cần súng đạn, cần máy cày, cần cơm áo, cần tiền bạc. nhưng chúng ta cũng không thể thiếu cái ý thức phản ánh sự thật, khám phá sự thật hướng về sự thật là văn học nghệ thuật chúng ta bởi vì chỉ có sự thật mới có thể cứu sống chúng ta.

LÝ HOÀNG PHONG

tin cho x

VIÊN LINH

Buổi chiều Vĩnh ra bến thuê riêng một chuyến xe ngựa. Trời mưa dai dẳng từ hai hôm nay. Chàng kiểng chân nhẩy những bước dài ngắn từ hòn đá này tới hòn đá kia tránh những chỗ bùn sũng, những mảng đường bết bùn cát ướt. Mọi khi tới chiều tối chàng mới mặc áo ấm đi chơi cho tới khuya trong những cơn gió từ núi thổi vào, hôm nay Vĩnh phải dùng tới chiếc veste từ sáng sớm. Khi hậu ở một tỉnh nhỏ trên cao này thường chỉ hơi lạnh vào đêm trong mấy tháng cuối năm. Ngày nóng ngọt ngạt trong bụi chói mắt. Mưa thường có vào những buổi chiều, rất nhanh và lớn rồi tắt ngay. Hai hôm nay thị trấn nằm trong vùng ảnh hưởng của rét bão.

Vĩnh trả hai mươi đồng không đi thi thôi. Gã xà ích nói xin thầy ba mươi đồng đường lầy xuống dốc khó đi. Chàng bảo thôi hai mươi lăm đồng không đi thi thôi. Gã mời chàng lên xe lắc đầu.

Vĩnh mua một gói thuốc thơm và một gói thuốc đen của cô gái nhỏ ngồi sau chiếc hộp sắt chống bởi ba thanh gỗ chéo nhau, ngay bến xe. Cô bé cười đưa thuốc và tiền thối lại cho chàng. Người xà ích dong con ngựa ra giữa đường rồi nhẩy lên. Hai vòng bánh cao su xê đám bùn đỏ ra lấm đôi, thành một cái rãnh, những mảnh vàng vàng lóng lánh trời vào chỗ trống. Vĩnh nói có tới sáu cây số. Người xà ích nói bảy thầy. Bữa rầy lại khó đi. Trời mưa hoải. Vĩnh châm một điếu thuốc đen nói rét bão mà. Người xà ích kêu hèn chi lâu dữ.

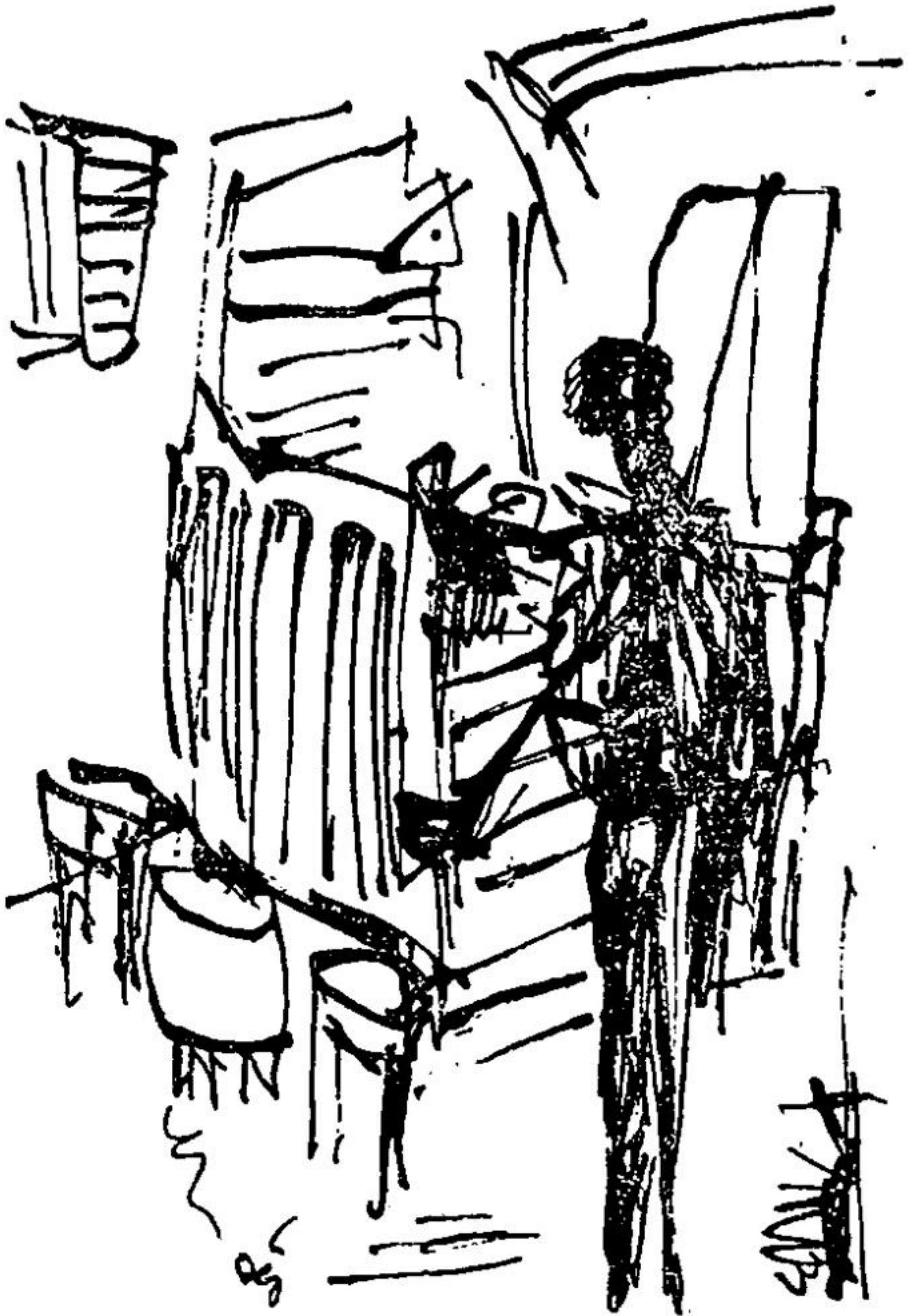
Chiếc xe chạy ra đường chính lát đá còn gồ ghề. Vó ngựa gõ lóc cóc. Vĩnh ngồi trên thành xe cao ngó trở lại đằng sau. Ngôi nhà thờ màu xanh lạt nằm giữa hai con lộ bất chéo. Dưới mặt đường những trái soan

tây vờ kèn rắc rắc. Người xa ích vút con ngựa một cái, nói thầy vô thăm ai trong Hồ nhà đèn. Vĩnh im lặng không đáp.

Lúc này chàng không hiểu là phải làm gì. Những buổi tối chàng hay ra phố đi vòng vòng vài lượt rồi vào một cái quán quen trên con đường vắng tối tăm. Chàng thấy không thể nói chuyện được với ai mà không bức bối khó chịu. Chàng cũng không chịu ở nhà để trông thấy những bộ mặt tươi tỉnh ngu độn. Buổi đầu tiên cô chủ quán ra ngồi cùng bàn với chàng, cười nói sao ít thấy anh lại đây chơi. Vĩnh đáp ít. Cô bé nói anh uống la bia. Chàng gật đầu nhưng nói cho một ly cà phê đen hai đồng. Cô gái dơ tay đặt xóc năm ngón lên mặt lụa đầy bóng láng năm ngón đỏ chót nhìn chàng gật đầu. Vĩnh quay mặt nhìn ra ngoài đường qua khe hở của hai tấm màn gió xanh đỏ, cô gái cười ở đây vắng lắm anh à. Chàng gật đầu rầu rầu. Dạ rầu, anh uống la bia. Vĩnh lúc đầu nói cho một chai la bia nữa. Cô gái ngồi một lát nhìn Vĩnh rồi co một chân đặt lên ghế, một bên má tựa lên đầu gối, nhìn xuống mặt bàn. Hỡi ôi ư làm người con gái buồn trông theo ư cảnh nhận lưng ư ư trời... Em ca đó à. Dạ, mùi không anh. Mùi anh tưởng ở radio chứ. Ở ra đó cũng thế thôi à. Em ca còn hay hơn con Út nữa nghe.

Vĩnh châm điếu thuốc đen nữa, thuốc thơm dành cho người bạn trong Hồ nhà đèn mà chàng sắp tới thăm. Chàng thở khói thành vòng tròn rồi dơ ngón tay trở chọc qua. Con ngựa chậm chạp xuống dốc, bùn cát bèo từng mảng cuộn theo bánh xe rồi mới rơi xuống. Qua hàng cây cao không thấy mặt trời đâu. Mây vẫn còn xuống thấp. Vĩnh móc túi lôi ra một mảnh giấy nhàu, chàng vuốt qua cúi đọc xong lại nhét vào. Đây là thư của Quỳnh gửi cho chàng qua tay một đứa trẻ người Thượng từ một tuần trước. Một lời nhắn gấp, nhưng Vĩnh lần lần bỏ qua đến một tuần hôm nay chàng mới tới. Lúc này Vĩnh không thể nào suy nghĩ gì được. Óc chàng chỉ còn là một chất nhờn loãng đang tan rã. Mọi thứ đều không mong dứt khoát được. Những chuyện của chính Vĩnh chàng cũng bỏ đấy, kệ nó. Ít ra rồi tự nó phải kết liễu. Chàng ngồi xuống sàn gỗ tránh bị xóc mạnh lúc xe vấp phải đá nổi, tay tựa lên thành gỗ ọp ọp. Vĩnh dơ tay kia luồn vào trong áo nghe tiếng tim đập. Chàng lại rút ra, lùa năm ngón vào mái tóc ngắn. Trên đầu con có bao nhiêu sợi tóc Chúa đã đếm cả rồi. Đây là một câu trong Thánh kinh. Vĩnh không biết chàng thuộc từ bao giờ. Chàng bỏ tay, quán theo một sợi tóc sâu. Thế mà đã ba mươi năm. Vĩnh nói. Người xa ích quay lại hỏi chi đó thầy. À ba mươi năm. Tôi chưa lâu quá chừng. Chút xiu nữa, dường lấy làm sao lạ thầy hai ơi. Rãnh dẫn nước đây rồi nè.

Trời không thấy sáng sủa hơn. Khu rừng yên tĩnh đứng những thân cây cao chon von. Vĩnh nhìn lên những khe lá hở tìm một cành cây một con vật chuyển động. Từ xa, tiếng máy bay ừ ừ. Phi trường quân sự



ở cách đây chừng năm sáu cây số. Một chiếc xe vận tải đang leo dốc tới phía chiếc xe ngựa. Gã xà ích la con ngựa bắt nó ghé vào mé đường. Vĩnh vẫn trông thấy chiếc xe này trong thị trấn. Nó chớ nước vào bán ở trong đó. Chiếc xe ngựa tiếp tục đi một quãng nữa thì Vĩnh nghe tiếng rì rào của thác nước nơi Hồ nhà đèn vọng tới. Chàng mỉm cười

nhìn một đứa bé gái người Thượng, trần truồng đứng ngó chàng. Gã xà ích kêu tới rồi thấy hai. Con ngựa dừng lại, cúi đầu xuống lắc đi lắc lại. Vĩnh nhẩy xuống đất móc túi trả tiền. Gã xà ích kêu một quá thấy, giọng nhỏ đi một chút. Vĩnh đưa vội hai mươi lăm đồng vào bàn tay đen sần sùi những gân nổi mọi hôm đi có hai mươi đồng. Đâu có thầy ơi. Thôi chào ông nhé. Dạ cảm ơn.

Vĩnh đứng trên cao nhìn xuống. Hai ba căn nhà sàn lợp gianh thưa thớt ở dưới trũng. Giữa là căn nhà ngói to rộng, tiếng máy chày rầm rầm vang lên đều đều. Hai ống dẫn nước lớn chạy song song từ trên núi xuống đó. Vĩnh nhìn con đường vòng tròn ốc từ chỗ chàng đứng cho tới cạnh chiếc nhà ngói ngai ngừng. Chàng không biết nên đi xuống từ chỗ nào để có thể đến nơi, chiếc nhà sàn sau chót về phía tay trái, mà không bị lạc. Cách đây chừng hai tháng hơn, chàng quanh co đến nửa tiếng đồng hồ trong con đường tròn ốc này mà không tới cũng không lên trở lại được. Tiếng động cơ nhà máy đèn liên hồi rầm rầm trong khu rừng làm Vĩnh thấy dễ chịu. Có tiếng động đó chàng thấy bớt cô đơn.

Vĩnh đánh diêm khum mười ngón tay bao ngọn lửa. Khi que diêm gần cháy hết chàng mới mới điều thuốc. Vĩnh đứng đó chờ cho có người trông thấy chàng. Qua bóng xanh dày của cả cánh rừng phía trước mặt ánh mặt trời bắt đầu rạn dần trong những tầng mây đen âm u. Một tiếng chim lạ kêu thỉnh thoảng. Một người đàn ông cởi trần từ đầu ra đứng giữa sân ngôi nhà máy, y quay lưng về phía Vĩnh. Chàng cúi xuống hất tảng đá bên cạnh lăn xuống. Nó nhẩy những bước dài xuống lòng chảo. Vĩnh nghĩ đó là bước chân của một gã không lờ chạy trên nóc một cái thành nào trong truyện cổ tích. Hòn đá nhẩy lên thành cống dẫn nước kêu một tiếng lớn vang động rồi lại nhẩy sang chỗ khác. Người đàn ông kia quay lại nhìn lên. Vĩnh mỉm cười. Chàng có cảm tưởng y đang mỉm cười lại với chàng. Y chui vào gầm chiếc nhà sàn ở phía trái. Khi cửa mở, một người đàn ông, mặc áo xanh màu rêu ra đứng nhìn lên một lát rồi mới bước xuống thang. Vĩnh nhìn bạn im mặc áo màu đang trèo dốc lên. Hắn mang chiếc quần kaki vàng nhà binh gấp lên mấy gấu. Khi hai người nhìn rõ mặt nhau thì đều mỉm cười, không ai nói gì. Vĩnh móc túi lấy bao thuốc lá thơm đưa cho bạn, nhìn xuống đất. Người kia xé bao lấy một điếu ngậm trên kia nói ừ. Vĩnh nói định như thế nào. Người bạn lắc đầu chầm thuốc hút. Hai người xuống tới chân dốc, Vĩnh dừng lại ngó lên trên. Chàng nói cao nhỉ. Ừ cao chứ. Tiếng máy nghe vui đấy nhỉ. Vĩnh theo bạn trèo lên chiếc nhà sàn nhỏ cũ. Những phen nan tre ải gãy từng chỗ lớn.

Ở một góc nhà kê một chiếc giường vải nhà binh còn mới. Ở một góc khác có một chiếc bàn mộc trên để một cái ly vỡ, một cái siêu âm khỏi một ống diều hút thuốc láo bằng tre, mấy băng đạn. Vĩnh ngồi xuống cái thùng sắt tây dùng làm ghế. Người bạn chàng ngả người xuống giường, đầu gối lên một khẩu súng M.A.S. Ở trên tấm phen trước mặt Vĩnh phía trên cái bàn là một băng phản công các phiên canh trong ngày. Nhà máy đèn ở cách xa thị trấn nằm trong vùng kiểm soát của nửa tiểu đội Bảo An, bạn Vĩnh là trưởng đồn, đóng tới Hạ sĩ nhất. Bạn chàng cũng quen thân ông ta và nói là tới ở chơi ít lâu. Hạ sĩ nhất trưởng đồn rất vui vẻ.

Bây giờ độ mấy giờ. Người bạn Vĩnh hỏi. Chàng xem đồng hồ nói mười giờ rưỡi. Ở đây ăn cơm, có thú thì chiều tối đi săn. Có gì mà săn Vĩnh hỏi. Nai ở rừng thưa gần đồn có thiếu giống. Hay tới rừng rậm có khỉ, vượn. Ở thế à, thế thì chiều đi. Ừ chiều đi.

Khi ăn bữa trưa xong Vĩnh ra ngồi ngoài sân nhìn lên các đỉnh cây im lặng. Chàng thấy không thiết ở đây, cũng chẳng thiết về trong thị trấn. Vĩnh thấy đầu óc chàng quả thực là đang tan rã. Nó sẽ bửa ra Vĩnh nói. Vĩnh muốn ngủ nhưng không mấy khi chàng ngủ trưa được. Chàng cứ nằm chán trên giường rồi lại ngồi dậy ra bàn viết. Cho tới chiều Vĩnh sẽ ra phố, vào cái quán nước quen thuộc giữa khu phố tối tăm ít ánh sáng. Đầu tiên cô chủ quán sẽ nói lâu sao anh không tới chơi. Vĩnh nói lâu. Cô gái ra ngồi gần chàng, bên một chiếc bàn thấp phủ khăn chum xuống đất ở đây vắng lắm anh à. Anh uống lá bia. Vĩnh nói ừ một chai lá bia hai cái ly, anh mời em uống. Nhưng mà em phải ca cho anh đỡ rầu. Anh mà rầu nổi chi. Anh rầu lắm em không biết. Vừa nói Vĩnh vừa cười. Cô gái đặt một tay lên tay chàng nói em mà mần một tháng ba bốn ngàn như anh thì khỏi có rầu. Vĩnh cười anh nghèo xác. Cô gái kêu bộ đây học mà nghèo sao được, anh cho gái, há? Vĩnh lắc đầu không nói. Cô gái gặng hay cô bạc chứ chi. Vĩnh lắc đầu nữa cô gái hỏi hay anh quyến rũ con người ta rồi phải thương hết nghiệp tron? không phải nữa. Cô gái kêu thôi thằng ma cô nào nó quật tiền anh chàng chẳng khỏi? Vĩnh cười, rót bia cho bọt khỏi nổi lên miệng cốc. Chàng thấy đến cái quán này thế mà vui, ít ra còn đỡ khó chịu hơn mấy cái mặt hoan hỉ đồn đồn ở nhà. Mặt chỉ biết có chuyện trong cái tin vật ở mấy tờ báo lá cải chuyên đăng tin hiệp đàm cướp bóc. Chàng thấy thật là kinh khủng. Những thay đổi biến chuyển những bóng nặng của đời sống không ăn thua gì với họ. Cô gái này hay hơn vì nó vốn vậy. Phải không em. Dạ phải. Vĩnh cười. Em có biết ông Cô-lông-banh không? Trời cái tên chi kỳ cục. Ông Cô-lông-banh có một con lừa để chở hành khách đi đây đi đó. Một hôm ông đi qua một khu rừng. Ông vô đó chi vậy. Ông chỉ đi qua. Bỗng chẳng may có một con gấu kia nhảy ra. Trời ơi chết không. Nó ăn

thịt con lừa xong định bỏ đi. Ông Cò-lòng-banh giữ nó lại. Trời đất gan ta. Ông bảo mi đã ăn con lừa chờ hành lý cho ta, bây giờ làm sao ta mang được đồng đồ nặng đó. Con gấu nói sao anh. Nó liếm mõm ra điều ngấm ngấm một lát. Ông Cò-lòng-banh nói vậy theo lẽ phải, mi phải thay con lừa đó chờ hành lý trả ta. Trời đất nó nghe sao. Nó nghe, lẽ phải sao nó không nghe. Trời đất ơi gay cấn. Ông Cò-lòng-banh giỏi dữ. Truyện cổ-tích à anh. Tuyệt thật. Bộ em là con nít sao. Thế sao nó không ăn ông Cò-lòng-banh mà lại ăn con lừa? Cò gấu hỏi, ngáy ngò một lát, rồi phá lên cười. Vĩnh không động đậy nhưng lấy làm thú vị. Chàng kêu một chui bia nữa và ở đó lâu.

Khi Vĩnh quay vào người bạn chàng vẫn nằm hút thuốc. Đôi mắt y lơ lơ một mồi nhìn Vĩnh. Chàng nói ở đây mà cũng nóng. Buổi chiều vẫn vậy đó. Vĩnh đập một con muỗi trên cánh tay, lau chỗ máu dính, nói buồn quá. Lát đi sẵn. Đi luôn đi. Ừ. Đi. Phải đi theo ông xếp bớt.

Khi ba người vừa tới cửa rừng rậm viên hạ-sĩ nhất nói ở đây nhiều khỉ lắm. Vĩnh nói thế à, thú nhỉ. Ông ta nói hôm nọ đi tuần mà tôi cũng hạ sát được một con vĩ đại. Người bạn của Vĩnh nói nữa tám phát nó mới chết. Viên hạ-sĩ nhất nói nói lão, ba phát. Nói lão, tám phát, hết cả băng đạn bạn ơi. Bắn những chỗ khác đấy. Vĩnh nói lớn lắm à. Lớn vĩ đại, bằng một thằng nhỏ ba tuổi. Hay đi tuần luôn không. Thỉnh thoảng, canh gác phá hoại. Vĩnh hỏi nhà máy đèn? Viên hạ-sĩ nhất nói thêm cả tụi đồn gỗ trộm trong rừng. Rừng của ai. À Sở thủy lâm. Thôi nói khế tôi rồi.

Ba người lên lối vào tận sâu, ở đấy nhiều bóng tối. Xung quanh cây cao ngất, đứng im lìm hồi lâu thật lâu Vĩnh mới nghe tiếng chim hót. Chàng ngừng đầu từ ngọn cây này tới ngọn cây khác. Không có dấu hiệu gì tỏ ra nhiều thú ở đây. Dưới chân chàng là mục xếp lên nhau rất dày, những con vắt ngo ngoe tìm chỗ bám. Thỉnh thoảng một trái cây đại rơi loạt soạt trên các tầng lá. Viên hạ-sĩ đi nhẹ nhàng về một phía, tay cầm khẩu M. A. S. 36. Ông ta đưa mắt tìm tới trên các lùm cao, làm như dễ chịu. Chàng móc túi lấy thuốc hút nói với người bạn đứng bên cạnh còn câu chuyện đó sao. Cũng chưa định. Họ vẫn đề ý tìm cậu, Vĩnh nói. Người bạn chàng gật đầu biết, thành ra vẫn phải ở đây. Nhưng có lẽ không còn lâu. Vĩnh hỏi không tiện à. Người kia đáp không phải, có thể ở lâu song buồn chết người. Với lại không thể ở mãi chứ. Vĩnh nói hiểu không. Vĩnh lắc đầu họ vẫn cho là chính cậu. Người kia vắng tục rồi nói giận quá. Còn cậu, chính cậu thì nghĩ sao?

Vĩnh ngược mắt nhìn lên một cành cây cao, chàng nói kể ra cũng không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Người ta, cả cái thị trấn đó ai cũng biết chuyện giữa cậu và con mụ đó. Người kia nhìn thẳng vào mắt vào miệng

VIÊN LINH

Vĩnh, nói cậu mà cũng tin rằng chính ta đây hiếp dâm và giết con đàn bà ấy à. Dù sao thì đúng như vậy, đúng là không phải là không có cơ, song bên trong cậu phải hiểu hơn chứ.

Vĩnh ngắt một chiếc lá, di điều thuốc vào đó chàng nhìn người bạn, nói kể ra ta vẫn tin cậu song tại sao cậu không ở lại đó, lại bỏ đi ngay lúc sáng sớm. Có người nói vậy. Có một việc khác không thể biện bạch nổi. Chính thực chỉ vì muốn tránh rầy rà. Thường ta vẫn đi sớm. Sáng chông nó từ đồn điền về. Hôm đó có đi sớm hơn mọi ngày. Cậu phải hiểu là việc đó thật dễ dàng, việc gì phải làm bí ối như vậy. Và giết nó làm chi. Vĩnh nói người ta bảo có nhiều lý do. Song ví dụ : tức giận chẳng hạn. Có thể lắm chứ. Người bạn chàng gạt đầu điều ấy có thể ở một trường hợp khác. Ta, ta tức giận nó làm gì. Có những thứ không đáng để mình tức giận nữa ấy chứ. Có những thứ chỉ cần dừng đứng. Vĩnh hỏi tưởng cậu yêu nó. Người kia cười yêu Lorene ? Không, chông nó giàu, có đồn điền, không quan hệ song không hề có chuyện đó. Tại sao không nghĩ là chính thằng Carthey giết vợ ?

Vĩnh cười ai người ta nghĩ vậy, trong trường hợp khó tin này. Chàng đưa mắt tìm viên đồn trưởng song y đứng ở mãi đằng xa. Chàng nói thôi tìm cái gì hẳn mấy phút. Người kia chậm thuốc hút tiếp không nói năng.

Bấy giờ ánh mặt trời loáng choáng chiếu qua các khe lá hắt xuống. Vĩnh đi tới gần viên hạ-sĩ nhất. Ông ta quay lại hỏi không thấy gì à. Vĩnh đáp chúng nó đi đâu hết. Thế nào cũng có, chúng nó tính lắm, mấy con khỉ.

Vĩnh nhìn theo hướng mắt của viên trưởng đồn nhưng chàng không hề thấy một chút động tĩnh nào trên cao. Cây lá đứng im. Thỉnh thoảng có tiếng chim kêu hót. Chàng quay lại tìm người bạn, y ngồi trên một cái rễ cây, một nửa người lẩn vào đám lá xuề xòa. Một bông hoa đại đỏ chót xát sau lưng chiếc áo màu nâu của y. Vĩnh thấy buồn buồn ở chân, chàng vội cúi xuống lấy chân kia đi con vật đang leo lên. Một cái giống nhỏ bé thật đáng sợ, Vĩnh nói. Viên hạ sĩ suyt khế, dơ tay ra dấu cho chàng im. Ông ta dơ cao súng. mở chốt an toàn bóp cò. Tròng liên thanh nổ vang khu rừng. Vĩnh nói cái gì thế. Một tiếng loạt soạt mạnh rơi trên lá cây. Viên hạ-sĩ nói to thần thánh ơi nó rơi. Cái gì đó. Con khỉ vĩ đại. Vĩnh nhìn con vật bị hạ vừa rơi xuống, chàng nói về uống rượu. Viên hạ-sĩ nói hẳn đi rồi. Người bạn Vĩnh đi tới nói lớn quá. Viên hạ-sĩ nói vĩ đại. Ông ta vác con vật lên vai nói thôi đi tuần chút rồi, về thịt các anh em. Vĩnh bước theo ông ta, nói hẳn sủa quá. Viên hạ-sĩ nói nó ở cao vót.

Tối chiều tối, Vĩnh bắt tay viên trưởng đồn nói thôi chào xếp xin phép về. Về à sao không ở chơi. Người bạn đưa chàng lên cái dốc xoay

tròn ốc. Vĩnh nói độ này bận lắm. Sẽ ít đến. Người kia nói ừ thôi đừng đến, cũng chẳng còn ở lâu. Định đi đâu Vĩnh hỏi. Người kia vút mẩu thuốc xuống cổ nói về Sài Gòn. Vĩnh nhìn trở lại mấy căn nhà phía dưới nói ở trên cao nhìn xuống buồn nhỉ. Ừ buồn lắm. Cái máy kia chạy suốt ngày đêm à. Ừ suốt ngày đêm. Vĩnh đưa nốt bao thuốc cho bạn nói nhẽ ra cậu không nên lénh mặt. Đã bảo vì có dính đến một cái khác nên không thể ra. Cái này nó lòi cái kia mệt lắm. Ở đây mãi coi chừng không được, Vĩnh hỏi. Người kia gật đầu viên trưởng đồn sắp đổi đi nơi khác. Vĩnh nói phiền nhỉ. Cũng sắp về Sài Gòn. Không thích ở đây, tại sao vậy. Chúng nó chớ Vĩnh đáp.

Khi lên khỏi lòng chảo Vĩnh đứng lại nhìn xuống. Mặt trời đã ở ngang một lùm cây. Tiếng động cơ trong nhà máy đèn âm âm đều đều vọng lên. Ở xa, Vĩnh nghe thấy tiếng thác nước rì rào nhỏ hơn đưa lại. Chàng chăm thuốc, nhìn vào bộ râu rậm của bạn hỏi còn chuyện Bích ra sao. Người kia nhìn căn nhà sàn phía dưới, một tay dơ lên vuốt mặt lâu không tin tức. Nhưng chẳng có gì thay đổi, vẫn yêu cô ấy. Vĩnh nói thôi về, chúc may mắn. Ừ về đi, có lời hỏi thăm Thuận. Vĩnh cười, quay đi.

Chờng theo lối tắt ra phía đường quốc lộ số 14. Bấy giờ Vĩnh cảm thấy lấm lấm rất được nhẹ nhàng. Trong một ngày thường chỉ có một chiếc xe đạp của bạn Vĩnh nhìn thấy một chiếc trên con đường vắng. Tiếng móc đặc gõ lách cắc trong không khí êm ả. Chàng móc túi lấy thư của Quỳnh ra xem rồi vút xuống đất. Vĩnh nói thật không ra cái gì cả, khi chàng ra tới đường cái.

Hơi nóng hằm hấp từ mặt đường nhựa bốc lên làm Vĩnh hoa mắt. Chàng bước lui vào mé cỏ đi trên đó. Những chiếc xe nhà binh chạy vo vo cuốn bụi theo làm Vĩnh ngại thở, chàng chỉ muốn ngủ ngay lúc đấy. Vĩnh lau mồ hôi trên thái dương rồi dọc theo quốc lộ đi bộ về thị trấn.

Buổi chiều hôm sau Vĩnh lại ra phố đi chơi. Chàng vừa viết một lá thư báo cho Thuận biết là chàng sắp về Sài Gòn. Trong đó có một câu anh vẫn còn yêu em Thuận ơi. Vĩnh nói tuyệt, hay như thế mà không yêu mình thì thôi chứ còn gì nữa.

Vĩnh vào cái quán mọi khi. Cô gái đang ngồi đọc báo trông thấy chàng vội đứng lên nói sao ít thấy anh lại đây. Vĩnh cười nói một lá bia. Chàng ngồi xuống cạnh cái bàn thấp có phủ khăn chùm xàt đất. Cô gái ngồi xuống bên Vĩnh nói anh có chuyện chi rầu. Chàng nói sống rầu quá em. Ồi khỏi lo đi anh sống ngày nào hay ngày ấy. Lo chi mệt. Vợ anh nó phụ bạc anh rầu hết sức. Trời ơi ở đời thiếu chi đàn bà anh.

VIÊN LINH

Bỏ quách con mụ đó cho rồi. Mấy bữa nữa anh quên tốt nó ngay em nói thiệt. Không có chết ai đâu anh ơi. Cô gái cười. Một lát hỏi sao anh hay đi một mình vậy. Vĩnh nói chúng nó chó anh không thêm đi với chúng nó. Cô gái nói hèn chi anh cò độc. Khi nào chán đời anh tới đây nghe. Vĩnh gật đầu.

Một thằng nhỏ người Thượng đứng thập thò ngoài cửa. Vĩnh nhận ra, vẫy nó vào. Nó đưa cho chàng một mảnh giấy nhỏ. Vĩnh móc túi lấy cho nó mấy đồng rồi bảo đi.

Cô gái hỏi chi vậy anh. Vĩnh vo mảnh giấy bỏ vào túi, chàng đánh diêm châm thuốc hút, gặp một người quen anh bị bắt. Cô gái kêu sao vậy kia. Vĩnh thở phào một cái anh ta trốn trộm gỗ của sở Thủy Lâm, nghèo quá mà em. Hèn chi, cô gái nói. Lại mưa rồi kia anh, rớt bão hoài.

Vĩnh ngó ra ngoài đường, chàng nói hôm nay anh ở với em đến đêm. Cô gái kêu hạnh phúc của em ơi. Vĩnh cười mai anh về Sài Gòn. Anh về làm chi. Về lấy vợ, Vĩnh nói. Cô gái la lớn trời anh bỏ em sao, anh ời ư làm người con gái buồn trông theo ư cánh nhạn lưng ư ư ư trời...

VIÊN LINH



Con khi
phục họa của Nguyễn Trung

reformed by Le Tung Chau

ý nghĩ về con người

NGUYỄN HỮU ĐÔNG

Tôi muốn suy nghĩ về con người: tôi, anh, kẻ ấy. Tôi không nói : con người của tôi của anh của kẻ ấy ; vì nếu thế tôi mặc nhiên chấp nhận con người là thành phần của một thực thể, trong một thực thể : sinh vật. Tôi muốn suy nghĩ về con người với tư cách là người, trên tư cách làm người, bằng quan điểm con người.

Việc trước tiên cần làm là loại bỏ những danh mục từ lâu được gán lên con người để sắp hạng, phân loại con người thành từng phần nhỏ hẹp và sai lệch ; người ta không quen ý thức trực tiếp và thấu triệt con người ; con người không là con người, mà chỉ là thần lệ, công dân của một quốc gia, dân tộc, chủng loại, tôn giáo... Thế là con người sao ? Không, đó chỉ mới là những biểu hiện hạn hẹp, những góc cạnh bé nhỏ của một toàn thể. Người ta không thấu triệt toàn thể, mà đánh ngừng lại trên một thành phần giả tạo và thiếu thốn.

Tôi không muốn thế. Tôi muốn khám phá con người như một toàn thể tuyệt đối, linh thiêng, tự tạo, tiến hóa không ngừng. Con mắt quen nhìn sự vật, khi chiếu lên con người cũng không tìm được một tầm nhìn mới lạ, hồn nhiên, mà vẫn dùng những khuôn mẫu tìm hiểu sự vật để tìm hiểu con người. Con người bị nhìn như một đối tượng, nghĩa là sự vật, nghĩa là chương ngại, thù nghịch. Tôi nhìn về tôi : cái tôi bị nhìn bỗng dưng hóa thành sự vật, mất bản chất người. Tôi nhìn sang kẻ khác : kẻ khác không còn là người mà chỉ là một khối thể chất chiếm chỗ trong không gian và thời gian, cướp đoạt mất một ít quyền lợi đáng lẽ về phần tôi ; cái tôi tự kỷ đã biến kẻ khác thành sự vật, thành trở ngại, thành kẻ thù. Đứng trên quan điểm đó, quan điểm của

Ý NGHĨ VỀ CON NGƯỜI

cái tôi tư kỷ, một phái triết gia đã tuyên bố : kẻ khác là địa ngục. Họ có lý. Cái lý của cái tôi bé bỏng.

Tôi muốn phá vỡ tất cả những lớp kén hạn hẹp chật chội kia để thấu triết con người toàn thể, ở tôi, anh, kẻ ấy. Con sâu chui rúc trong lòng đất, giam hãm trong lớp kén đã hãm chứa tiềm thể làm ve làm bướm. Đòi cánh tuy chưa thành nhưng có thể thành nay mai. Trời cao xanh ngắt tuy chưa tìm vào đôi mắt thủy tinh, nhưng có thể ngày nào tìm vào đó. Đối với con người, tôi mong được như thế. Hôm nay trong tầm nhìn của nhau, con người chưa là con người, mới chỉ là đối tượng, nghĩa là sự vật. Cũng như con sâu chưa thành bướm, tuy rằng một mai có thể thành bướm để bay lượn trong trời cao rộng.

Khoa học cho tôi một tầm nhìn về con người trên những khía cạnh phân tách và riêng rời của nó. Đó vẫn chưa là con người. Tuy nhiên đó là một vài phần thiết yếu của con người. Và khoa học cho tôi một ý thức về con người : ý thức tiến hóa miên tục và trường cửu. Có thể con người đã làm một cuộc hành trình trường kỳ bắt đầu từ một nguyên tử bé nhỏ và huyền bí, qua bao nhiêu giai đoạn cấu tạo để hôm nay trở thành con người, nơi tôi, anh, kẻ ấy. Không một lúc nào đã tiến hóa ngưng đọng. Nó gặp nhiều trở ngại, nhiều gian nguy, nhưng rồi vẫn cố vượt lên để xây dựng con người hôm nay. Con người này, ở hôm nay đây, không là một kết thúc, một hoàn tất, mà chỉ là một giai đoạn—một thời kỳ. Vậy kết thúc, hoàn tất ở đâu, là gì ? Khoa học ngừng lại nơi hiện tại, chỉ giải thích những cái thế nào đang diễn ra, mà không thấu triết được cái tại sao, và cái sẽ như thế nào. Nhiệm vụ khoa học đã hết khi cho biết những góc cạnh gần gũi của con người. Khoa học chỉ có tham vọng trả lời câu : con người là thế nào ? Những câu hỏi từ đâu có con người, con người đi về đâu, nếu muốn thấu triết căn nguyên và cùng đích thì không thể trông vào khoa học.

Tôi tìm sang triết học và tôn giáo. Những thuyết lý luận thuộm chỉ nêu lên những giả thuyết giải thích, mà không cố biến một chân lý chính xác nào. Mỗi thuyết lý hệ thống hóa được một số những ý nghĩ riêng rời về con người, và giải đáp được một số những khát vọng của con người. Một khuyết điểm lớn : không một thuyết lý nào nắm được toàn thể con người, cũng như toàn thể cộng đồng và toàn thể vũ trụ. Nếu không có điểm hội tụ cho những con đường thì biết đâu đường dẫn đến kinh đô ? Tuy nhiên tôi có thể nhìn thấy nơi những thuyết lý ấy những mảnh chân lý nhỏ về con người.

Những thuyết lý siêu hình — những tôn giáo — phân loại con người thành hai hạng lớn : những người tin đồ được đặc ân cứu rỗi, có cơ nhập diệt bàn, hay lên thiên đàng ; và hạng ngoại đạo bị trầm luân.

Tôi tự hỏi trong số những con người cổ kim, và cả những con người có thể sống trên địa cầu này, hay trên tất cả những hành tinh khác, được mấy phần có đặc ân làm tín đồ cho một tôn giáo cứu rỗi; và trong số tín đồ ấy còn mấy phần thực sự được cứu rỗi. Thành phần ngoại đạo kia chịu một số phận như thế nào? Những ý nghĩa bi quan này làm cho tôi hoài nghi những đề nghị và những hứa hẹn của tôn giáo. Những tôn giáo lâu đời lắm cũng trong vòng vài thiên niên kỷ mà nhân loại thì đã có từ hàng triệu năm. Số phận những con người trước đó như thế nào? Có những tôn giáo khoe khoang là quán thế: thời gian góp nhặt chưa quá vài thiên niên kỷ, số tín đồ hiện nay không quá một phần tư nhân số địa cầu; so với toàn thể nhân loại cổ kim thì có qui tụ được một phần trong trăm ngàn chăng? Những thuyết lý triết học cũng như siêu hình đều hạn hẹp quá.

Tôi muốn nhắm mắt mà nhận lấy cuộc sống ngắn ngủi giới hạn trong hai cái sinh tử. (Không thể được: ý nghĩ về những cái trước cái sinh, và sau cái tử đã có trong tâm tưởng tôi từ bao giờ. Đứa bé ngu dại nhưng bờ ngõ và thắc mắc nhìn cái chết của một người thân, đã bắt đầu xây dựng ý thức trường cửu. Những câu chuyện hoang đường đạo sĩ luyện thuốc trường sinh, và tiên tử tu đắc đạo nói lên khát vọng vượt ngục trần gian, thắng định luật sinh tử. Tại sao con người có ý nghĩ ấy, ý nghĩ trường cửu và vượt sinh tử, nếu một khi không thể nào có một thể thực hiện khát vọng ấy?

Một lần tôi chế đôi một hạt đậu. Trong hai mảnh của hạt đậu, ẩn kín một cái mầm rất nhỏ của cây đậu. Ý nghĩ là cái mầm ấy, cây đậu là sự thực hiện trọn vẹn đầy đủ. Vì đã có mầm đậu nên có cây đậu. Tôi có thể nói rằng đã có ý nghĩ trường cửu tức là có cái thể thực hiện sự trường cửu? Thực hiện bằng những phù phép của tôn giáo? Bằng những sự đồng hóa vào tác phẩm nghệ thuật? Không vẹn và không chính chút nào. Những khuyết điểm của tôn giáo như đã nêu trên làm cho giải pháp tôn giáo thiếu tính cách quán thế và toàn diện của nó. Nghệ thuật chỉ thực hiện được một góc cạnh rất nhỏ hẹp trong khát vọng trường cửu. Tác phẩm tồn tại chưa đủ: tôi muốn toàn diện con người tồn tại trong một trạng thái viên mãn, siêu thắng.

Những khúc mắc của ý nghĩ trường cửu làm cho tôi ao ước có thể nhắm mắt, bịt tai, và giết chết bản khoán, để không còn lo nghĩ gì nữa. Nhưng như thế thì tất cả cuộc sống bỗng dưng trống rỗng, hoang vu, vô nghĩa, phi lý. Không, không thể như thế. Trên bình diện chiêm nghiệm, suy lý, sự thoái thác đó cũng vô nghĩa. Con người đã từ một nguyên tử trong hỗn độn thực hiện trạng thái làm người hôm nay, đề rồi ngưng đọng, khi những khát vọng nhen nhúm từ muôn thuở chưa được thỏa mãn thì quả thật phi lý đến cực độ. Biện chứng luận không thể chấp

Ý NGHĨ VỀ CON NGƯỜI

nhận suy lý này. Vậy nếu tôi tiếp tục biện chứng luận đồ đang kia, tôi sẽ đi đến đâu? Đó là câu hỏi, tôi, và trước tôi bao nhiêu người; đã tự đặt ra và đem tất cả cuộc đời mình làm bài giải. Và tất cả nhân loại, bằng đủ mọi cách thức, mọi phương tiện, có thể là sai lạc, nhưng đầy thiện chí và say sưa, đã tìm cách giải đáp.

Biện chứng luận tiến hóa ngày nay đặt ra như sau: con người từ nguyên tử vật chất trong hỗn độn thực hiện được trạng thái làm người hôm nay. Trạng thái làm người, hay là con người, tuy rằng xây dựng bằng một phần vật chất hạn hẹp, nhưng không còn là thuần túy và tuyệt đối là vật chất: con người là một tổng hợp chặt chẽ giữa vật chất và tinh thần. Tinh thần không phải là thành phần cách biệt, tách rời gắn lên vật chất, nhưng chính là sự thành đạt của vật chất, cái hoa của một cây. . .

Những ý nghĩ là những triệu chứng sinh hoạt của tinh thần. Ý nghĩ tuy không định vị nơi một cơ quan nào của thân thể con người, nhưng thấm nhuần và chi phối thân thể. Và thân thể cũng ảnh hưởng hỗ tương lên ý nghĩ: vật chất và tinh thần nơi con người đã thực hiện được một tổng hợp đẹp đẽ.

Lịch sử tiến hóa hoàn tất và kết thúc tại đây sao? Vô lý. Tôi đặt lại một biện chứng luận: nguyên tử trong hỗn độn tương khắc tương sinh giữa tinh thần và vật chất; vật chất chịu luật tan hợp, trong lúc tinh thần đang khao khát một trạng thái viên mãn trường cửu; khao khát trường cửu của tinh thần, mà con người sẽ thực hiện được bằng cuộc sống trần gian, sau cuộc sống trần gian. Hầu hết các thuyết lý triết học và siêu hình đều có đặt ra biện chứng luận này. Nhưng phương sau cuộc sống trần gian, thì họ lại tương phản và thù nghịch nhau.

Vậy sau những ý nghĩ này, tôi rút lại một kết luận: trạng thái sinh hoạt tinh thần trường cửu và thuần túy là khao khát, là lý tưởng của con người. Phương diện và cách thức không nhất định phải là thế này hay thế kia. Con người, mỗi người, mỗi cộng đồng xã hội, mỗi thời đại, có quyền định đoạt lấy. Như thế những điểm dị biệt giữa các thuyết lý làm những con đường muốn ngã tìm về một tư tưởng rộng lớn hội tụ được đáng kể, đáng sợ nữa.

Nguyên lý siêu hình và triết học này có thể dung hòa được những điểm thù nghịch của tư tưởng nhân loại, và đặt một mặt bàn phẳng, cần vấn đề con người chẳng?

NGUYỄN HỮU ĐÔNG

Những nguyên nhân thù nghịch, kỳ thị giữa con người gom vào ba nguyên nhân chính : tư tưởng, quyền lợi, chủng tộc. Một khi chấp nhận một căn bản đàm thoại chung : con người và lý tưởng trường cửu tinh thần của nó, tất nhiên những điểm dị biệt thù nghịch tư tưởng — dù là một triết lý hay tôn giáo — đều không đáng kể nữa. Con người của một thuyết lý siêu hình hay triết học này, sẽ xem con người thuộc một triết lý siêu hình hay triết học kia như những bạn đồng hành đi về cùng đích chung, có sự đua tranh chân thành và nâng đỡ thật tình, mà không có sự giành giật và thù nghịch. Anh có quyền sống theo tư tưởng hay tôn giáo của anh ; không sao cả ; điều ấy không đủ phân chia nhân loại thành từng phần riêng biệt và thù nghịch, có thể gây nên những cuộc thánh chiến phi lý.

Nếu căn bản chung cho cuộc đàm thoại là con người, và khao khát trường cửu tinh thần, đó cũng có thể là căn bản cho một thái độ sống chung hòa hợp và tương thân. Những biên giới dân tộc, quốc gia, sau những biên giới tư tưởng và tôn giáo, sẽ lần lượt bị phá vỡ, để con người gặp nhau trên căn bản duy nhất : con người. Không còn có thể còn lại vấn đề chủng tộc hay quốc gia, khi vấn đề lớn đã là vấn đề con người. Cũng không còn vấn đề tương phản quyền lợi khi tất cả đứng trên căn bản con người toàn diện mà nhìn sang người khác : người khác sẽ có những quyền lợi thiết yếu giống mình. Những điểm dị biệt, thù nghịch giữa những quyền lợi chỉ là giả tạo, do những quan điểm hạn hẹp tạo nên mà thôi, mà quan điểm con người toàn diện sẽ xóa nhòa đi.

Khi khám phá ra những ý nghĩ này về con người, bỗng tôi cảm thấy thanh thản, thoải mái. Những day dứt nhỏ hẹp mà những quan điểm nhỏ hẹp đã gây nên trong tâm tưởng tan biến đi như sương khói khi có ánh nắng mặt trời. Và tôi cảm thấy hân hoan. Những nỗi đê nhục kiếp người, thực sự chỉ là những nỗi đê nhục của những danh mục phân loại gán lên con người : nỗi đê nhục thần lệ, nỗi đê nhục công dân, nỗi đê nhục người dân nhược tiểu, nỗi đê nhục giai cấp hèn hạ nghèo khổ, nỗi đê nhục tuổi tác, tất cả những nỗi đê nhục đó không đáng sợ ; tôi mỉm cười, tôi không phải chỉ là những cái hạn hẹp được chỉ thị bằng danh mục phân loại tôn giáo, chủng tộc, giai cấp, quốc gia ; tôi là con người, nghĩa là cái gì vượt lên khỏi những bé nhỏ ấy. Một tổ chức xã hội hay chính trị có thể tạm thời giam hãm tôi trong một lối sống cưỡng bách đau đớn, nhưng bao giờ tôi cũng vươn lên, vượt lên, và tất nhiên có thể vươn lên, vượt lên bằng sinh hoạt tinh thần bây giờ đây, và trong một trạng thái sinh hoạt lương hảo sau này. Tôi cũng không còn mang nặng những mặc cảm tự ti về dân tộc, tôn giáo, giai cấp hay gì đi nữa. Trước hết, và cần thiết tôi là con người. Tất cả ngoài đó chỉ là những chi tiết, tuy nhiều

Ý NGHĨ VỀ CON NGƯỜI

lúc cũng làm bận rộn đời sống của tôi lắm, nhưng không thể chi phối và nó lệ hóa tôi hoàn toàn. Bao giờ tôi cũng còn lại một tiềm lực vượt ngục : dù cái ngục đó là giai cấp, dân tộc hay tư tưởng.

Tôi tạm biệt vùng suy tư thuần túy về con người để trở lại những quan sát về thực tại sinh hoạt của con người hôm nay, trước mắt tôi đây. Những tư tưởng lớn đang giằng xé nhân loại. Những nguyên nhân chiến tranh không còn hẳn là những nguyên nhân quốc gia chủng tộc, hay kinh tế, chính trị, mà đã trở nên những nguyên nhân tư tưởng. Ngày xưa kia những chiến tranh hầu hết là những chiến tranh gia tộc: đó là tình trạng thời Hồng Chu chiến quốc về trước. Tiếp đến là những chiến tranh quốc gia. Cao độ của ý thức quốc gia nằm vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Đại chiến thứ nhất một phần là đại chiến giữa các khối liên hiệp quốc gia ; nhưng bên cạnh những nguyên nhân biên giới đã bắt đầu xen lẫn vào những nguyên nhân tư tưởng, hay lý tưởng. Đại chiến thứ hai mở đầu cho một thời đại mới, trong đó những xung đột không còn là những xung đột biên giới giữa các quốc gia, mà đã đột nhiên trở nên những xung đột tư tưởng, lý tưởng. Có người muốn cho rằng đây chỉ là lục địa mới Mỹ-Châu ; lục địa cũ Âu châu. Nguyên nhân là giành đất sống. Như thế là nhầm. Lục địa và chủng tộc chỉ là khung cảnh biểu diễn chiến tranh, mà không phải nguyên nhân hay chiến trường. Người ta có thể giải quyết vấn đề nhân mãn bằng rất nhiều cách thức, nếu chỉ có mỗi một vấn đề ấy. Nhưng bên cạnh vấn đề nhân mãn còn những vấn đề lý tưởng quan trọng hơn không thể giản xếp bằng thương thuyết, mà cần phải xung đột đẫm máu, khi con người chưa tìm được căn bản đàm thoại nào ngoài chiến trường vũ khí. Những người dân nhược tiểu có quốc gia bị phản đối sẽ hiểu rõ hơn điều này : những nguyên nhân chiến tranh nhỏ như quyền lợi kinh tế, chủ quyền quốc gia, vấn đề biên giới, chỉ là những nguyên nhân phụ thuộc. Nguyên nhân chính vẫn là sự tương khắc và bất khả hợp giữa các lý tưởng. Mà lý tưởng chẳng những có thể gây nên một xấu xí trong nhân loại, trong dân tộc, mà còn có thể gây nên xấu xí trong từng người. Đó là cái cơ nguy của chiến tranh lý tưởng hôm nay.

Nhưng tại sao lại có thể xảy ra chiến tranh lý tưởng khi nhân loại đều tìm về một lý tưởng sống duy nhất? Mỗi thành phần nhân loại đề nghị một giải pháp, một đường lối và cho rằng chỉ có giải pháp của mình, đường lối của mình là hay và chính đáng. Rồi họ cưỡng bách người khác, thành phần khác phải theo giải pháp, đường lối của họ.

Cái làm bắt đầu trong ý thức phân hạng cao thấp. Nếu người, hay thành phần đề nghị giải pháp và đường lối mới tự nghĩ rằng đây âu cũng chỉ là một trong những đường lối, những giải pháp dẫn đến cùng đích chung; mỗi người, mỗi thành phần có quyền chọn lựa và đi theo đường lối và giải pháp của họ; tất nhiên không thể xảy ra nguyên nhân xung đột lớn. Nhưng không; con người có khuynh hướng xem chân lý của mình là chân lý tuyệt đối, toàn diện; rồi từ định đề này, cưỡng bách mọi người phải theo; ai từ chối thì đã có trại giam và máy chém. Lý luận trại giam và máy chém (hay ghế điện, hay phòng hơi ngạt) tuy rất hiệu lực nhưng lại có thể gây nên những phản ứng bất ngờ nơi thành phần bị cưỡng bách. Do đó mà luôn luôn nhân loại sống trong một đe dọa đảo lộn trật tự. Con người không chấp nhận nguyên lý chung: con người, mà chỉ biết những con người của một thành phần thống trị, và một thành phần bị trị; trong tổ chức xã hội không có chỗ cho con người, mà chỉ có chỗ cho kẻ cai trị và kẻ bị trị; tất nhiên kẻ cai trị thì có khuynh hướng bảo tồn chức vị của mình bằng mọi phương pháp, và kẻ bị trị thì có khuynh hướng đảo lộn trật tự hiện hành bằng mọi phương pháp; và tất cả chỉ còn là những thủ đoạn gian trá (đôi khi không biết là gian trá) để bảo tồn hay đảo lộn trật tự. Xã hội như thế chẳng khác nào đứng trên một đòn cân chênh vênh, chỉ cần thêm bớt một chút sức nặng vào một bên là có thể đảo nghịch thế quân bình mong manh.

Có người nhìn thời khủng hoảng lớn hôm nay tiên đoán một nạn diệt vong toàn diện cho nhân loại. Các tôn giáo tung ra những lời sấm định ngày tận thế gần kề (nhưng bao giờ cũng mơ hồ, có nhiều lối giải thích, và nhiều điều kiện phát sinh bí nhiệm); các khoa học cũng tiên đoán nạn diệt vong, hoặc như một nạn diệt chủng tự nhiên theo những định luật sinh lý (một chủng loại sinh vật phát triển đến một độ nào đó sẽ gặp những nguyên nhân diệt vong nội tại, làm cho chủng loại suy tàn dần: các giống quái vật dị thú trong những kỷ nguyên đầu đã tự diệt theo định luật này), hay vì một tai nạn hoàn vũ như sự nguội lạnh hoặc nổ tung của mặt trời...

Nhưng tất cả những tiên đoán ấy xa xôi, và dù có xảy ra vẫn không giải quyết được gì cả. Cái chết, dù là cái chết cá nhân hay cái chết của chủng loại cũng không phải là hư không hóa. Khao khát lớn của con người chẳng những là sự trường tồn của chủng loại, mà còn là sự trường tồn trực tiếp của chính mình. Nhân loại có tồn tại hay diệt vong không nghĩa lý gì đối với tôi, nếu tôi phải bị diệt vong bằng cái chết, và tất cả hành động, tất cả nỗ lực của tôi không thay đổi được tình thế. Một khi tôi chết đi thì tất cả những gì xảy ra còn nghĩa lý gì đâu, nếu cái chết có nghĩa là hư không, là hết? Tất cả mọi thứ luân lý đạo đức, tất cả mọi thuyết lý, tất cả mọi nỗ lực, tất cả mọi công trình

Ý NGHĨ VỀ CON NGƯỜI

khoa học và nghệ thuật đều vô nghĩa lý nếu cái chết không đem lại một sự nối tiếp nào, nếu chết là hư không, là hết. Khi đó mọi luật pháp chỉ còn dựa trên căn bản sức mạnh duy nhất, và mọi hành động đều chính đáng nếu muốn, nếu thắng. Và xã hội loài người sẽ trở nên một xã hội hỗn độn, trong đó mọi người đối xử với nhau như thú nghịch. Không thể như thế được. Ý thức trường cửu nếu chưa phát sinh thì cũng cần được xây dựng nên để làm căn bản cho trật tự và tổ chức xã hội. Nhưng ý thức trường cửu đã có từ ngày có con người, và hầu như đã có, tiềm tàng, trong diễn trình tiến hóa dẫn đến con người.

Các tôn giáo chấp nhận và truyền bá ý thức trường cửu, nhưng là một ý thức trường cửu hạn hẹp và có điều kiện: phải gia nhập và tuân phục tôn giáo. Mặt khác các tôn giáo chủ trương thực hiện trường cửu bằng sự từ chối cuộc sống thực tại trần gian. Như thế cuộc sống thực tại này bị xem như một kiếp khổ nhục, mà con người phải làm mọi cách để tự giải thoát. Do tâm trạng yếm thế này phát sinh một khuynh hướng tư tưởng thoái thác hành động và tổ chức xã hội.

Chúng ta, theo biện chứng luận tiến hóa, chấp nhận ý thức trường cửu, một ý thức trường cửu rộng lớn, bao quát được tất cả toàn diện sinh hoạt nhân sinh và vũ trụ: con người sinh ra đời hăm chữa khát vọng trường cửu, và khả năng thực hiện khát vọng ấy bằng cuộc sống, bằng hành động. Không trông nhờ vào một thiên sứ huyền hoặc, hay một trợ lực thần thánh nào, không chờ đợi một số độc đắc nào; nhưng bằng cuộc sống chân thành, bằng hành động tận tình, con người thực hiện khát vọng trường cửu của mình, thực hiện trạng thái viên mãn, siêu thắng. Những điểm dị biệt trong cách thức và lẽ lối sống không đáng kể nữa, miễn là chấp nhận căn bản chính yếu chung này. Nỗi dè dặt thần thuộc, tin đồ, cái mặc cảm tự ti của những tin đồ bỏ đạo mà chưa tìm được chính đạo, sẽ không day dứt con người.

Văn chương và triết học tây phương biểu hiệu sáng tỏ nỗi dè dặt nhục này: con người tây phương bao giờ cũng tự xem (trong tiềm thức) như tin đồ của một tôn giáo đã bỏ đạo, đang hoang mang đi tìm một đường lối, một thái độ sống, tức là một đạo khác, mà chưa tìm được, tất nhiên cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, hoang mang. Họ không bao giờ có thể tự giải thoát khỏi nỗi dè dặt nhục và tâm trạng tự ti mặc cảm này, vì họ quan niệm con người theo lối phân tách: con người chỉ có thể là thế này, là thế nọ, là tin đồ của tôn giáo này, là công dân của quốc gia kia, và như vậy dù sao cũng chỉ thể hiện được một góc cạnh làm người toàn diện, do đó bao giờ cũng có cảm tưởng thiếu thốn hao hụt, bị lừa gạt, xa lạ với kiếp làm người hiện tại. Tại sao, nếu không phải là họ bị ám ảnh bởi ý thức phân tách và hạn hẹp con người, trong lúc thâm tâm vẫn khao khát tìm đến một con người toàn diện, nguyên vẹn?

• Để chứng minh nhận xét này, chúng ta chỉ cần nhắc đến những tên tuổi sáng chói trên văn đàn Tây phương hiện nay : André Gide, Malraux, Simone Weil, H. D. Lawrence, Julien Green, J.P. Sartre, Albert Camus. Tất cả nhóm người ấy đại diện cho một thế hệ đang đi tìm một cái đạo làm người, sau khi đã đánh mất cái đạo thiên chúa giáo mà họ cho rằng không còn thích hợp nữa. Những nét bản khoản thấm thía trong tác phẩm của họ tỷ lệ với nỗi đề nhục và tâm trạng tự ti của con người biết mình nhỏ bé chật hẹp mà khao khát toàn diện, tuyệt đối, và trường cửu.

Trở về những suy tư của chúng ta, sau khi đã đặt được một căn bản suy luận và hành động vững chắc : con người và khát vọng thực hiện trường cửu, tuyệt đối, toàn diện; chúng ta sẽ không cần đứng trên những quan điểm hạn hẹp, chật chội để nhìn kẻ khác bằng tầm nhìn ghen ghét hay đố kỵ, trái lại sẽ nhìn kẻ khác bằng tầm nhìn cởi mở, hồn nhiên, thân ái. Con người, dù đã bị đặt vào những danh mục phân loại hạn hẹp và thiên lệch thế nào đi nữa thì cũng là bạn đồng hành tìm về một cùng đích chung, hơn thế nữa; cùng là anh em phát sinh từ một diễn trình tiến hóa chung, tìm về một lý tưởng chung. Không có lý gì thù nghịch, đố kỵ, giành giật nhau. Mặt khác những quyền lợi nhỏ trong cuộc sống này chỉ là những phương tiện giai đoạn ngắn hạn để thực hiện lý tưởng chung và với ý thức này sẽ có thể tìm được một căn bản giải quyết những tranh chấp quyền lợi nhỏ bé.

Từ căn bản tư tưởng, có thể xây dựng những phương thức hành động và tổ chức. Căn yếu là có căn bản tư tưởng. Đứng trên một quan điểm của một thành phần nhỏ, có thể khinh thường những quan điểm khác, và khinh thường quan điểm tổng hợp này hiện đang phát triển trong các trào lưu tư tưởng nhân loại, nhất là các trào lưu tư tưởng Đông phương; nhưng trên quan điểm rộng lớn con người, và con người được hiểu như một toàn thể bất khả phân, bất khả diệt, thì quan điểm tổng hợp là một khuynh hướng tất nhiên mà tất cả diễn trình tiến hóa nhân loại dẫn dắt tuần tự đến đó. Danh từ tổng hợp thực ra không được chính lắm, vì nó có thể gợi nên ý nghĩ con người đã bị phân tán cắt xén, hoặc có thể bị phân tán hay cắt xén ra từng mảnh rời ; vậy có thể thay thế tiếng tổng hợp bằng nhất thể. Có thể rằng danh từ làm cho ý nghĩ trở nên khó hiểu. Nhất là những ý nghĩ không thông thường lắm. Chúng ta nên nhắc lại những người mù và con voi : mỗi người chỉ sờ được một phần của con voi, và mỗi người sẽ nói mỗi cách. Mặt khác không thể diễn tả trực tiếp đã sờ mó, người mù dùng đến lối so sánh. Như thế sự thực qua ba lần trung gian : sờ mó, kiểu mẫu so sánh, danh từ diễn tả. Càng đi qua nhiều lần trung gian thực tại voi, càng dễ bị xuyên tạc thêm. Ngày nay chúng ta với vấn đề con người cũng thế ; trung gian thứ nhất : nhận thức ; trung gian thứ hai: suy luận; trung gian thứ ba : diễn tả bằng ngôn ngữ.

Ý NGHĨ VỀ CON NGƯỜI

Do đó khi nói và suy nghĩ về con người, chúng ta nên dành một phút tạm gạt ra ngoài ba trung gian kể trên, để trực giác thẳng với đối tượng con người đang chiêm nghiệm và khám phá. Mặt khác tầm nhìn quen hướng ngoại và vụ lợi; nhìn sang con người, thường chỉ xem đó như một sự vật có hình thể, có cử động, chiếm chỗ và gây trở ngại cho ta; phải gạt bỏ tầm nhìn ấy mà tìm một tầm nhìn thiện cảm và trực tiếp bằng trực giác thì mới có thể khám phá ra con người toàn thể.

Bằng ý nghĩ, bằng trực giác, tôi bắt gặp con người toàn diện, nguyên vẹn, nghĩa là không như một đối tượng, một sự vật, một ngoại nhân xa lạ và thù nghịch, mà như một bạn đồng cảnh ngộ, đồng hành trình trên con đường nhiều ngã cùng dẫn đến một cùng đích chung; như một người anh em có những liên hệ tất yếu và mật thiết. Những biên giới ngăn cách bỗng đứng bị phá vỡ, tan biến đi, để cho con người toàn thể hiện ra trước tầm nhận thức của nhân loại.

Tôi ao ước một ngày nào gần gũi, tầm nhận thức đầy đủ và rộng lớn về con người sẽ là của chung tất cả mọi người, để xóa nhòa những cái nhìn thù hận, đố kỵ mà những biên giới chủng tộc, quốc gia, tôn giáo, tư tưởng, giai cấp đã tạo nên và gán lên con mắt của mọi người. Khi đó, khi đã có một căn bản nhận thức, một căn bản tư tưởng chung vững chắc, con người có thể tìm đến những lẽ lối tổ chức và hành động, những cách thức tiếp xử với nhau thỏa thuận và thân ái. Những quyền lợi riêng tư sẽ hòa hợp vào trong những quyền lợi chung rộng lớn. Mọi mơ ước tất nhiên đều xa xôi, và có vẻ viễn vông nhưng không mơ ước con người sống bằng gì? Con người đã từ rất lâu đời khám phá được rằng không thể chỉ sống bằng bánh mà thôi, mà còn cần sống bằng hy vọng, bằng lý tưởng...

NGUYỄN HỮU ĐÔNG



Đây tuổi tôi

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

(tiếp theo)

6 Tôi đang nằm vùi vịnh ở nhà Trương thì thấy Thu bước lên chân thang. Thu mang trên vai một cái dây lớn. Trương ngạc nhiên nhìn em :

— Mày ra làm gì thế ?

— Em ra vì không thể ở nhà được.

Thu chào chúng tôi rồi bỏ dây xuống giường. Nó có một cử chỉ cảm động rơm rớm nước mắt nhìn Trương :

— Thấy mất rồi !

Trương mở mắt kinh hãi :

ĐÀY TUỔI TÔI

— Sao ? Sao ? Thầy mất vì sao ? Sao không nhắn tin ra cho tao về ?

— Về thì cũng chẳng ích gì. Dù kích nó về bắt thầy ủng hộ tiền. Thầy bảo hết — mà quả thật bây giờ còn gì đâu. Chúng không tin và bắt thầy đi, em đòi theo chúng không cho. Hai hôm sau được người làng cho biết : Xác thầy nằm ở cầu Đình-Đỗ. Hai phát súng bắn từ mang tai này sang mang tai kia. Em chôn cất xong giao nhà cho ông Hai rồi lên đây. Vừa một tuần.

Trương ngồi xuống ghế ôm đầu. Thu mệt mỏi nằm xuống giường. Tôi và Vịnh nín thính ngồi nhìn nhau, một lúc Thu ngồi dậy và bảo :

— Mai em vào lính.

Trương nhìn lên đôi mắt đỏ hoe và nước mắt chảy dài trên gò má. Đã bao lâu nay tôi mới được trông thấy nước mắt của một người bạn chảy ra.

— Không, tại sao lại vào lính ?

— Anh còn hỏi tại sao ư ? Thì chúng nó bắn chết thầy đó. Thử hỏi là tội gì ? mình trông thấy đó mà ngồi yên cho chúng nó cười à ?

— Không thể như thế được.

— Anh hèn yếu không dám lựa chọn. Anh muốn như thế à ? em muốn trả thù.

Trương nín thính. Vịnh định nói nhưng mấy lần đều thôi. Tôi ôn tồn bảo Thu :

— Em hãy thử bình tĩnh lại xem sao. Có điều ở giữa hai bên tranh dành chúng ta đều không chấp nhận. Tại sao lại chiến đấu cho một kẻ ngoại xâm — một kẻ thù đồ hộ đã đặt xiềng xích trên vai mình. Dù cho mình không muốn — mà ở trong hàng ngũ vì mục đích thù hận nào cũng là đã hỏng. Tại sao mình không nghĩ là mình đang đứng ở một chỗ thứ ba. Hãy bình tĩnh đề khởi nao núng mọi người. Em thử nghĩ xem.

Nhưng những ý nghĩ — khuyên răn không làm Thu đổi ý kiến — Thu vào lính nhẩy dù ở Đẩu Xảo. Khi Trương vắng nhà Thu viết mấy dòng cho anh tỏ thái độ lựa chọn.

Trương ngày người không biết nói sao. Tôi gặp Vịnh nên bảo :

— Thu nó vào lính nhẩy dù rồi. Bao giờ cậu ra ngoài ?

Tôi cố gắng đi học đều, gặp Hợp luôn. Tôi vắng Trương và Vịnh. Nhớ Hiền đến trong trí não tôi một buổi chiều. Ở trường ra tôi nhẩy xe của nàng. Tôi có cảm tưởng của một người đi xa, vắng mặt đã quá lâu. Lúc ở trong khoang xe điện vắng tôi hình dung ra cặp mắt ngạc nhiên của Hiền khi gặp tôi. Tôi từ trên xe bước xuống và bước thật mau.

Tôi đứng trước căn nhà cũ, cổng đóng, tôi không ngờ nhà Hiền lại đi ngủ sớm nên hơi ngạc nhiên. Tôi gõ khẽ một lúc, tôi nghe tiếng guốc nhẹ,

DƯƠNG NGHIỆM MẠU

yếu từ trong nhà đi ra. Tôi nghe tiếng mẹ Hiền cất tiếng hỏi :

— Ai đấy ?

— Thưa bác cháu đấy ạ...

— Trời, làm bác mong mãi không thấy anh lên, tội nghiệp quá !

— Thưa bác sao vậy ?

Vừa mở cửa cho tôi, mẹ Hiền vừa nói :

— Em nó bị bắt hơn tháng nay rồi. Không hiểu sao trời đất làm ra vậy.

— Sao lại bị bắt ạ ?

— Có ai hiểu. Vào một đêm có chiếc xe đíp đến đỗ ở cửa, rồi hai người mang súng vào đập cửa bảo có giấy bắt nó vì có liên lạc ở ngoài. Chỉ biết thế rồi người ta lôi đi. Anh nó sáng hôm sau đi tìm hỏi cùng khắp các quận công an, đâu cũng bảo không có. Khờ quá, cũng không biết nó ở đâu bây giờ.

— Sao bác lại để cho người ta mang đi.

— Thì anh tính... Ai ngờ được thế này. Tôi mong nó, dò hỏi mà chẳng được tin gì. Ở nhà buồn chỉ biết khóc. Cửa hàng không bán nữa...

Mẹ Hiền vừa nói vừa khóc. Tôi vẫn đứng ở ngưỡng cửa. Bà mẹ già lau nước mắt :

— Anh vào trong nhà cho sáng chứ anh...Bác mong anh mãi... Sao lâu không lên chơi. Anh thử nghĩ xem làm sao mà tìm cho ra tin nó ?

Tôi búng khuỷu không biết ra sao. Tôi cảm thấy như vừa mất đi một cái gì. Tôi ngồi im lặng khá lâu và nhìn vào ngọn đèn nhỏ.

— Bác yên tâm đề cháu hỏi tin tức xem sao. Cháu chỉ lo có chuyện thù hằn gì.

— Khờ, nó thì thù hằn gì với ai. Bọn bè cũng chả có nữa.

Tôi có cảm tưởng đang ngồi ở một căn nhà xa lạ. Tôi từ giã mẹ Hiền đi ra bờ đê ngồi ở trên cỏ may nhìn sang bãi Phúc-Xá — đã có một vài ánh đèn — bây giờ Hà-nội đã bắt đầu thay đổi đi. Những đồng gạch vụn được mang đi dần dần — những mái nhà mới dựng lên. Dân tỵ nạn ở các vùng trận tuyến trong các làng quê chạy lên thành phố thêm đông. Những cuộc lạc quyền, gần huy hiệu của Hội Nạn Nhân Chiến Tranh được tổ chức thường xuyên.

Chiến tranh mỗi ngày một ác liệt và lan rộng. Tôi đọc một ít tin tức trên báo chí Pháp về những mối bất hòa của chính thực dân với trận giặc. Sự phản đối của một số người mới, và sự băm sát của phe thuộc địa cũ. Họ còn nói đến sự nhúng tay của Trung-Cộng vào chiến tranh này.

Lâu lắm không trở lại trường, gặp Hợp — Hợp tâm sự :

— Lâu cũng không đến trường — Cậu sao ?

— Cũng vậy.

— Thấy tôi đang vận động cho tôi đi Pháp. Nhưng tôi chưa biết nghĩ

ĐẦY TUỔI TÔI

sao — YẾN cũng yêu mình. Lần đầu tiên Hợp nhắc đến tên người yêu với tôi. Tự nhiên Hợp hỏi :

— Anh đã yêu ai chưa ?

Tôi hơi mỉm cười. Suốt từ ngày quen nhau tôi chưa nói với Hợp một chút gì về điều này — Bây giờ Hợp hỏi tôi mới nghĩ tới, tôi bịa đặt ra những thứ tôi chưa biết. Tôi nói đùa :

— Có chứ, nhiều nữa là khác. Hồi kháng chiến bùng nổ ở thủ đô. Tôi tham gia bộ đội nội thành chống giữ khu cửa Bắc. Tôi có yêu Mai—Nàng làm cứu thương trong tiền lộ tôi, có lần gặp địch tấn công. Hai đứa cùng chui xuống một hố cá nhân — Và Mai run lên như một cánh chim trong tay tôi.

Sau rồi hàng ngũ tan rã, một số theo các thông hào rút đi—Trong đó có Mai. Tôi ở lại, có lẽ Mai biết điều ấy nên khi rời đi nàng có nói với tôi thế này:

— Chúng ta hoàn toàn tự do phải không anh ?

Tôi đưa tận tay cho Mai một hòn ngói vỡ :

— Ở thủ đô đấy — Rồi chúng tôi quên nhau, Hợp chăm chú nghe. Một lúc sau Hợp mới hỏi :

— Thế sao cậu không đi ra ngoài ấy ?

— Cũng không hiểu — Lúc lần về ở lại mình mò phải toàn những xác chết. Lúc bấy giờ cậu ở đâu ?

— Mình muốn tham gia kháng chiến muốn được cầm súng, nhưng cậu tôi bảo : thế nào Tây cũng thắng, nên ở lại, tôi phải nghe lời, và đúng như thế. Tôi sống yên ổn quá phải không cậu ?

— Có lẽ.

— Thế bây giờ...

— Bây giờ thì không thấy gì cả—Dừng dừng vậy thôi. Chính mình cũng không hiểu.

— Mình không muốn đi. Mình có nói với Yến như thế. Mình không thể nào xa nhau được mình biết chắc chắn, buồn quá cậu nhỉ.

Hợp buồn buồn, tôi nghĩ : một gã thất tình thật hạnh phúc. Hợp đưa tôi về Bar Ciro's uống rượu và hai đứa đều say. Tôi bảo :

— Cũng chưa thể quên được.

Tôi gọi rượu nữa nhà hàng không chịu bán, tôi cãi nhau là tại sao tôi muốn uống mà lại không bán : hán giải nghĩa : vì chúng tôi say rồi. Hợp nôn thốc tháo xuống nền đá hoa những đống lộn nhon xanh vàng. mấy trẻ đánh giấy nhin giấy hân của chúng tôi định đến nhưng đều ghê mà lần đi, có đứa bịt mũi. Tôi bảo Hợp, nhưng chắc không nghe thấy :

— Cứ bỏ tiền ra sẽ có đứa nó chịu ngủi và hút đi

Tôi lấy ví của Hợp ra trả tiền rồi đi Hợp về.

Tôi chỉ nói một câu độc nhất :

— Hợp bị cảm...

Rồi tôi rời căn nhà sang trọng, khi ấy Hợp thiếp trên khuôn giường giải vải hoa. Tôi nhớ một điều nhỏ ấy.

Tôi về nhà — nhìn thấy Hùng đang giúp ông tôi thu tiền — nó lại cười bởi lời nhủi. Tôi đứng trước mặt hắn :

— Đã bao nhiêu năm trời rồi mà mày không thể đọc một bài kinh cho mày và ông nghe sao ?

Hắn nín thinh. Tôi muốn thấy hắn nổi xung để tôi thôi cho hắn mấy quả, nó làm cho tôi không có lý do. Khi ăn cơm, đĩa em lớn đánh vỡ bát tôi thuận tay tát cho nó một cái, cơm bung ra khỏi mồm. Nó ngậm cảm không dám khóc.

Tôi nghĩ về Hiền. Bây giờ tôi mới thấy sự có mặt của nàng là cần thiết. Khi nàng còn ở đây thì tôi lại lãng quên, thờ ơ — bây giờ không còn gì. Tôi có cảm tưởng mơ hồ rằng tôi mất hẳn Hiền.

Tại sao tôi không cưới Hiền. Tôi tưởng rằng tôi đã tìm ra được một mái nhà — một mái nhà đủ cho mình sống — thì bây giờ tôi mất lý do ngồi vào đó. Tôi ughĩ đến những ngày đầu hai đứa yêu nhau, những lần hẹn hò ngoài đường kéo dài mấy năm trời.

Bây giờ dù ở ngoài đường tôi cũng không còn có ai để hẹn hò nữa. Chính ra tôi nghĩ : bởi vì tôi đã chẳng cho một cái gì là quan trọng — cái gì cũng tạm bợ không cần thiết. Những ngày tiếp theo tôi vẫn bỏ học đi lang thang cùng khắp thành phố. Tôi vào nhà thờ Cửa Bắc nhìn hết những tượng gỗ đến tượng đá, đứng nhìn vết đạn đại bác ở cổng thành Cửa Bắc hồi quân Pháp chiếm bắc-kỳ lần thứ nhất và ông Hoàng-Diệu tuần tiết, bây giờ ở trên cổng người ta làm nhà gác ở có Tây Đầm đứng lơ lửng. Tôi đứng ở Chợ Gạo khi xưa coi những đoàn xe thiết giáp ra vào khoảng đất hoang — vết hằn sâu nhầy nhựa. Ở sở thú bây giờ gọi là Bách thảo tôi vịn tay vào những chuồng sắt hư không còn thú nữa.

Một ngày rằm tôi đến đền Trấn Võ chấp tay lễ vào chân pho tượng đồng đen cao lớn, xoa tay lên bàn chân tượng — những ngón chân bằng quả chuối tiêu lớn. Tôi xoa vào mặt — người ta bảo làm như thế thì phước—rồi trở ra tôi đọc những thông cáo dán ở tường nói về sự bảo tồn cổ tích. Xin thập phương giúp tiền trùng tu những nơi hư hỏng vì chiến tranh. Tôi ra cổng đứng đo với pho tượng gác cửa thì chỉ đến rốn. Tôi sờ vào bụng tượng thấy cứng ngắt.

Đi chán ở phía bắc rồi ra bờ sông ngắm cầu Long-Biên — Xuống bến Phà-Đen nghe tiếng máy ca nô nô đùa chạy trên giòng nước đục. Tôi thú nhất một khung cảnh trong nhà Bắc-Cử là nơi trình bày cảnh một ngôi mộ ngày xưa. Ánh đèn đỏ ghê rợn và tôi muốn chui vào đấy nằm làm một xác chết từ mấy ngàn năm trước không biết mấy may gì về thực tại. Nhưng giá có vào thì thân xác tôi cũng trương thối ra — Người ta

ĐẦY TUỔI TÔI

sẽ phải nhặt mà đem chôn, tôi nghĩ, xác tôi là một xác vô thừa nhận mà có ai nhìn thấy cũng chẳng thêm khóc. Dù đã lâu nay tôi nghe hoài hoài tiếng khóc, tiếng kêu rên, chửi bới.....những buổi sáng mùa đông buồn. Tôi mua các xe điện rồi leo lên tất cả những toa tàu chạy cùng đường này đến đường khác. Con tàu về Hà-Đông đi qua nhiều nghĩa trang đẹp kỳ lạ.

Một buổi đi đến bến cuối ở Yên-Phụ tôi lại vào nhà Hiền. Mẹ nàng ngồi bên những lọ kẹo, tôi hỏi về Hiền. Nàng vẫn chưa về. Tôi vào khuôn giường tôi đã nằm một lần. Bà cụ hỏi tôi :

— Anh làm sao ?

— Không, cháu không sao cả.

Bà cụ sờ vào trán tôi kêu lên :

— Sốt mà, đề bác lấy dầu nhị-thiên-đường cho anh xoa.

Bà cụ ngồi xoa cho tôi, tôi muốn ngủ lại, khi bà cụ trở ra tôi nằm bất động :

— Em còn yêu anh không ?

— Chính ra câu đó phải để cho em được hỏi anh mới phải — Em cứ tưởng rằng anh đã lãng quên rồi...

Tôi nhớ lại những điều chúng tôi đã nói với nhau lần cuối, tôi nghe như tiếng Hiền còn ở trong gian nhà này và nàng đang ngồi bên tôi....

7 Những ngày cuối mùa đông thật buồn thảm, mưa dầm ướt át làm cho màu đá xám của cầu xe lửa sang màu đen, những chuyến tàu chạy qua bùng bít âm thầm và phóng nhanh hơn trong cái rét như cắt da. Tôi ở nhà không ra khỏi cửa, tôi tính nhằm những ngày tháng

Tôi vẫn bất tin của Hiền — Không gặp Trương và Vịnh. Tôi nhìn mặt Hùng mỗi bữa cơm khó chịu và thù hằn, khi sờ tay lên vết sẹo hay soi mặt vào gương. Mỗi buổi tối mùa đông hắt dốt lò sưởi cho ông tôi trước khi đi ngủ. Tôi có nói với hắn chỉ là những lời nhắc đến mẹ hắn đã định giết tôi, cũng có khi tôi nói bóng về hắn là — mẹ nào con ấy, liệt hắn vào hạng bất nhân như thế hắn câu giện nhưng chịu đựng. Một buổi sáng khi tôi ở trên gác bước xuống, Hùng đang là quần áo ở nơi bàn. Tôi ngồi vào mặt bàn ăn bỏ trống nhìn hắn — nhìn hắn trừng trừng như muốn nuốt chửng một kẻ thù. Hắn nhìn lại tôi nhiều lần, lần nào hắn cũng thấy tôi nhìn hắn. Hắn tự nhiên đề bàn là xuống rồi quay lại phía tôi :

— Tại sao anh lại nhìn tôi trừng trừng lên thế ?

Tôi thấy lời nói của hắn đầy vẻ hỗn xược và thách thức, tự nhiên tôi

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

bừng bừng nổi giận đập tay xuống bàn đứng lên một cách hung dữ :

— Tao nghĩ đến con mẹ mày nên nhìn mày nghe chưa ? Mày có hiểu vì sao không ?

Mặt hần đỏ, mắt chớp đầy vẻ xúc động quay đi — hần cầm lấy bàn là là tiếp và giọng kẻ lẻ như phản trần :

— Tôi chưa làm gì được cho mẹ tôi nhờ — mà vì tôi nên mẹ tôi bị sỉ nhục, bị chửi. Tôi nghĩ rằng anh không nên nhắc đến mẹ tôi mới phải. Mẹ tôi chết rồi — sao anh không đập hay giết ngay thân tôi có được không ? Nếu như mẹ tôi có tội — định giết anh — bây giờ mẹ tôi không còn thì anh bắt tôi phải chịu những sự trả thù của anh sao ?

Hần nói nghẹn ngào ; những lời sau cùng như muốn khóc. Tôi lại thấy như hần nói với đầy vẻ dối trá, che đậy. Bản lại muốn được hưởng thừa tự cái gia tài này nếu như tôi chết đi. Tôi không nhớ về khuôn mặt mẹ hần nhưng cứ nhìn đến hần tôi lại tưởng tượng ra một khuôn mặt độc ác, khó lường mà tôi chưa hề thấy bao giờ. Tôi không hiểu tại sao bố tôi lại ăn ở với một người như thế — nhất nữa lúc mẹ tôi mất bố tôi đã thế không lấy ai. Tôi cho trong máu hần chỉ có máu của mẹ hần và một chút máu điên của bố tôi — cứ nhìn đến mặt hần là tôi thấy thế dù hồi trước hần có mặc áo chùng đen đi nữa.

Tôi vẫn tức bực. Tôi mỉm cười mỉa mai :

— Mày có hiểu với mẹ mày lắm — nhưng lại có hiểu với một đứa có đã tâm giết người thì không hay ho và cần thiết gì. Tao muốn mày kể chuyện đức Chúa Trời cho tao nghe — nhất là đọc kinh cứu rỗi nữa vì tao cũng cần phải được cứu rỗi, nữa là mày : con kẻ giết người.

Hần cầm bàn là ở tay, quay lại :

— Nhưng mẹ tôi đã giết chết ai chưa ?

— Hừ ! mày hãy coi cái dấu vết tội lỗi của mẹ mày ở trên mặt tao đây này. Nếu cần thì hỏi chú xem mẹ mày đã đập cái chậu sành vào mặt tao ra sao.

Hần tiến đến gần tôi bình thân, tôi đứng nhìn hần :

— Đâu đưa tôi coi.

Bất ngờ hần đẩy tôi ngã ngửa xuống đất ngồi đè lên bụng tôi không kịp kêu. Hần đã lấy bàn là chà lên chỗ sẹo và nói thản nhiên :

— Để xóa hết dấu vết tội lỗi đi.

Tôi bị bàn là sào lên da mặt và chết điếng đi, kêu thất thanh :

— Thằng Hùng nó giết tôi làng nước ơi...

Ông tôi chạy tới, thím tôi bỏ vội đứa em khóc thét trong giường chạy ra. Hùng đứng dậy như không :

— Kề tiếp, nói tiếp nữa đi.

Đầu óc tôi tối sầm không thấy gì nữa, tôi chỉ nghe tiếng chân người chạy một cách mơ hồ. Tôi nằm bất động.

ĐẦY TUỔI TÔI

Tôi tỉnh dậy nhìn màu trắng của trần nhà, nơi má bên phải vẫn rất và đầu nhức nặng như mang đá. Tôi sờ tay lên thấy băng dày cộp cả nửa mặt. Tôi chỉ nhìn được một mắt bên trái. Tiếng nói đầu tiên đến với tôi là của một người nữ y-tá khi tôi cựa chân tay muốn trở dậy :

— Ông đã thấy dễ chịu chưa ?

— Cảm ơn cô, tôi thấy rất và nhức đầu lắm. Tôi có bị nặng lắm không?

— Ông tỉnh dưỡng độ mấy ngày vết bỏng sẽ lên da non ngay. Ông yên tâm không việc gì. Tôi chưa hề gặp ai bị một tai nạn nào như ông. Cũng may là chỉ mới bị xém da chưa vào tới thịt—và nhất là ở dưới mắt, nếu không thì nguy hiểm lắm.

Tôi nhớ lại câu chuyện đã xảy ra — vết sẹo nhỏ của mảnh chậu không còn nữa. Tôi sẽ mang một nửa mặt bị cháy xém—tâm hồn tôi lại yên tĩnh và không hề nghĩ gì về rừng. Có điều tôi muốn nhìn mặt hẳn.

Mỗi ngày người ta băng tôi một lần. Thím tôi bế đưa em nhỏ vào thăm tôi mỗi bữa trưa — giờ thường lệ cho thân quyến vào thăm bệnh nhân — ngày hôm sau thím tôi bảo :

— Chú mai về ăn Tết ở nhà — liệu ngày kia ba mươi cháu đã ra được chưa ?

Lúc ấy tôi mới nghĩ là đã đến Tết. Tôi bảo :

— Chắc phải mười ngày nữa cháu mới ra được vì chỗ má sưng và thối.

Lúc thím tôi sắp về thì Thân tới thăm tôi có đem cho tôi hai quả cam. Thân tự tay bóc từng múi cho tôi ăn. Tôi muốn tự làm lấy nhưng Thân không bằng lòng. Thân nói :

— Hùng đã bị bắt giam cùng bàn là — cảnh sát đã đến lấy cung anh chưa ?

— Chưa, và tôi cũng không nghĩ đến.

Thân dắt tôi cùng xuống đạo ở những lối đi trong sân bệnh viện. Thân kể chuyện về đời sống trong tu viện. Thân kể luôn mấy mẫu chuyện phép lạ mới xảy ra, rồi hỏi tôi :

— Chắc anh cho thế là hoang đường đấy nhĩ ?

— Chưa — tôi chưa nghĩ gì cả.

— Anh thấy sao về tôn giáo anh đang theo ?

— Tôi có cảm tưởng là tôi không có đạo nào cả—nếu nói về thuần túy. Như thế là đạo nào tôi cũng theo. Vì tôi thấy đạo nào cũng tốt, mọi người đã bám vào một vài hình thức để tách biệt. Tôi thử hỏi có đạo nào khuyên chúng ta gây chiến tranh, tội ác, giết tróc không ? Tôi ưa thực tế, chắc anh cũng thấy thế, và tôi không bài xích gì cả. Có người bảo tôi như thế là vô thần, tôi muốn hỏi anh, xem là anh nghĩ gì về chiến tranh ?

— Có chiến tranh là tại người ta tranh dành quyền lợi — quên những điều Chúa dạy. Nếu ai cũng hướng lòng tin về nơi Chúa thì chúng ta sẽ

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

có một đời sống Hòa-Bình, Tự-Do, và Bác ái — nhưng con người vì có nhiều tội lỗi nên phải được cứu rỗi — đó là điều Chúa cầu mong ở những con chiên vâng theo lời Chúa dạy. Chỉ hướng về Thiên Chúa là điều duy nhất ..

Gần hết giờ thăm bệnh nhân, Thân đưa tôi vào phòng, ngồi đọc kinh cầu nguyện cho tôi, rồi Thân về. Buổi chiều viên bác-sĩ dẫn đến giường tôi hai người cảnh sát. Họ cho tôi biết họ có hôn phạm hồi cung tôi để đưa Hùng ra tòa về tội cố ý gây thương tích. Tôi thần nhiên hỏi :

— Sao kia thưa ông ?

— Tôi hỏi ông, có phải tên Trần-văn-Hùng đã chà bàn là lên mặt ông không ?

— Thưa ông không phải.

— Sao người ta trình chúng tôi bắt ông ta và ở bót ông ta cũng không chối ?

— Đây là sự vô ý của tôi. Vâng không phải do ông Hùng.

Người cảnh sát ghi những điều tôi khai vào một tờ giấy lớn. Hỏi mấy điều nhỏ nữa — người đó đọc lại cho tôi nghe rồi hỏi :

— Ông nhận những điều đó là đúng của ông khai ?

— Vâng.

— Vậy xin ông ghi nhận điều đó và ký tên dưới đây để chúng tôi tha ông Hùng về. Tôi bình tĩnh nằm xuống giường, tôi nghĩ đến khi gặp Hiền chắc nàng sẽ kinh ngạc về bộ mặt gớm ghiếc của tôi. Tôi hơi mỉm cười. Sáng ba mươi chủ tôi vào thăm tôi, chú vạch nơi chỗ vết thương xem xét một lúc khá lâu, tôi hỏi :

— Chú ở lại bao lâu ?

— Mồng năm chú đi.

— Hùng đã được tha chưa ?

— Nó đang ở nhà.

Chủ tôi không dă động gì đến chuyện đã xảy ra chỉ hỏi tôi về chuyện học hành ở đại học năm đầu ra sao. Tôi nói với chủ là tôi rất chán nản và theo học không được đều về những xáo động làm tôi không có thể an tâm theo học được. Chủ tôi thở dài nhìn ra sân.

Những ngày tết nhà thương vắng đi một phần nhỏ là những người có gia đình ở Hà-nội đều xin phép ra ngoài — nhưng đa số bệnh nhân lại từ những miền quê xa còn mù bom đạn trở ra. Trong phòng tôi năm thì 8 phần mười đều là tai họa chiến tranh — họ nằm tại đây mà không hề thấy ai thăm hỏi.

Những ngày tết họ tụm nhau lại đánh tam cúc, đánh bài. Có người cụt cả hai tay, hoặc mù cả mắt không thể nào chơi được thì cố tìm một người bạn rồi tâm sự với nhau những kỷ niệm hồi thơ ấu, thanh bình.

ĐÂY TUỔI TÔI

không có bốn phận gì ở trong cái nhà này cả.

Ông tôi ngừng tay :

— Ngạc — mày đi thật sao ?

Tôi không ngờ rằng tôi có thể được nghe một câu hỏi như vậy. Tôi xúc động. Tôi thấy thương hại ông tôi hơn :

— Mong ông hiểu — nhưng những điều này không bao giờ tôi muốn. Chẳng Hùng nó sẽ cùng ông khi ông chết. Tôi không còn gì nữa.

Khi ra đến đường gặp Hùng, nó cúi mặt không dám nhìn tôi. Tôi nói lớn cho nó nghe :

— Mày có thể ở lại và hưởng dinh cơ này.

Xuống ở nhà chị Huệ được hai ba ngày sau. Khi thu xếp xong mọi việc tôi xuống Trương—nhìn thấy băng trên mặt tôi Trương thản nhiên nói :

— Tự tử sao không chết.

Tôi bảo :

— Mình đã dọn xuống ở ngõ Yên-Thái nơi nhà Vịnh. Có thể tôi đấy. Trương bảo tin Trịnh vừa bỏ ngoài kia về.

Nó mới ở có gần một năm, bây giờ sốt-rét. Nó ở tận quá Ngọc-Hà nơi chỗ trại con gái đi lên. Nó về sau khi Vịnh đi.

— Dù sao cũng còn mang được xác về

Tôi hỏi về tin tức của Thu. — Trương lắc đầu buồn bã :

— Bất tin từ lúc đầu.

Chúng tôi tới thăm Trịnh phải đi qua một trại lính rất tấp nập đối diện nơi cửa trại con gái. Lúc trông thấy Trịnh nằm trong chăn run cầm cập. Tôi nói cho Trịnh nghe :

— Có Trần-văn-Ngạc tới.

Độ hai mươi phút sau cơn rét mới rút, Trịnh mới nhìn tôi hơi mỉm cười mà bảo :

— Ít ra cũng được ăn rau lâu bay. Mua những kinh nghiệm thi bao giờ cũng đắt. Dù ở đây hẳn nhưng nó không động chạm gì thì thôi. Chứ tao không thể ở trại giáo huấn, rồi nói những lời mà mình không có.

Chúng tôi nói với nhau những chuyện đã xảy ra. Tôi hỏi :

— Định làm gì ?

— Viết.

Trịnh vốn là một người theo đuổi văn nghệ từ lâu. Nhưng những xáo động gần đây Trịnh không muốn ngồi một chỗ cầm cây viết nơi tay, mà muốn sống — sống tranh đấu một cách thực thụ. Hồi chiến tranh bùng nổ Trịnh bị nghiền lại. Nền sau mới chọn một điều : Ra ngoài. Bây giờ Trịnh trở về lại nghĩ đến chuyện viết. Tôi thấy yên tâm.

— Nhưng liệu rồi nó có bóp mũi mình lại không. Những sự thật còn phải nín câm lâu lắm. Thế thì dù có viết cũng vẫn là một chuyện cứ làm vầy thôi, cứ viết đã rồi thế nào thì thế.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

— Kệ, hãy cứ viết đã rồi sao thì sao. Chúng tôi ngồi lại với nhau rất lâu, tôi bảo Trịnh hãy cố tỉnh dưỡng — rồi chúng tôi ra về.

Từ giờ miền ngoại ô nào động. Tôi về đi qua một nhà thờ tin lành, giờ hành lễ vừa mãn, tôi đi lẫn giữa đám con chiên. Nhưng về đến vườn hoa Canh-Nồng thì chỉ còn lại hai đứa. Tôi nhìn lên cột cờ cao — trời xanh muốt. Và ở đoạn đường ấy tôi nghe tiếng kèn của đội lính thổi vào giờ nghỉ, tôi nhớ đến Hiền lúc ấy, những tin tức về Hiền tôi không sao tìm ra, tôi cho có lẽ nàng đã bị chết. Nghĩ thế tôi thấy đau đớn vô cùng.

(còn nữa)

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

cúi hôn xuống mặt trời ủa mùa đông

1

Cúi hôn xuống mặt trời ủa mùa đông
Đêm lạnh lẽo mấy kiếp người chữa dứt.

Cơn mưa mở mùa một buổi sáng trong xanh
Như nỗi buồn vừa thức dậy
Trên mái ngói trưa bầu không khí bỗng dịu
Thần thoại bắt đầu: yêu em và cúi hôn.

Cúi hôn xuống mặt trời ủa mùa đông
Đêm lạnh lẽo mấy kiếp người chữa dứt.

2

Chiếc khăn tay để lại
Vội mái nhà đầy sao

Chiếc hôn một đời người
Hát hết những vô cùng thương xót

Ngày mai đi một mình
Thành phố hoang chiều cao như cơn sốt

Không mong gì không mong gì
Đời hành tinh quay tít những cô đơn.

3

Khuôn mặt yêu dấu
Mặt trời của một người
Nỗi huy hoàng ôm dưới tay thành kính.

Khi ngồi một mình trên sân khấu
Nhìn xuống những hàng ghế trống không
Đêm vô cùng

Một lời nói bằng quơ thăm thiết.

Gõ ba tiếng vang trên mặt bàn
Màn mở lên, đây là cảnh tận thế
Mỗi người ôm mặt khóc (cả chúa trời)
Còn anh ôm mà hôn em.

Chết đi chết đi
Nàng là nỗi đau buồn như tiếng nói
Như thành phố trên hồn anh đêm nay
Trưa quanh hiu tiếng rao vang vào núi.

4

Bóng tối trên bức tường
Chuyến xe lửa chạy đêm.

Buổi trưa màu xanh em nhớ gì
Chiều dăng mây xám xuống thành phố
Mặt trời quay tít con mắt xấu quăm quăm
Một người đi
Qua công viên.

Bức tường đầy bóng tối
Mùa thu mùa thu.

Nhìn trong mắt đây nhìn trong mắt đây
Mặt trời đi với một người đàn ông
Trên mặt biển xanh.

5

Mỗi người đứng nhìn
Tiếng nói cảm đầy mồm

Buổi hưng đông thời gian
Cúi ôm chiếc nôi con huyền bí
Mặt trời mặt trời
Như hồn tôi
Chờ nổi u ầu hiện dưới hai bàn chân
Cái lùn

Biển biếc xanh hiền biếc xanh

Vỗ những nụ cười trắng tinh lên bãi cát

6.

Không khi man rợ

Của chiều rừng

Mặt trời lồi như con mắt thú dữ

Nhìn xuống hăm chông gai

Là tội lỗi.

Không khi giá băng

Đóng đầy không gian

Thắng mù dưng trông thấy mặt trời lạnh

Nhìn xuống chân mình không của chân mình

Một người nào đi bằng hai bàn chân tôi

Trên trời xanh ngắt kia

Màu tím xanh của hoàng hôn

Trong gian phòng xanh

Bóng chiếm nhòa bóng tối.

nói chuyện trên xe lửa

Hãy cầm một con mèo

Và một nắm muối

Ném xuống sông

Thời gian sẽ theo dòng nước đó

Bây giờ là mấy giờ?

Bây giờ

Chuyến xe lửa này đã tới chưa?

Không biết

Khi chết rồi định sẽ làm gì?

Không biết

Yêu tôi chăng?

Không biết

hơi thở của giấc ngủ

1.

Hỡi — Đừng — Rồi — Mặt trời
Dor — Lòng — Như — Nước mắt
Ôm lấy — Nhìn quanh
Tan vỡ hết

Mở tóc vĩ đại trùm
Gió rừng quạt xuống
Người đao phủ đứng
Run
Chiều, tay đầm máu

Mưa mưa suốt vào mặt tôi
Vuốt vuốt đi tìm
Ngày tháng đã cắt cụt
Lững lơ

2.

Tiếng nói bị đứt đoạn
Đuối hơi
Nỗi thở than đặng đặng
Nên không thiết nói không gì
Tôi chúng ta bước đi
Hãy nhìn xem
Và cúi xuống
Đưa tay đây
Ôm lấy tôi
Thôi chúng ta bước đi chúng ta bước đi
Suốt ngày mai suốt ngày kia
Mà đừng hỏi

3

Lời nói hân hoan nhất
Nỗi bi thảm nhất
Quá dài rồi những dớn đau
Quá dài rồi cơn may rủi
Quá dài rồi một đời
Chấp hết tiếng nói cho nên lời
Nỗi hân hoan sung kính
Bi thảm và mãnh liệt
Như rừng rừng chờ đợi
Bãi cỏ rạp mình
Dưới cơn chiều rộng lớn.

4

Đó là nỗi thảm thiết cơn điên cuồng
Một người cầm tiếng nói mình làm khí giới
Đam suốt trái tim
Máu sẽ đỏ mà nhuộm thảm đời em

Đời em như đóa hoa vừa nở
Một bãi cỏ xanh
Một mặt trời nhỏ
Đó là tiếng nói còn mới nguyên

đỗ quý toàn

làm đàn bà để sống

TRẦN DẠ TỪ

Tiếng kẹt cửa rồi con Bầy hiện ra, tay nó cầm chiếc gương vừa đi vừa soi mặt, chiếc gương che khuất khuôn mặt nó. Tuệ nằm nghiêng, chân tay quăn chặt lấy một cái gối dài mở mắt ra từ đó. Bầy tưởng Tuệ còn ngủ, nó đi tới cái bàn gỗ mục kê sát vách đặt chiếc gương xuống, kéo ghế ngồi, cầm lược và bắt đầu gỡ tóc. Tuệ vẫn nằm lặng lẽ, một vài tiếng ồn ào phía ngoài ngõ làm thức dậy những giác quan của Tuệ, đó là lúc cơn sốt lui dần dần, bỏ mặc Tuệ bơ vơ tìm kiếm trong cùng khắp những mơ ước không bao giờ hiện hình của nàng lấy một nơi nương tựa cho trí tưởng. Tuệ chúi mặt vào đầu chiếc gối dài và nhắm mắt một phút, Tuệ hoàn toàn mệt mỏi : *em bước lòng phải gặp anh lần nữa, sang chùa nhốt ngày em chờ anh ở liệm chủ Ba vào hồi mười giờ, nếu anh mắc việc không tới được, thì hai em sẽ lại tìm anh tại sở lam, thằng nhỏ đau vàng bụng, em không biết làm sao, nó cũng là con anh...*

Thế nào Thằng cũng sẽ phải tới, Tuệ biết chắc điều ấy, thằng nhỏ đau nặng, bây giờ nó ở đâu, từ lâu Tuệ không rõ điều ấy, nhưng biết đâu nó lại chẳng đau nặng và sắp chết thật sự như Tuệ muốn. Thôi, thôi, Tuệ không thể nhớ nữa, nàng mở mắt. Bầy đương thay áo lót, lưng nó dài và sạch, bầy còn trẻ, đó là lý là lý do để cho Tuệ thương nó « khi tao bằng tuổi mày, không đời nào tao chịu rúc vào cái ổ mặt kiếp này, nghe hông Bầy ? » Bầy đã nghe điều ấy nhiều lần, nhưng nó không thể nào tìm ra được chỗ khác khá hơn, bây giờ thanh bình rồi, việc ăn ăn khó khăn gấp bội đầu còn bẽ bộn như trước nữa. Tuệ tự trả lời mình mà càng thương cho Bầy, thương cả cho Thằng nữa (Thằng là chồng cũ của Tuệ,

LÀM ĐÀN BÀ ĐỀ SỐNG

người Tuệ gửi thư hẹn gặp sáng nay ngoài tiệm chủ Ba) Thật tội nghiệp cho chả.

Bầy đã lại ngồi phía đầu giường bên Tuệ, nó đặt một tay lên trán, một tay rút chiếc gối dài ra khỏi Tuệ và nói trong khi những thanh giường kéo kẹt :

— Hết nóng rồi đây mà, thôi, dậy đi bà nội, dậy đi chứ, dậy gài giúp tao chút rồi còn viết thư nữa, bộ muốn bắt thằng chồng mày nó chờ nữa sao nè ?

Bầy ném chiếc gối xuống cuối giường (cái giường trải chiếu hoa sạch sẽ, rộng mỏng mềm, nơi nằm ăn) đỡ cho Tuệ ngồi dậy, bấy giờ Bầy mới nhìn rõ con mắt Tuệ.

— Bộ mày điên sao Tuệ, bấy giờ còn nằm khóc.

Bầy ngo xuống, nó biết nó trẻ hơn Tuệ, đẹp hơn Tuệ và thân thể cũng còn đầy đủ hơn, đáng nhẽ nó phải dư sức nuôi nổi Tuệ, vậy mà cả hai đều chung một số phận, và đều chỉ còn cách cuối cùng là trông cậy vào Bầy phải đi gặp Thằng thay cho Tuệ. Tuệ đau từ khi gửi lá thư, và bấy giờ muôi dưới sàn gỗ bay loạng choạng đuổi theo mũi lạnh gáy của nền nhà bị khua động bốc lên, cái mặt trời hiện rõ trên tấm kính lót ở cuối mái, rọi thành vòng trắng trên đầu Bầy. Tuệ đã kéo áo lên chùi mắt và gãi khuy coóc sê dùm bạn (thứ coóc sê loại bốn chục, mua từ bốn tháng trước, khi thằng nhân tình nhãi của Bầy chưa bị bố mẹ nó gọi về Cần-Thơ) Tuệ xoa xoa hai bàn tay của mình trên tấm lưng trần của bạn không có một cảm giác nào, và tiếng Bầy :

- Khi anh hỏi mày đầu không đến tao nói sao ?
- Biểu tao đau sắp chết nằm đây chờ sao nữa.
- Lỡ anh muốn gặp mày ?
- Đừng lo mà em hai ơi ! (Tuệ vẫn vỗ bàn tay trên lưng Bầy) bà nội

biểu chả cũng không dám gặp tao đâu mà lo. Tuệ cười khẩy, nhìn rõ ở bàn tay mình những ngón tay, những đường gân nhẵn nhúm, đen đủi, khô quắt, dấu vết của tuổi già. Phải rồi, không bao giờ hân còn muốn trông thấy tới nữa, và cũng không bao giờ hân dám để tới (một con điếm già ăn vụn rách rưới) tới nằm áo hân giữa sở làm. Bởi vậy, Tuệ đã bắt hân sẽ phải đến. Vài ba tháng đưa nhỏ đau một lần (má nó sống khốn nạn nghèo đói thế này, nếu nó ở bên nó cũng phải đau chớ) Tuệ gặp hân một lần và lấy tiền của hân (hân cũng chẳng giàu có gì lắm, một vợ bốn con, lần trước 500 đồng, lần trước nữa 700, và lần này ?) Tuệ nghĩ tới những bức thư giống hệt nhau gửi cho Thằng mỗi kỳ mà không khỏi tức cười. Bầy rũ mùng, dlu bạn bước xuống, đặt Tuệ ngồi trên ghế dựa lưng vào vách, đưa gương lược cho Tuệ :

- Mày sửa cái mặt cho tỉnh táo coi, tao lên nhà lấy nước và mượn

TRẦN DẠ TỪ

tiền chị Chín.

Bây lè những tiếng guốc rì rầm ra phía cửa. Chị Chín là chủ nuôi của họ, nhà này phân hẳn ra làm hai căn rời nhau : một là cửa hàng nước ngó ra con lộ nhỏ, trước cánh đồng, nơi bắt mối do chị Chín trông coi với ông chồng già và một đứa trai nhỏ, một lui hẳn vào trong cách một con ngõ rộng, nơi đi khách của tụi Tuệ và Bảy, căn nhà cất trên sinh lầy, lưng giáp con sông nhỏ chỗ thả rau muống, kéo nước rửa, và đi cầu, phía bên kia là bãi rác thành phố. Ngồi dựa tai vào kẻ ván, Tuệ có thể nghe thấy tiếng gió chuyền động kéo nhau qua sông, mang theo mùi ải mục của bãi rác cùng những con ruồi xám, bấy giờ yên lặng ở đó thêm chút nữa với thần trí trôi nổi Tuệ sẽ còn hồi tưởng lại được hết. Đạo còn làm ăn tự do và thịnh vượng, khi nàng bằng tuổi Bảy bây giờ, những ngày chưa bỏ đi làm vợ lẽ cho Thắng, còn đông đảo tụi bạn : con Tư, con An, con Sửu, vui nhất là những đêm bị bố, thật khoái chí khi tụi khách phải nhảy lồm bồm xuống sông như những con chó không quen nước núp dưới chân cầu tiêu hay ăn sau những bẻ rau muống lớn (Thắng cũng đã một lần như thế, vì vậy hẳn mới mang Tuệ đi) trong khi trên này cả tụi tiếp tục cuộc đùa dỡn đập phá với mấy tên bố ráp. Bây giờ, mới sáu bảy năm tất cả đều thay đổi, tuổi già tới mau chóng với Tuệ như những đàn ruồi lớn tới mau với bãi rác. Tại sao Tuệ còn trở về đây trong khi tất cả tụi chúng đều đã thoát? Tại sao Tuệ không lấy một chú Tàu như An, một thằng chà và đen như Sửu, hay chết với thằng chồng ăn cướp thuê cho anh Bảy như con Tư ? Tuệ đã mỗi một lần, đã mỗi một lần.

Bây trở lại với chiếc áo dài ny lông sếp vắt trên vai và ly nước trên tay. Tiếng chiếc ly đặt xuống mặt bàn, hai vai Tuệ bị lay động, rồi tiếng Bảy :

— Bộ định chết thật sao đó Tuệ mà không chịu tỉnh dậy. Nè, súc miệng chải đầu gấp lên chứ, bà nội.

Tuệ bàng hoàng, cố gắng :

— Mấy giờ rồi ?

— Bộ không thấy mặt trời sao ? Chín rưỡi rồi, dậy mà.

Tuệ hợp một ngụm nước nóng bỏng nhỏ xuống sàn gỗ, cầm lược và soi gương, trông thấy khuôn mặt mình trong gương, Tuệ tỉnh hẳn. Không phải là sự sống mà chính là cái hình bóng của sự chết lờ mờ trong đó đã làm nàng thức dậy thêm lần nữa.

Bây rút trong bụng ra hai tờ bạc mười nhàu nát ném lên bàn — tao phải kêu đi kiếm thằng chồng cũ của mày chị Chín mới cho mượn đó hen—rồi cho áo lót vào trong quần thiệt chắc, đoạn nó dang tay mang đồ dài, tiếp lời : Lát về tao cho chị gấp đôi.

Tuệ bắt đầu gỡ những mùi tóc rối, một vài cái răng lược gãy đứt tóc,

LÀM ĐÀN BÀ ĐỀ SỐNG

Tuệ giật thật mạnh để thấy mình đau điếng. Trong tấm gương cũ hiện sau những vết xước của thủy ngân : khuôn mặt Tuệ lờ mờ không thuộc về đời sống, Tuệ cố gắng tìm kiếm dấu vết mình trong đó : má bên trái là nơi thừa nhỏ húng những cái tát, bên phải, gần sống mũi là vết xẹo nhỏ lần vợ cũ của Thắng tới đánh ghen đuổi hai mẹ con Tuệ đi, cái xẹo ấy hôm nay đã gần mất hẳn, nó lần trốn Tuệ, cái lý do chó đẻ ấy (để Tuệ vin có hành hạ Thắng) cũng đã lần trốn Tuệ nốt, hay là những cơn sốt và nước hiện trong tấm gương cũ một mặt người hoàn toàn khác năng, hoàn toàn khác. Đó là gương mặt của chị Chín, và nó đang cười, vế mặt nó khi cười răn ra những vết nhăn mãi đến khi nụ cười đã lui vẫn không khép lại được, nó đã đến tuổi hết trời chỗ trú ẩn và cái già nua hiện ra đang hoàng dong chơi trên khuôn mặt biết lấy gì chống đỡ. Tuệ buông rơi chiếc lược nơi tay và cũng muốn rơi theo.

Hình như cơn sốt đang trở về không không tới không ngủ. Bầy dơ tay ngang đầu Tuệ và nói : « gài hộ tao » Tuệ nắm lấy vai bạn đó là một tấm ván trời dạt mà Tuệ phải cố gắng lắm mới giữ nổi được cho tới khi sóng đem nàng vào bờ và trên bãi cát ấy Tuệ tỉnh dậy cùng Bầy.

— Giấy viết đây, mày viết vài chữ đi cho chẳng tin.

Tuệ viết trên mảnh giấy ca rô bằng cây viết chì kẻ lòng mày cũ loại rẻ tiền : *em bị đàn nặng, anh đưa người này. Tuệ ký.*

Bầy gấp tư mảnh giấy lại :

— Lỡ chẳng hỏi đưa nhỏ ?

— Mày kêu nó phải nằm nhà dưỡng Mai từ mấy bữa nay. (Dưỡng Mai là người bà con duy nhất của Tuệ, mần cảnh sát và có nhà cửa lớn bên Thị-Nghè, người bà con mà cả Thắng lẫn Tuệ chắc chắn suốt đời không bao giờ coi rõ mặt mũi họ ra sao, dù hỏi còn sống với Thắng Tuệ luôn miệng nhắc tới : đó là thứ thân thích tưởng tượng của Tuệ trong những lần đi đêm) Bầy chưa rõ điều ấy :

— Lỡ chẳng muốn gặp nó ?

— Biếu chẳng tới đây dẫn tao đi.

Tuệ uống hết ly nước và Bầy đỡ bạn vào giường. Bầy hỏi :

— Liệu chẳng tới không mày ?

— Đừng sợ mà, chẳng không dám tới đâu.

— Không, tao hỏi liệu chẳng có tới tiệm chú Ba kia ?

Tuệ nói câu cuối cùng : chắc mà mày đừng lo. Bầy đặt bên cạnh cho Tuệ chiếc gối dài trước khi đi nói : Lát, gặp chủ, tao mua thuốc về cho mày. Tuệ ôm chiếc gối và cố ngủ. Trong phút giây, Tuệ nghe thấy tiếng ồn ào nơi tiệm nước đầu phố, cái bụng trần của chú Ba chủ quán cười rung rúc làm Tuệ nhớ lại những ngày sống với Thắng, những buổi trưa hân cỏi tràn nằm trên ghế xích đu coi tiểu thuyết Bích Xu Ra, một bàn tay ngọ

TRẦN DẠ TỪ

ngoay trong bụng nàng. Thằng cũng là người biết điều, Tuệ không oán : tôi không hề oán ai cả kể từ cha mẹ tôi, những người tôi không hề biết mặt, không hề tưởng tượng nổi mặt họ, và họ chắc cũng thế, Tuệ nhớ đứa con trai với Thằng, nó đã đúng sáu tuổi, là lý do để cho Tuệ bắt Thằng phải gặp nàng trong khi bày giờ nó ra sao, ăn hay ngủ, khúc lóc hay chơi dờn hay học hành Tuệ cũng không biết nữa : *mày cũng đừng oán tao bởi vì tao nào oán được ai*. Hẳn nó sẽ không thể nào hình dung nổi Tuệ, và Tuệ : tôi cũng nào có hình dung nổi nó.

Mặt trời đã lên cao, Bầy đã đi, chỉ còn lại mình Tuệ, Tuệ đã ngủ, chỉ còn lại tấm gương Bầy mang tới đặt trên một bàn bày giờ đang phản chiếu ánh sáng lên một độ vách cao.

Quán chú Ba là một căn nhà cây sâu và tối, mặt tiền ngó ra một ngã ba, bên kia ngã ba đó là khu nghĩa địa thủy binh nằm sát con lạch nhỏ ăn với sông, nơi [tháo] nước của những nhà hai bên lợ, suốt ngày đêm nổi lênh bênh những rác rưởi trôi đi trôi lại (về mùa mưa nước trong lạch đôi khi dâng cao tràn cả lên những hàng mộ của mấy chàng thủy thủ). Trong quán giờ đó *đương* ồn ào náo nhiệt, một vài người quen biết trông thấy Bầy quay đi, một vài người khác vẫn còn vẫy tay chào (thằng Lai xe ngựa phát vào móng Bầy cái đầu điếng : Ra ngồi xe ngựa anh đưa lên Ca-Ti-Na chơi, em Ba !) Thằng vẫn chưa thấy tới, chú Ba chủ quán nguyên khách trú, nay đã nhập Việt tịch, là đồng bào của Bầy, Bầy nói :

— Khi nào anh tới chú kêu anh lại bàn con dùm chút nghe chú Ba.

Bàn của Bầy (nơi Tuệ đã đặt nó cẩn thận từ mấy bữa) nằm trong góc quán, ngồi trên chiếc ghế đầu có thể dựa lưng vào vách, vừa ngó thẳng ra lợ, vừa ngó lên cái đồng hồ lớn treo giữa hình ông Tổng-Thống ba tàu và một tấm gương lớn (Bầy có thể coi thấy thấp thoáng bóng mình trong đó). Hồi năm ngoái Bầy cũng có một chiếc đồng hồ tay, bây giờ nó không còn nữa, nhưng Bầy vẫn có thể coi giờ bằng chiếc đồng hồ lớn trên lúc đó đã gần khít mười giờ. Thằng vẫn chưa thấy bóng (chắc mà *mày* đừng lo, *chả* sẽ tới) Bầy kêu một tô hủ tiếu mì, những sợi mì đậm thắm mùi khói ấm, rồi một ly cà-phê sữa. Chú Ba cầm cái tua vải phất ruồi đi qua đập đập xuống bàn Bầy nói :

— Chúa nhật mần chi xài dữ a.

Bầy há miệng ?

— Đí chờ chờn con Tuệ mà chú.

Tiếng máy ca vọng cổ vẫn lớn nghe mùi mẫn : *«Ngọc Tuyết Lan em ơi, hãy coi xem anh đây chớ phải như ai kia là một kẻ tạc ơ ơ tình...»* Bầy húp nốt chỗ cặn tô mì mà thấy thương cho Tuệ : đáng lẽ tô mì này của nó.

LÀM ĐÀN BÀ ĐỀ SỐNG

Từ phía bên kia lộ, một người đàn ông trên tắc-xi bước xuống, Bầy biết đó là Thắng. Thắng mang sơ mi cụt, bỏ ngoài, tay cầm cặp da, không có thắt cà vạt, hân đã bước vào quán (mấy năm trước hân là người quen biết khu xóm này : thầy hai chủ sủ đó) Chú Ba đã chỉ cho Thắng phía bàn nơi Bầy ngồi và Thắng đang đi tới. Thắng đang đi tới. Hân đã tới. Thắng kéo ghế ngồi trước mặt Bầy. Hân hỏi trông :

— Con Ba đâu hông tới ?

— Chỉ đau nằm ở nhà, không dậy được nên biên em tới thay.

Bầy làm bộ rút rờ đưa mấy chữ Tuệ viết hồi sáng ra cho Thắng, hân cầm lấy ngó qua rồi vo viên bỏ vào lò mi, Bầy cúi xuống, Bầy biết hân đương ngó nàng như người ta coi thú :

— Bộ em cũng ở đưng với nó sao ?

— Ở cùng, chỉ đau liền khi đi bỏ thơ cho thầy.

Chú Ba mang tới cho Thắng một chai la de, hân dốc ra ly满满 một hơi, khi đề chiếc ly xuống bàn và rót nữa nơi miệng hân còn dính đầy bọt bia, thứ bọt trắng đông thành ngăn quanh miệng hân như một thứ khóa khóa mồm chó. Hân yên lặng một lát rồi cái miệng ấy vẫn ngó vô mặt Bầy, hân hỏi :

— Đưa nhỏ giờ nằm đâu em biết không ?

Bầy đáp câu thuộc lòng :

— Nó đau từ tuần trước phải gửi bên Thị-Nghè cho dưỡng Mai nuôi.

— Dưỡng Mai ?

— Dạ, chỉ biên nếu rảnh mai mới thầy ghé qua rước chỉ cùng tới viếng đưa bé. Tội nghiệp nó.

Tội nghiệp nó, thật tội nghiệp cho nó. Bầy dùng hai bàn tay ôm vòng lấy chai la de không của Thắng trên bàn. Bầy ao ước nó có thể khóc dùm cho Tuệ. Một giọt nước mắt sẽ rơi xuống ngực áo của Bầy, một giọt khác rơi xuống chiếc cặp da của Thắng, và một giọt khác nữa Bầy hứng vào trong chai la de, mai mới sẽ có kẻ uống nó. Bầy ao ước có vậy, nhưng không, Bầy không thể khóc nổi. Nó đâu có chút gì đáng khóc. Chiếc đồng hồ lớn trong quán bỗng reo chuông bình boong, một bọn chạy xe đồ Tây-Ninh quen mặt Bầy bước vào quán, chúng tụ nhau lại ở bàn bên cạnh kêu la de om sòm, dăm ba đưa trong bọn ngó sang Bầy, Thắng cũng thế hân cũng đương ngó Bầy. Thắng to béo lực lưỡng nàng chiếc ly lên rồi hỏi Bầy, một câu không ăn nhằm gì tới chuyện đưa nhỏ nữa vì giọng Thắng đã bắt đầu đổi khác :

— Em biết qua lâu chưa ?

Bầy giả dò mím cười :

— Em có nghe chỉ nói.

— Ờ, ừ...

Thắng gật gật cái đầu, đề chiếc cặp da lên mặt bàn, móc túi lấy thuốc

TRẦN DẠ TỪ

hút và quẹt lửa, hân dốc cạn ly, thở khói vào mặt Bầy, nói :

— Để qua trả tiền, mình đi chỗ khác, em uống hết rồi theo qua, cầm hộ qua chiếc cặp.

Thắng đứng dậy, Bầy rần rai và lo lắng nốc hết ly càphê sữa, Thắng không để ý tới điều đó, hân đi lại phía này trả tiền. Một tên chạy xe đồ bần bần nói với sang cho Bầy nghe :

— Trưa mai đợi anh nghe em Bầy.

Một vài đứa bên cạnh vỗ vai tên vừa nói cười lớn tiếng. Cả con trai chủ Ba mang cái khay gỗ tới dọn những ly tách trên bàn, không nhìn Bầy, nó đã ngủ với Bầy một lần, đạo đó Bầy có bệnh : chắc thắng nhờ bây giờ còn oán mình. Đã lâu, Bầy không thấy nó tới (mà đã lâu, cũng ít người tới lắm, mày là một con điểm hạng bét, Bầy à, vì mày không có nổi lấy một thằng nhân ngũ). Bầy đứng dậy cầm lấy cái cặp da của Thắng, hân đang chờ nàng ngoài cửa tiệm.

Hai người lên một chiếc tắc-xi, Thắng nói :

— Cho về Saigon đi.

Cũng đã lâu lắm Bầy không hề được ngồi trên một chiếc xe tắc-xi để chạy vào Saigon. Bầy nhớ Tuệ, bây giờ chắc Tuệ đang nằm ngủ, Bầy nói :

— Em phải về sớm kẻo chỉ trông.

Xe rẽ sang một ngã tư rồi bắt đầu vào thành phố. Thắng bảo :

— Không lâu đâu mà em, qua sẽ đưa em đi ăn trưa.

Bầy ôm chiếc cặp da của Thắng sát vào bụng, cả bàn tay trái của Thắng cũng ở trong đó nữa. Xe ngừng lại trong một con phố nhỏ, sát lề của một dãy phố lâu cao lớn. Thắng trả tiền rồi kéo Bầy xuống đó, qua cổng, đi theo một lối vòng, lên cầu thang, Bầy biết phen đi bên cạnh hân yên lặng như chiếc cặp da nàng đang mang trên tay. Leo hết cầu thang thứ nhất, Bầy không hỏi han gì Thắng, tiếng nhạc trua từ những khu phòng quanh đó rầm rộ quanh tai Bầy, đó là thứ nhạc khác hẳn nổi điệu dang nơi ngoại ô khu quán chủ Ba. Bầy đứng lại trước cửa một căn phòng chờ Thắng mở khóa, xung quanh Bầy là dãy hành lang dài, tối, những cánh cửa đóng kín. Bầy nhớ mơ hồ đã tới đây một lần ban đêm với một người đàn ông, Bầy cố nhớ nhưng Bầy hiểu không bao giờ nó có thể hình dung nổi khuôn mặt chàng. Tất cả những thứ mặt đàn ông mà Bầy đã nhìn thấy hầu hết đều giống nhau, chúng là những miếng cao su không mùi vị co răn tùy theo sự điều khiển của Bầy, chính Bầy làm ra chúng. Ngoài ra, không còn gì đáng nhớ hay đáng kể với Bầy về chúng nữa.

Hai người đã vào trong phòng và Thắng đã đóng kín cửa, Bầy hỏi :

— Thầy ở đây một mình ?

Thắng gạt đầu tới vịn quẹt máy, hỏi lại :

LÀM ĐÀN BÀ ĐỀ SỐNG

— Em muốn tới ở với qua không ?

— Muốn chứ !

Bầy lả lơi không cảm giác. Căn phòng vuông nhỏ, nền đá, tường gạch, kê tủ giường, bàn ghế, giường có nệm và sẵn gối, trong phòng cũng có sẵn nước rửa. Thắng đứng trước mặt Bầy đương cởi áo mặc vào chiếc ghế dựa và biếu Bầy màn theo. Chiếc quạt máy kêu vù vù thổi hay tiếng của Thắng tới Bầy. Bầy cởi bỏ áo dài cẩn thận treo vào tủ rồi tới nằm nghiêng trên giường khoan khoái nhìn Thắng đương tìm đường điệu dề đi đến. Thắng đi đến, chiếc bụng trần nung nính những nếp mỡ, trên đó có một vết sẹo lớn chạy hàng ngang và một đám lông mềm mại bao xung quanh. Thật là một cái bụng kỳ dị, vậy mà con Tuệ giữ nổi không kè cho Bầy nghe khi nó đã phải sống ngót hai năm với Thắng, Bầy hỏi :

— Trước Tuệ có ở đây không ?

— Không, chỗ khác.

Thắng tới ngồi cạnh Bầy, Bầy không muốn hấn động tới quần áo, bởi vậy, Bầy tự làm lấy công việc ấy trước khi để hấn óm.

Khi Bầy đã nằm xuống, Bầy sáng suốt sửa soạn thân thể mình và ngắm nghía khuôn mặt Thắng, hấn đã khá già nhưng khoẻ mạnh một cách đáng thương nhất là chân và tay.

Bầy giờ qua mặt bàn trải khăn xanh của tiệm ăn, Thắng ngồi trước mặt Bầy. Hấn ăn chậm rãi như tưởng một ông chồng hiền hành suốt đời chỉ ăn cơm với vợ, tuy vậy hấn cũng không ngừng nói nói nói và Bầy lắng tai nghe không thấy một tiếng nào. Thắng có vẻ hơi mệt tuy những nét ham hố của hấn trước đó vẫn còn in trên mặt. Bầy thì vẫn bình thần ăn và bắt đầu yếm tâm, đó là những thứ cảm giác quen thuộc Bầy thường có sau mỗi lần đi khách ; Bầy không nghe thấy Thắng nói, cũng không nhớ chút gì, hoàn toàn không chút gì còn lại trong đầu Bầy : tôi chỉ là một con điếm, tôi chỉ phải làm có một bốn phận ấy, bây giờ đã làm xong, xong trách nhiệm và như thế tôi yên tâm nghỉ sức và giải trí. Thắng đã ăn xong, đặt con dao nhỏ xuống mặt bàn, ngừng nói và chùi miệng. Phía sau Thắng, trong quầy hàng người chủ quán đang lúi húi tính toán, xung quanh đó là không khí ồn ào của tiệm cơm buổi trưa. Tất cả những thứ ấy tuyệt nhiên không làm Thắng chú ý tuy nó đương lan man rủ nhau vào đầu Bầy sau một cuộc mần ăn nhàn nhã nhất.

Thắng đánh quẹt, hút thuốc, thở khói, hai cánh tay to lớn của Thắng cũng không còn đề trên mặt bàn nữa. Bầy mơ hồ biết hấn đang lục tiền trong cặp. Bầy cố như xem đã từng sống trong cảnh này lần nào chưa, trí nhớ của Bầy uể oải hơi biếng làm Bầy không thể hình dung nổi ra một

cảnh tương tự ở dĩ vãng, tuy vậy nhất định nó phải có, phải có chứ, trong bao nhiêu lần rồi bấy từng cầm tiền của đàn ông. Bấy bỗng nghĩ ra sự may mắn của nó, từ nhỏ Bấy chỉ có nhận vào mà chưa từng bao giờ cho ai một chút gì ngoài tám thân thê lý lợm thừa thãi này nào có gì đáng kể. Bấy bỗng ngạc nhiên : *cớ sao bao nhiêu những may mắn lời lãi ấy cộng lại lại vẫn không khá hơn, đời sống cơm áo và cả cái số kiếp dĩ đượi này nữa vẫn không hề thay đổi.* Ý nghĩ ấy mang lại sự tỉnh táo cho Bấy. Khuôn mặt Thằng hiện ra rõ ràng với Bấy, điều thuốc trên môi hân lay động bốc lên vệt khói tím, vẫn một vẻ hiền lành đáng thương hại, hân hời :

— Chứa nhật em chờ qua nữa nghe !

Trong một giây rất ngắn, Bấy tự hỏi « liệu hân đưa mình bao nhiêu và Tuệ ». Hai cánh tay Thằng đã bắt đầu cử động, hân đưa tiền cho Bấy :

— Qua chỉ mang theo có vậy, em liệu chia cho con Ba. Biểu nó qua hồi này bán lăm (số bạc của Thằng là một ngàn đồng giấy sắn) giờ qua phải đi chút việc đã.

— Bộ không phải anh về nhà với vợ sao ?

Thằng lúng túng coi giờ và gọi bồi tỉnh tiền. Khi ra tới mặt phố, hân vẫy một chiếc taxi, nói với Bấy : « Nhớ chứa nhật tới qua trông em » rồi mở cửa cho Bấy chui vô trông.

Gã trẻ tuổi qua lại hai lần, mỗi lần đều nhìn vào, Chị Chín biểu chồng :

— Thằng này trông hơi quen.

Ông chồng già chị Chín đáp sau lưng bà vợ :

— Gã coi dường có tới rồi đó mà.

Lần thứ ba, người khách cũ thẹn ỉy đi ngang trời chừa những nắng, chị Chín cất tiếng mời :

— Vào nghỉ đi thầy hai.

Người khách bước vội vũ vô quán, gã ngồi nơi chiếc bàn khuất góc.

— Dùng đỡ chút giải lao đã nghe thầy.

— Cho một chai cam đỏ.

Anh Chín mang tới cho gã chai cam đỏ và ly đá, gã lóng ngóng sửa soạn đồ uống, hỏi :

— Ở đây có thuốc lá không ông ?

— Dạ, không có. Thầy xài thứ chi đồ kêu cháu đi mua.

Chị Chín đứng ngoài cửa kêu đứa con :

— Cảnh ơi Cảnh, về biểu đây, thằng mắc dịch đâu rồi !

Tiếng kêu vang lớn, đứa nhỏ từ bên lộ chạy sang theo mẹ vô trong quán, người khách vụng về nói : « Thôi, thôi, khỏi cần thuốc » và gã

LÀM ĐÀN BÀ ĐỀ SỐNG

uống một ngụm nước nhỏ. Chị Chín bưng con « máy vào trong kêu đi » rồi tới đứng bên người khách, gắp đường ngô quanh mấy chai nước ngọt lèo lèo trong quán tối, cố làm mặt sùng sãi :

— Thằng trước tui đã có lại đây một lần !

— Tôi còn nhớ thầy mà. Chị Chín đã nhớ ra người khách : lần trước gắp tới con Bầy đi, gắp có cho thằng Cảnh mười đồng.

— Bây giờ còn gì hay không chị ?

— Khó khăn lắm thầy ơi, chỉ còn một cò thôi.

Chị Chín bình tâm về chỗ cũ, ngồi xuống ghế. Tiếng người khách :

— Chị cho tui thử coi.

— Thầy ngồi chơi chút đi, tôi cho nó đi kêu, bây giờ dư lắm dầu dăm chứa tại nhà.

Thằng Cảnh đẩy cửa lách vào trong, lúc đó Tuệ vừa lĩnh dậy đang ngồi yên lặng dưới hai chân trên ghế. Trưa rồi Bầy vẫn chưa thấy về. Tuệ không thể ngủ tiếp, cũng không thể nghĩ coi tại sao lầy đi biệt. Tuệ không thể nghĩ tới gì khác và sự lãng quên đương bỗng bành trôi xuôi trong tấm thân thể Tuệ. Thằng Cảnh tới lay tỉnh nàng cùng những ý tưởng lan man ấy :

— Dậy mau sửa soạn ra, có khách. Khách xộp lắm.

Tuệ tỉnh hẳn, rất mau, những ý tưởng của Tuệ cũng thức dậy với nàng : tôi không thể vô dụng, tôi còn sống đây mà. Tuệ bỏ hai chân xuống, và đứng lên vội vàng :

— Vô kiếm dùm tao chút phấn mau.

Cảnh chạy vào gian trong mang phấn ra, nó rất khá về trí nhớ và chân tay lanh lẹ. Tuệ tới lật đầu giường lấy chiếc áo cánh lụa (thứ áo chị Chín may cho mỗi đứa dành riêng để mang ra mắt khách) Tuệ thay áo sửa ngực và biểu Cảnh :

— Máy dọn mùng hộ rồi ra trước, tao xong ngay.

Tuệ ngồi lại soi kiển, chải tóc, và đánh phấn, Bầy đã đi vắng, chỉ còn một mình nàng và một khuôn mặt của chính nàng trong kiển : tôi đã già thật chưa ? tôi có già lắm không ? tôi có thừa thãi không ? Tuệ cố gắng mỉm cười để sửa khuôn mặt mình. Trong quán vẫn âm thấp và yên tĩnh, chị Chín đang ngồi cắt móng tay, ông chồng ngồi nơi cửa sổ ngó ra lộ và người khách lặng lẽ ngồi chờ, nhìn vô tấm màn gió. Thằng Cảnh ngồi trông thay chỗ anh Chín được vài phút thì Tuệ ra, Tuệ đi tới, đứng nơi đầu chiếc giường bẻ bốn những mùng màn của vợ chồng chị Sáu, tay đỡ tấm màn gió để nghiêng mặt ra ngoài, (Tuệ đã cố ý chút nhiều phấn và làm tóc hơi rũ xuống để che vợi khuôn mặt) Tuệ mỉm cười, chào người khách : « anh Hai » vừa đủ để gắp nhận ra đã có nàng rồi buống tấm màn xuống, đứng trong đó nghe ngóng.

Tiếng chị Chín :

— Coi được không thầy.

Người khách, (giọng lạ, chưa bao giờ Tuệ nghe) :

— Không còn ai khác sao ?

— Không còn đâu thầy hai.

Yên lặng một lát :

— Không còn cả lần trước sao ?

Ra đây là khách quen của Bầy, Tuệ nghe tiếng chị Chín, tỉnh khò :

— À, thầy hỏi con Bầy phải không, nó đi lấy chồng rồi.

Yên lặng lâu hơn trước, rồi thì tiếng chị Chín nói nhỏ :

— Thôi, đi đại đi thầy.

Tuệ không thể đứng nghe hơn nữa, nâng vịn tay theo vách tường rồi băng qua con ngõ rộng chui vô đứng trong cánh cửa ngó chừng qua khe hở.

Ngoài quán, người khách ngần ngừ một lát rồi đứng dậy theo chị Chín. Gã đương băng qua ngõ sang phía Tuệ, dáng điệu như còn là học trò. Chị Chín đưa khách tới tận cửa, nói :

— Thầy cứ vô, ở đây chúng tôi coi kỹ lắm, không sợ đâu.

Tuệ né sang một bên cho người khách vô rồi gài cửa, nâng đi chậm rãi vào trong và người khách theo sau, tiếng giầy da của gã nền xuống sàn gỗ là thứ cho Tuệ nương dựa để bước đi khỏi té. Vào tới nơi, người khách ngồi xuống giường và Tuệ đứng trước mặt gã, không tránh khỏi. Bóng tối âm thấp trong căn nhà quen với Tuệ nhưng hẳn phải làm gã choáng váng, gã đương chống hai tay xuống thành giường cố gắng ngẩng mặt lên nhìn Tuệ, đó là một thanh niên, mặt xanh xao non nớt chỉ đáng tuổi em út Tuệ. Tuệ không thể hiểu nổi trong đôi mắt đại dột kia của gã số phận nàng ra sao. Tuệ cũng không còn đủ sức điều khiển nổi hẳn nữa, nàng đứng yên rất lâu như thế, trước mặt gã, cố gắng thở đều đặn chờ đợi và lắng nghe, cho tới khi Tuệ nghe thấy tiếng lầy của người khách khua động và gã đứng dậy, Tuệ nhắm mắt ao ước gã ôm mình, nhưng không, Tuệ chỉ nghe thấy tiếng hỏi :

— Cô ở đây với ai, một mình à ?

Câu hỏi thật ngờ ngẩn đáng cười, Tuệ cố nén, đáp :

— Không, nhà này của bà thuê, không ở.

Gã đi lại phía chiếc bàn, mấy con chuột dưới sàn bị khua động đuổi nhau kêu chi chi, Tuệ ngồi xuống giường, trên chỗ ngồi cũ của gã để nhìn, khi gã quay lưng lại, Tuệ cố hỏi :

— Anh có đi không ?

— Muốn bao nhiêu ?

Tuệ cố thêm lần nữa :

— Mấy cũng được, bà là chủ chờ không phải tui đâu.

Người khách cúi xuống không nhìn Tuệ, gã đương mở bóp lấy tiền

LÀM ĐÀN BÀ ĐỀ SỐNG

đặt trên bàn, Tuệ đứng lên hồ áo để chờ gã, khi gã ngẩng lên, dù đứng xa Tuệ cũng thấy rõ hân, đó là một dáng điệu đã mỗi một cùng cực. gã nhìn Tuệ một giây như muốn nói mà không cất nổi tiếng. Tuệ cũng vậy, cũng mỗi một cùng cực và không cất nổi tiếng, Tuệ nhìn xuống tấm ngực trần của nàng, tấm ngực khốn khổ ấy hình như đương sa xuống dần dần từng phút một. Tuệ bỗng ngẩng lên, gã thanh niên đang bước vội vã ra phía ngoài: nó muốn chạy trốn, nó muốn bỏ tôi lại không không không thể thế, gã đã tới cửa ngoài, gã sắp mở cửa, sắp bỏ đi, không không không thể thế. Tuệ bật lên tiếng gọi:

— Anh Hai.

Gã thảng thốt dừng lại: nó sợ hãi trong khi tôi đi đến. Tuệ đã đứng trước mặt gã, gã lắp bắp nói nói nói nói nhưng nàng đã không nghe gì nữa. Bất ngờ Tuệ tiến lên ôm lấy gã, gã hoảng hốt vùng vẫy trong hai cánh tay tròn của Tuệ, Tuệ nói bên tai gã, ngọt ngào: « Anh Hai, ở lại đây chút đã, đừng đi ».

Gã càng cố gỡ ra Tuệ càng ôm chặt lấy gã hơn, đến một lúc gã xô mạnh Tuệ vẫn không chịu buông kéo gã cũng ngã theo vào góc nhà. Tất cả những sức lực hoang phí từ bao nhiêu năm nay khi lấy bổng trở về với Tuệ, năm lần lộn dưới sàn gỗ Tuệ quăn chặt lấy chân tay gã, ôm đầu gã áp chặt vào ngực mình, đầu chàng thanh niên đang vùng vẫy sát ngực Tuệ là một chiếc gối êm ái trong cơn sốt. Rồi thì Tuệ nghe thấy tiếng gió chuyển động như đương từ một cánh đồng mơ hồ nào ập tới đập xuống trần mái cao vút là thần thể. Suốt bao nhiêu năm da thịt Tuệ mới thức dậy một lần, những giác quan lạnh lẽo của tôi mới bén lửa một lần, suốt bao nhiêu năm suốt bao nhiêu năm Tuệ mới thực hiện mình một lần, cảm ơn anh cảm ơn anh, suốt bao nhiêu năm tôi mới nhìn thấy nó một lần, vượt qua nó một lần, và như thế. Như thế cho tới khi Tuệ thấy mình bốc cháy.

Khi Bầy đẩy cánh cửa bước vào mọi người đều nhìn ra: Bầy trở về quá trẻ, thật quá trẻ. Căn nhà xanh đỏ trắng tím vàng quay cuồng trước mặt Bầy, đó là con mắt từ ngoài nắng bước vào. Bầy đứng chết giữa nhà ngó mọi người: Chuyện gì vừa xảy ra ở đây, những ai đương đứng ngồi ở đây, không không phải, tôi đâu muốn trông thấy nhiều đến thế. Bầy hỏi:

— Con Tuệ đâu?

Mọi người hiện ra rõ dần dần với Bầy, chú Chín nhìn về phía một thanh niên lạ mặt, gã đứng lên đưa Bầy vào gian trong: Tuệ ở đó. Tuệ nằm thẳng, mặt trùm kín tận đầu. Bầy glò Bầy mới nhớ ra nó đã quên

TRẦN DẠ TỪ

không mua thuốc về cho bạn. Bấy giờ ngồi bên giường đỡ lẩm mẩm ra nhìn mặt Tuệ và khóc nức : *thôi thế nào về sống với Thắng để rồi cũng như mày, sẽ ở ra với nó n ội đưa con trước khi bị vợ cũ đuổi đi.*

TRẦN DẠ TỪ

con lộ

AHMED ALI

Ahmed Ali là một nhà văn Hồi quốc. Ông đã nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết Twilight in Delhi (Hoàng hôn ở Delhi). Ông viết nhiều truyện ngắn. Truyện Con Lộ là một trong những truyện ngắn giá trị của ông.

Xưa tôi sống tại Pandit Ka Koocha. Cánh cửa phòng tôi chia làm 2 phần và, khi đóng nửa dưới lại, phần trên biến thành cửa sổ. Cửa sổ này mở ra nơi con đường hẹp. Trước mắt có ngôi hàng bán đồ gia-vị của Siddiq, bên cạnh tiệm của bác thợ mộc Aziz và xung quanh đó là quán hàng của mấy người phu-kiệu, của người bán thuốc, của người bán trầu không và của vài người nữa như bác hàng thịt, hàng lạc xoong và hàng mít trái cây.

Người ta có thể đến mấy nơi khác khi đi ngang qua Mohallah (1) của chúng tôi, và có đủ mọi hạng người đi qua dưới cửa sổ này. Có khi một người đàn ông diện một bóng người mặc toàn đồ trắng đi tới, tìm cách che ánh nắng thiêu đốt của mùa hè dưới chiếc dù. Có khi một người đàn ông diện bộ đồ áng-lê tới gần, thận trọng nhảy qua đường, tránh mấy thằng trẻ ranh ra một bước khi có người tát nước qua đường, tránh mấy thằng trẻ ranh hay tròng mắt với chúng, khi chúng nhìn hân ta quá sỗ-sàng. Lắm khi, khách qua đường nổi giận và giơ gậy hay dùi lên đập mấy đứa nhỏ; nhưng chúng tránh khỏi vấp và bỏ đi.

« Ở coi bộ-tịch kia, tại đây ời ! »

Tức thì người ta nghe cái giọng cầu nhàu của Mirza, lão hàng sữa :

(1) Xóm.

« Bầy làm gì đó, đồ du-côn ! Bộ ở nhà bầy không có gì làm sao ? ».

Và nếu có người nào ở gần, Mirza than vãn :

« Coi tụi nó kia ! Cha mẹ thả đi rong như bầy bò thiêng. Mấy thằng ranh con này cứ chửi thề với làm chuyện đại dột không ! »

Cặp mắt bé đỏ ngầu của ông ta lúc đó sáng lên và vừa gãi bộ râu ba góc vừa quay về phía người khách hàng nào đó. Ông múc sữa đông trong cái hũ bằng đất hay múc trong cái xanh sắt và đưa cho người khách sau khi cho thêm vào đó một ít kem.

Thiên hạ nói ông già Mirza vốn con nhà trâm-anh. Bị người cha đuổi đi vì học hành không ra gì, rồi sau khi đã đi lang thang không mục đích một thời gian, Mirza bèn mở một ngôi hàng. Người cha nhiều lần tới xin lỗi và kêu về ; nhưng Mirza không nghe. Rồi ông ta cưới vợ và công việc bắt đầu phát đạt. Bánh *peros* (2) của ông ta làm nổi tiếng khắp thành phố vì rất ngon lành và sữa ông ta bán thì lúc nào cũng thơm tho. Khi có khách tới mua, ông rót sữa đầy cốc bằng đất rồi sớt một hơi qua một cái chén ; ông ta sớt đi sớt lại nhiều lần cho tới khi nào sữa đã đóng một lớp bọt. Xong ông ta dùng cái muỗng to vớt lên lớp kem mỏng trên mặt sữa, hết sức khéo léo — đến nỗi cốc sữa không hề bị xáo trộn.

Đôi khi bà vợ đến ngồi trông hàng. Bà già rồi. Mặt đã nhăn ; lưng cong và răng đã rụng. Vàng trán rộng và nước da sáng sủa chứng tỏ bà thuộc dòng trâm-anh.

Nhưng bây giờ công việc chậm lại vì hai ông bà đã già và không thể làm việc như lúc trước được nữa. Đứa con chung của hai người đã mất và họ không có gì đỡ đần một tay.

Trong những ngày bất hợp tác, khi phong trào tranh thủ tự do vùng lên trên xứ sở như làn sóng và lan tràn khắp nơi, đứa con trai của Mirza tham gia vào một cuộc biểu tình với các bạn. Không khí vang lừng những tiếng hò reo « *Bande Matram* » và « *Mahatma Gandhi Ki Jai* » (3). Một đội quân toàn lính Ấn-lê lên canh gác trong Tháp Đồng-hồ. Viên cảnh sát trưởng, ông Quận-Trưởng và vài người Anh khác đi theo với vẻ lo ngại cơn cuồng nộ của đám đông và sự biểu dương cơn thịnh nộ toàn quốc này. Đoàn người muốn tiến tới nhưng bị lính cản lại. Đoàn người xông lên phá hàng rào lính và ông Quận Trưởng cho phép viên đại đội trưởng ra lệnh nổ súng. Nhiều người bị chết trong làn mưa đạn và con trai của Mirza có trong số đó.

Hồi lâu sau, khi người ta cho phép đem tử thi đi, các bạn nó mang cái xác con trai Mirza về.

Mọi cửa hàng đều đóng lại và con lộ thì ảm đạm và lặng ngắt. Trời

(2) Bánh kem

(3) « Tổ quốc muôn năm » « Gandhi muôn năm » :

CƠN LỘ

mùa đông xám như tro. Một mùi thối tha xông lên từ những cống rãnh không được rửa sạch. Khi người ta mang xác con về, hai vợ chồng Mirza đều rũ rời. Hai người không thể tin là đứa con trai trước đây một lúc còn sống : nó đã cười và luôn cả hồi sáng này nó đã làm bánh ngọt, rửa và súc cái xanh, đã biến đi thăm bạn bè, giờ không còn nữa mà nó đã chết rồi. Họ nhìn không thấy cái thầy ma vấy đầy máu, bà vợ của Mirza rút bà ra nhưng bà không muốn rời xác con.

« Ôi con ơi ! Con yêu quý của mẹ ! » bà khóc kê ; và thỉnh thoảng bà thét lên và ta thán :

« Trời diệt bọn *Farangis* (4) này đi ! Chúng đã ám sát con trai yêu của tôi. Phải chỉ chúng nó bị tiêu diệt hết ! »

Mirza ra khỏi nhà chạy như người điên. Siddiq, người bán đồ gia-vị, đã mở cửa hiệu và, khi thấy Mirza chạy qua, tóc rối tung lên, thì gọi lại và hỏi :

« Tội nghiệp không ! Chuyện gì vậy ? »

Trong đôi tròng mắt của Mirza không có dấu vết nước mắt ; nhưng gương mặt của ông ta chính là hình ảnh của sự đau khổ :

« Đời tôi hết rồi. Gia tài chỉ có thằng con bây giờ nó chết rồi ».

Và ông trở về nhà.

Khách hàng trước quán hỏi Siddiq về nguyên nhân cái chết này. Siddiq đóng cửa trước và nhìn theo bóng của Mirza đã đi xa. Một luồng gió nổi lên, làm tung đầy đám mây bụi ngoài con lộ. Một mảnh giấy xơ xác bay lên và lại hạ xuống vừa nháy nhót vừa xoay quanh. Những sợi tóc dài của Mirza dợn sóng trước gió ; ông biến mất chỗ khúc quẹo.

« Chuyện gì hả ? Nó theo phong trào bất hợp tác và người ta đã giết nó. Tại sao chúng nó lại xen vào chuyện không dính dáng gì tới mình. Chống lại chính phủ thì được như vậy đó. Thằng nhỏ đó đẹp trai và thiệt là chắc chắn. Nhưng nó đã ngã vào trong tay bọn *kheddarjes* (6) này ».

Nói xong ; hắn thọc muống vào trong cổ hũ. Có một chồng hũ kê sát nhau trong vách tường. Siddiq múc một chút ngũ cốc đưa cho khách hàng. Người khách nghe Siddiq một cách hồ hững bắt đầu cột ngũ cốc vào chéo vải. Bỗng, dòm thấy những hạt ngũ cốc, hắn la lên :

« Nói coi, anh bán cho tôi cái gì đây ? Tôi hỏi mua *arhar* mà. Mau lên không vợ tôi nó kêu ầm lên bây giờ... ».

(4) người Âu

(5) Kiến Án-ty. Gọi như vậy vì họ mặc đồ đen

(6) Chỉ những người mặc đồ *Khedda*, hàng bán xứ dệt bánh tay. *Giandhi* đã kêu gọi người Ấn tẩy chay hàng ngoại quốc.

Ở nhà vợ Mirza đấm ngực, khóc âm lên và nguyên rủa vừa người Anh vừa cả Gandhi. Khi mẹ Yaamin biết chuyện, bà liền chạy qua tổ đình. Bà cũng đã mất một người con trai còn trẻ, bị tường đè, bà nuôi các con bằng nghề may vá. Cả hai cùng ôm nhau và khóc, và vợ Mirza thấy được đỡ khổ chút ít...

Sau cùng người ta mang nó đi chôn. Đêm tối lắm và âm đạm. Một cơn gió lạnh nổi lên và Mohall h còn giá lạnh hơn vì ướt át. Trong ánh sáng chớp chờn của mấy cái đèn lồng, khu xóm hoàn toàn có một vẻ chẳng lành và ỉu hiu, và không thấy sinh vật nào ở ngoài đường.

Thỉnh thoảng người ta nghe giọng hát của bà vợ Mirza :

Thời đại đổi thay không ngờ

Và sự bằng an không còn nữa trong lòng tôi...

Rồi bà lại lặng thinh và tiếp tục chăm chú vào công việc.

Trước nhà tôi có một cây chà là cổ thụ. Ngày xưa nó có nhiều trái, và loài ong tìm mật bu đầy cây. Chim chóc đến đậu trên mấy nhánh dài và bờ câu lạc lối nghỉ đêm trên đó. Bây giờ đã mất hết lá, cành thì mục, và bờ câu lạc lối nghỉ đêm trên đó. Bầy giờ đã mất hết lá, cành thì mục, thân đen và xấu xí, trong đêm tối, trông giống như ông ba bị. Chim chóc không bay tới nữa và không còn quyến rũ được loài ong. Chỉ thỉnh thoảng một con quạ đến đậu trên cái chóp trọc và kêu lên, kêu lên cho thoảng một con quạ đến đậu trên cái chóp trọc và kêu lên, kêu lên cho tới khi nào tiếng đã khàn, hoặc là một con điều hâu tới ngừng một chốc, kêu lên một tiếng nhọn hoắt và bay đi. Trong ánh sáng yếu ớt của chàng vạng, cây chà là biến đi từ từ theo cảnh vật và mất hẳn trong đêm tối. Thường, buổi chiều khi vào nhà, tôi nhìn thấy ngay cái thân to lớn cực kỳ xấu xí của nó cao vút lên chót vót. Sao chiếu sáng và, ở ngay chóp cây, người ta nhìn thấy vì sao sau cùng của chòm Đại hùng tinh ; nhưng cái thân cây lại xen giữa bầu trời và tôi, và tôi không thể nhìn thấy cánh đồng sao bát ngát.

Có một người đàn bà điên hay tới xóm này. Người ta đã cạo tóc nàng và cái đầu trông giống như trái hồ đào đặt trên thân thể nặng nề và vững chắc của nàng. Thường thường, người ta đã mặc quần áo cho nàng nhưng vài giờ sau nàng đã trần truồng như cũ. Kể nào đó đã lột của nàng hoặc chính nàng đã bứt ra. Miệng mồm chảy đầy nước rãi và hai tay cứng đờ ở hai bên sườn, nàng xoay đi xoay lại vừa nhẩy nhót ở ngoài đường vừa lăm bằm những câu không mạch lạc như những người câm.

CON LỘ

Lúc nàng vừa đến *Mohallah*, mọi đám trẻ ranh bu lại xung quanh và vừa đi theo vừa vỗ tay, chúng trêu nàng và vừa liếng đá vừa reo : « Con điên ! Con điên ! ». Người đàn bà thốt ra những tiếng rên rỉ tuyệt vọng : « Hư ! Hư ! » và ẩn trốn trong những xó đường... Mỗi lần cảnh này xảy ra trước cửa hiệu của *Mirza*, thì ông ta quát mấy đứa trẻ :

« Đồ ngu ! Làm như là bây khôn lắm vậy ! Đi chỗ khác đi ! Đi đi ! ».

Nhưng chừng một lát mấy đứa trẻ lại tụ họp nhau lại. Người lớn cũng hay đùa bỡn về nàng. Nàng hơi xấu, nhưng không già. Nàng có chửa và *Munnoo*, hẳn là con nhà khá giả nhưng đã hỏi :

« Sao, có đứa nhỏ này hồi nào đó ? ».

Người đàn bà điên liền kêu lên một tiếng man rợ và đau đớn, dang tay ra đằng trước, quay về phía một người qua đường hay một chủ hiệu khăn của nàng có một lời yêu cầu và một lời van xin, lời van xin của một sinh vật bất lực với người bề trên hay một kẻ nào mạnh hơn để được tha thứ và ban ân. Nhưng nhiều người khác cùng đến nhập vào sự đùa cợt của mọi người và cùng cười một cách khoái trá... Người ta nói rằng có mấy người đàn ông đã kéo nàng vào trong cái đồn cũ một đêm nọ và từ đó bụng nàng bắt đầu to lên...

Có hàng ngàn người xứ tôi không biết thực tế nào khác hơn là ăn, uống và chết. Họ sinh ra, lớn lên, làm ra tiền, ăn, uống và chết. Họ không có chút gì là con người hết, họ không có lấy một ý nghĩ gì về sự lớn lao của cuộc sống, họ như những người nô lệ không hề có ý thức gì ngoài sự làm việc và cái chết. Bình minh của sự sống và hoàng hôn của sự chết theo mắt họ chỉ là một và cùng một thứ cả. Đây là tất cả cuộc đời họ, chỉ có thực tại đời sống của họ và cái chết mới có thể giải thoát họ khỏi cuộc đời...

Trong *Mohallah* của chúng tôi có nhiều chó, chúng đều hệnh và đói. Phần đông có ghê và da rụng hết lông. Chúng nhe răng nhọn ra và quào lưng hoặc cắn nhau chỉ từ quanh một cục xương trước hàng thịt. Chúng tâm ngấm đến đánh hơi mấy rãnh mương, đuổi cụp lại, và tranh nhau bần rúc. Nhưng thường thường đúng vào lúc chúng đánh hơi được một miếng thịt hay một cục xương, thì điều bấu lại nhào xuống và tha đi. Rồi thì, cụp đuôi lại, chúng hít mạnh chỗ đó với bộ tịch của kẻ biết rõ mình bị chế nhạo hoặc giả chúng thử che đậy sự thẹn thùng của mình bằng cách gáy gở với nhau.

Buổi sáng sớm người ta nghe tiếng rao của Shera, người bán đậu *chiche* (7) Hắn đi từ đường này qua đường kia, hàng đựng trong cái bị mang trên lưng. Hắn khoảng chừng bốn mươi, người gầy một cách thảm thương. Mặt đã chẳng những nét nhăn và trong chòm râu ngắn đã có vài sợi bạc. Trong đôi mắt sâu và quầng đen thấy phản chiếu sự nghèo và đói, sự khốn khổ và cùng quẫn. Mai trông mặt của hắn có rạch đỏ như điều thường xảy đến sau một cơn sốt vì đói hoặc là vì uống rượu. Hắn đội một cái bè rê bằng vải nhộp, mặc một cái sơ mi bằng những mảnh rách phủ lưng và cái chân vện để lộ đôi chân gầy và xương xẩu.

Hắn từ một vùng lân cận đến thành phố này đã nhiều năm để tìm việc làm. Ban đêm thì ngủ trong giáo đường và ban ngày thì đi rong ngoài đường. Nhưng mà làng mạc thành phố không có việc cho hắn, và Shera đành thất nghiệp.

Thôn trưởng Amanullah thường tới cầu nguyện trong giáo đường này. Shera kể câu chuyện buồn của hắn. Thôn-trưởng thương hại và dẫn về nhà. Shera là con người thanh liêm và cần mẫn; và sau một thời gian, thôn-trưởng cho hắn 5 ru-pi.

« Tôi cho anh số tiền này, thôn trưởng Amanullah nói, để anh dùng mà

làm ăn. Chừng nào khá thì trả lại tôi, còn như không có thì thôi ».

Shera bèn đi bán đậu Kaboul và đậu hường. Không bao lâu có một số khách hàng quen và bắt đầu làm ăn khá. Chừng một năm, Shera đã trả đủ cho thôn trưởng món bạc, mang vợ con tới mượn một căn nhà nhỏ và lấy làm hạnh phúc lắm.

Đúng vào thời đó Abdul Rashid bị kết án tử hình vì tội cố sát Swami Shardhanand. Tất cả những người Hồi giáo trong thành phố, đều giận dữ và bị kích thích, tới ngày hành quyết hàng ngàn người bèn tụ họp quanh khám đường. Họ định phá tan hàng rào sắt và tràn vào bên trong. Khi cảnh-sát từ chối việc giao thi hài Abdul Rashid thì cơn thịnh nộ của đám đông không còn kiềm chế được nữa. Họ muốn phá tan nhà tù và chôn cất vị *ghazi* (8) này theo nghi thức dành cho một *Shahid* (9)

Ngày hôm ấy Shera có việc về Jama Masjid. Bầu trời bao phủ một đám mây bụi và đường sá thì tiêu điều vắng vẻ như một nghĩa địa. Hắn gặp mấy con chó đói đang liếm đồng rác. Một con bỏ câu chốt nằm sóng xoài trong rãnh nước. Cỏ nó ngoặt lại và hai cánh cứng dơ và bầm xanh dựng lên, hai cánh thì ướt đầm nước dơ và có một con mắt hầy còn mở ra đỏ sợt và ghê tởm. Shera đứng lại để ngắm. Trong lúc đó, ở góc đường, vang lên những tiếng thúc giục của đám đông đang khiêng một

(7) Thử đậu to, xám.

(8) Anh hùng.

(9) Vị tử đạo

CON LỘ

cái xác đem chôn. Mấy người đàn ông tiến tới mang trên vai cái thây ma. Lúc đám ma đến gần đoàn người càng đông hơn đến nỗi chỉ thấy lò nhỏ những đụn. Đoàn người qua nhanh với cái xác của Abdul Rashid. Shera bước tới và phụ khiêng. Cùng lúc đó cảnh sát xuất hiện ngoài đường và bắt đám ma lại; có nhiều người bị bắt. Shera có trong sổ đỏ và bị kêu án 2 năm tù về tội tham dự vào cuộc « dấy loạn »

Bây giờ hắn được miễn tù nhưng khách hàng đã quên cái giọng quen thuộc của hắn xưa kia và hắn không đủ tiền để làm nghề cũ. Người ta quyền tiền cho hắn và thu được 2 ru-pi; thế là Shera có thể bắt tay làm việc và giờ hắn bán rong rau cải khô. Nhưng tiếng rao của hắn đã mất cái giọng cũ và mỗi tiếng đều có chứa nỗi khốn khổ của ưu sầu. Tuy vậy, khi nghe tiếng rao của hắn, trẻ con cũng ùa nhau tới mua đậu; Shera hối trong xác ra, cần nhắc và đưa cho chúng.

Một người nữa thường hay lui tới Mohallah vào mỗi buổi chiều là lão ăn mày mù. Người hắn nhỏ và chòm râu cằm luôn luôn bắn vì bụi. Tay cầm gậy tre dùng để mò mẫm tìm đường. Hắn có vẻ không giá trị gì và vô dụng như đàn ruồi trên một đồng bụi hay đồng xương của một con mèo chết. Nhưng trong tiếng nói của hắn có một cái gì buồn và cảm động nói lên sự ngắn ngủi của đời người. Dường như tiếng nói ấy đến từ một nơi rất xa qua những đêm đông, mang theo nỗi buồn và tuyệt vọng. Chưa bao giờ tôi được nghe một giọng thê lương hơn và nay nó hãy còn vang vọng trong tai tôi. Bài thơ của Bahadur Shah, mà hắn thường hát nhắc nhở tới những ngày xa xưa khi Ấn Độ chưa bị xiềng xích và tủi cực. Tiếng hát của hắn không chỉ nói nên cái ưu sầu của Bahadur Shah, người Moghols cuối cùng, mà người ta còn nghe ở đó lời oán thán của xứ Ấn Độ nô lệ. Tiếng hát của hắn đến từ xa :

Vì sao chúng đến viếng mộ tôi
Và đợi bỏ hoa lên cái bụi này
Vì sao buổi chiều chúng thấp lên ngọn đèn

Cho lời kẻ không còn gì giá trị ?

Nhưng những người khá giả trong Mohallah không muốn bỏ thí cho hắn vì theo lời họ, hắn hút thuốc phiện.

Một buổi chiều hè, khoảng 10 giờ, tôi đang ngồi trong phòng. Hầu hết các cửa hiệu đều đóng, trừ cửa hàng thịt và cửa hàng của Mirza còn mở. Hai bên lộ, mọi người đã đi nằm. Vài người đã ngủ nhưng mấy

người khác hãy còn nói chuyện. Không khí oi bức và khô ráo và một mùi thối xông lên từ những cống rãnh. Dưới tấm ván thò ra từ trong tiệm của Mirza, một con mèo ngồi có vẻ đang rình mồi. Một người đàn ông đến mua một *anna* sữa và, khi uống xong, đặt cái cốc xuống đất. Con mèo trườn ra khỏi chỗ ẩn và bắt đầu liếm sữa... Chính lúc đó Kallo theo sau là Munnoo, đi ngang cửa sổ tôi. Kallo còn trẻ. Nàng có nước da sẫm màu nhưng nhờ còn trẻ nên da mặt nàng có một vẻ tươi tắn rõ ràng. Nàng đánh đũa thân mình khi bước đi với vẻ say sưa của tuổi trẻ, cái bóng dáng mảnh dẻ và dịu dàng của nàng cho thấy một sự sống sung mãn. Nàng là người giúp việc cho nhà Munsif Sahib mà bà vợ đã nuôi từ lúc còn nhỏ. Bây giờ nàng ở góa, chồng nàng mất từ mấy năm nay. Nhưng những chàng trai trẻ trong xóm luôn luôn đề mắt tới nàng. Khi tới một góc đường, Munnoo bắt lấy tay nàng niu lại. Quá phản uất vì mắc cỡ và tức giận, Kallo thét lên :

« Đồ khốn kiếp ! Trời không dung mày đâu ! Sao mày dám đụng tới người đàn bà có một mình chớ ? »

« Bộ muốn phi tuổi xuân hay sao ? » Munnoo nói.

« Đi chỗ khác đi. Buông tay tôi ra ».

Gần đó trên mái nhà, hai con mèo bắt đầu cắn nhau. Kallo thỉnh thoảng được tay ra.

« Con nhỏ này lão quá ! Quí thần bắt mày bây giờ ! Bộ tưởng tao yếu hả ? Tao phải cho mày một trận đặng mày phở đời »

Mirza vừa vào nhà một phút, lại trở ra đúng vào lúc ấy. Ông nghe được mấy tiếng sau cùng nói với Kallo, và hỏi nàng :

« Gì đó, Kallo ? »

Nhưng không quay lại lấy một lần, Kallo biến đi trong đường hẻm. Aziz, bác thợ mộc đang ngủ trong tiệm, bị tiếng động đánh thức. Hắn thấy Munnoo và hỏi :

« Có chuyện gì không xong đó, Munnoo ? »

Munnoo đứng đó, vẻ bi thảm, đầu thấp xuống. Gương mặt của nó đột nhiên dài ra và hình như hõm vào. Đôi mắt sáng và độc ác như mắt rắn.

Trên một đồng bụi và bần rác đôi mắt của một con mèo sáng lên một lúc trong bóng tối và biến đi liền đó. Munnoo quay về phía Aziz và nói lên một giọng buồn và cực nhọc :

— Không có chuyện gì hết. Cái con Kallo đó mà.

— Có mần ăn gì được không ?

— Ối, đâu có, không tiện. Nó chạy đi rồi Nhưng chẳng biết nó đi

CON LỘ

đầu thế?

Mấy con mèo tiếp tục cắn nhau trên mái nhà. Chúng kêu và ngao lên như muốn ăn thịt nhau. Rồi một con chạy đi với tiếng ngao náo lòng và con mèo đực vội vàng đuổi theo.

Aziz; bác thợ mộc, mời Munnoo ngồi xuống giường; bác ta lấy ra một chiếc *biri* (1) dưới gối và đưa cho Munnoo. Nhưng Munnoo móc túi lấy một hộp thuốc bằng bạc.

— Nè, Munnoo nói, hút một chiếc rồi nhớ đời.
Và nó lấy một chiếc đưa cho Aziz.

— Nói coi, bỏ, lần này mày chích của ai đó?

— Ối, anh à, tôi có đến nỗi thiếu cái gì đâu? Cái gì Trời không cho thì Quỷ thần cho. Nếu tôi cứ tin Allah không thì đời tôi nguy kịch lắm.

— Đừng có nói bậy. Phải sợ Trời chứ! Rồi mày phải trả nợ tất cả những điều này khi bị thiêu ở Hỏa ngục... Ăn năn đi em ơi!

— Ối thôi đi. Đừng có làm mặt ngu. Uống, ăn và chơi, tôi không biết làm gì khác hơn. Thầy giáo tôi không có dạy cái đó. Tôi thấy ăn năn với lại phí thì giờ để không làm gì hết chỉ là một. Diên sao lại nói chuyện hỏa ngục. Mà nếu nó có đi nữa thì mình sẽ được thấy rõ khi nào xuống đó chứ sao. Bây giờ lo làm quái gì?

— Thôi! Im đi! Đừng có ngạo thần thánh kiểu đó nữa. Chuyện gì rồi cũng qua và có ngày mày sẽ quên những chuyện lão xược của mày.

— Được, được. Nếu anh nói cái giọng đó thì tôi đi đây.

— Khoan đã! Tao có chuyện thắc mắc lâu nay. Mày hứa trả lời tao đi.

— Được. Tôi chiều anh. Thử có Allah làm chứng, tôi trả lời cho anh.

— Nói tao nghe coi, sao mày đi ăn cắp vậy?

— Không được, tôi đâu có hứa nói chuyện đó.

— Nè, không được nuốt lời đầu nghe.

— Được, được, tôi chịu thua. Thiệt ra, tôi không có cơ gì để ăn cắp hết. Anh biết là hết thấy bà con tôi đều giàu có.

— Tại vậy tao mới ngạc nhiên lung.

— Tôi có một thằng anh em bà con. Thằng đó đẹp trai. Chuyện này có mười năm nay. Tôi cãi nhau và xích mích với nó. Tại tôi học một lớp.

Nó đi mách thầy giáo cho tôi bị phạt. Lúc đó thì ma quỷ nhập vào tôi. Tôi nói một mình: «Không trả thù thì thà bị thất cỡ còn hơn». Một bữa, tôi ăn cắp cái cặp da của nó. Trong có nhiều đồ mắc tiền. Chuyện bắt đầu vậy đó. Lần khác tôi muốn cái hộp đựng thuốc của một ông chủ.

Tôi xin không được, thành ra tôi xoay. Sau đó tôi thông thạo nghề.

Nè, thiệt ra thì mấy người đó không bao giờ muốn bỏ thì cái gì cho

(1) loại thuốc điếu quần trong là,

người nghèo hết. Anh chỉ có thể lấy của họ món gì bằng cách đó thôi.

— Rủi may bị bắt thì sao?

— Được rồi, anh lại hỏi ngớ ngẩn. Tôi đi đây, không thời lại cãi lộn bây giờ.

Nói xong, nó đứng lên và phất một cái mạnh vào lưng 'ziz, rồi đi xa.

Nazi Ahmad hay gọi tên đồ cầu kinh trong giáo đường *mohallah* này. Đó là một người to lớn và rất vững vàng. Ông ta có nước da sẫm và râu màu hung. Trên ông sới nhưng tóc ở hai bên đầu và sau ót rất dài. Một cục chai to tướng xuất hiện ở giữa trán vì sức co sát thường xuyên tròn sần lúc cầu kinh. Cục chai lộ ra như vậy nên người ta có thể nhìn thấy từ xa. Ông thường vừa đi ngang qua cửa sổ phòng tôi vừa gãi sột sột cổ họng. Ông mặc một cái quần dài thiết là lưng thụng, một cái sơ mi dài và chung quanh cổ quần một cái khăn tay màu đỏ. Giọng nói của ông có duyên, và có một âm thanh hiếm có. Bài *azan* (1) của ông khoảng nào cũng có vẻ long trọng, cho đến bài liên xướng và vang đi trong nhiều *mohallah*. Người ta cũng nghe ông gãi cổ họng trước khi xướng lên. Khởi đầu bài *azan* tiếng của ông diễn đạt sự long trọng của lời kêu gọi của những người Hồi giáo đến cầu kinh này. Rồi, khi gần hết, nó trở nên nghiêm trang và những lời của ông mất đi trong sự yên lặng. Người ta gọi ông là *Bilal Habshi* (2); hai người có những điểm giống nhau, về tiếng nói và màu da của họ.

Một buổi chiều, tôi ngồi một mình trên mái nhà. Bầu trời rải rác những đám mây nhẹ và ánh nắng chiếu vào làm có một sắc hồng dơ vì khí trời không được trong sáng, cát bụi và những hơi bẩn của thành-phố và, ở xa, khói nhà máy lenh bành trên không. Tiếng động của thành phố vọng từ xa như tiếng ruồi kêu. Khắp nơi cảnh tiêu điều mênh mông ngự trị không cùng, nổi bi ai chưa xót đặc biệt của các khu phố chúng tôi và nó cho một ấn tượng về sự nghèo nàn và xấu xí về sự mong manh và tuyệt vọng. Một con bồ câu bay ngang đám mây xám đen vì bụi và sắp khuất trong cái màu mây âm đạm.

Từ xa người ta nghe tiếng còi và tiếng máy tàu hỏa. Những đàn bồ câu bay khỏi mái nhà và tháp giáo đường của thành phố, chúng liệng trên không một hồi rồi trở xuống. Bất cứ nhìn phía nào, cũng thấy sự vô vị và hững hờ của đời sống. Đó đây người ta cất lên những căn nhà

(1) gọi cầu kinh

(2) Tên một người xướng kinh cho giáo chủ.

CON LỘ

hai hay ba tầng và những cái giàn làm nhà xen chen giữa tầm mắt với bầu trời. Nhưng màu sắc của tre và những cây đa nhỏ không làm khó chịu con mắt, mờ nhạt và mơ hồ chúng gần như sáp lẫn vào trong mây.

Chính lúc đó Nazi Ahmad bắt đầu gãi cổ họng và cất cao cái giọng đầy đặc và lạnh lạnh. Giọng ông mang một vẻ buồn thật thắm thía nhưng đồng thời cũng được một vẻ thanh bình êm ả khiến cho nỗi buồn phiền của tôi tiêu tan để nhường chỗ cho một nỗi sầu thâm lặng. Không hay hoàng cũng không cao quý, nó cho ta cảm tưởng rằng thế giới này là thoáng qua và những người ham thích của nó là mây con chó, rằng đời là phù du và vô nghĩa, cũng rộng không như cát bụi và khói mây. Bị đầy vơi vì những suy nghĩ vụn vặt, tôi nghe bài *ozan* đến chỗ *Haiyya* *alassalat* (hãy chạy đến khẩn cầu) đi trước khoảng yên lặng và tiếng kêu cuối cùng *Haiyya-alal-falah* (hãy chạy mau tới châu !). Báo hiệu sự yên tĩnh, được gió mang đi; bài kinh tắt dần một cách chậm rãi đến nỗi chính tôi cũng không biết từ lúc nào tiếng khẩn cầu đã im bặt: người ta có thể cho rằng sự yên lặng luôn luôn ngự trị trên mặt đất, một sự yên lặng sâu xa dường như cho biết tự ở nơi thật xa đây có một thế giới khác lạ mà trong ấy khởi thủy và Chung cục chỉ làm một. Tiếng cầu kinh mất đi ở xa như là mặt đất mất đi ở chân trời, nơi ấy bầu trời khởi sự.

Và tôi ngồi mà nghĩ rằng bài *ozan* này đã tượng trưng một cách rõ ràng biết mấy về cuộc đời của chúng ta. Nó cũng chứa đựng một sự bất lực ấy cũng một sự phù phiếm ấy nó đã trở thành những phần bất phân của tinh thần và linh hồn chúng ta, cũng một sự vô vọng và cũng một nỗi buồn, cũng mối khiếp hãi, thực tại nó bắt buộc chúng ta phải tự khép mình lại. Bỏ rời thế gian, chúng ta có những mộng tưởng vĩ đại về sự Sáng tạo và Cứu cánh; bỏ quên con người chúng ta bỏ thi giờ đi tìm Thượng Đế. Và tất cả trong đời ta đều dẫn dắt ta đến đây, tất cả những khúc hát của chúng ta đều cùng hát với chúng ta những lời ru ca. Chân chúng ta mang đầy xiềng xích nhưng chúng ta đã quá quen sự đụng chạm của chúng đến nỗi cơ hồ như chúng không có nữa. Chúng ta mang nơi tay những chiếc công, cổ chúng ta bị xiết lại trong một cái kẹp bằng sắt, lưỡi chúng ta bị tê buốt, tâm hồn chúng ta nửa mê quên tất cả. Thân thể chúng ta lại lấy làm hạnh phúc mặc dầu sự bất lực của nửa tinh nhưng chúng ta lại lấy làm hạnh phúc hờ thỏm đắm cho đến khi mình và chúng ta sống một cuộc đời hững hờ thỏm đắm cho đến khi cái chết tùm lầy chúng ta và mang đi. Sự vinh quang và cái chết là một, và của chúng ta không khác gì nhau hết, cuộc sống và cái chết đến khi cùng một thứ; và như bài *ozan* chúng ta đi từ cuộc sống đến cái chết một cách quá lặng lẽ đến nỗi không ai có thể cho là chúng ta đã sống thực thụ hoặc tất cả điều ấy chỉ là một cái bóng và một ảo mộng; là

AHMED ALI

những đứa con thân yêu của cái chết, say mê những lời ru ca từ những thời xa xưa, chúng ta đã ngủ một giấc thâm sâu và yên tĩnh...

Một buổi chiều, ba bốn người đàn ông nói chuyện trong quán của Mirza. Có cả Aziz, bác thợ mộc, người hàng thịt và vài người khác nữa. Người ta đặt trước mặt họ một cái *hookah* và mỗi người thay phiên nhau kéo.

— Phải, mấy bạn à, một người nói, tôi thấy sự linh hiển của Ngài cũng hết, và thật là lạ lùng.

Những lời đó gợi trí tò mò của tôi và tôi bắt đầu chăm chú nghe. Giữa lúc đó một người khách đi vào, hỏi mua năm xu sữa và đứng ra xa. Mirza lấy cái cốc và múc sữa trong xanh bằng một cái dĩa.

— Có bữa, tôi đi ngang qua Chandni Chowk, tiếng nói tiếp tục câu chuyện, và tôi thấy gì: một con bò cái tơ đi lờ lững, phía trước tôi. Một đứa nhỏ đang nằm đứng ngay chỗ đó. Lúc tới gần đứa nhỏ, con bò đứng lại. Tôi mới nghĩ: «Đề coi nó làm gì đây». Nó lấy trôn và nhẩy qua phía trên đứa nhỏ. Trong sự khôn ngoan của con thú vật ấy có sự thể hiện sự linh hiển của Ngài.

Một tay của Mirza để kê cái xanh, bàn tay kia cầm cái cốc hẳn nhìn sững người kể chuyện.

— Ngài thật linh thiêng quá! Aziz nói.

Mirza chế đầy chén sữa và bắt đầu rót.

— Đạo của ngài thật là huyền bí; một người khác tiếp. Ngày xưa, giáo chủ Salomon được lệnh xây cất một lâu đài. Ông ta bèn khởi công. Mấy vị thần nhốt những tảng đá khổng lồ không mấy chốc. Và công việc bắt đầu. Mấy người cũng biết là mấy vị thần làm việc mau cách nào. Bữa nay cao bằng này, ngày mai cao bằng này. Trong mấy ngày lâu đài đã cao tới trời. Giáo chủ Salomon mỗi ngày đi coi sóc công việc và xem có ai phí thì giờ vô ích. Và trong một ngày tốt trời lâu đài xong xuôi hết. Chỉ còn dọn dẹp mảnh vụn và vôi gạch nữa thôi. Ngày hôm sau Salomon, chống gậy ra lệnh cho dọn những mảnh vụn. Nhưng mà nửa chừng, có lệnh khác ở Trên-Cao ban xuống. Và mấy người hãy xem sự linh hiển của Ngài: trong khi mọi người dọn vôi gạch vụn của lâu đài thì sâu bọ tấn công cây gậy của Salomon; ông ta vẫn thản nhiên và sâu bọ cuối cùng ăn hết cây gậy. Salomon không hay biết gì hết, cây gậy rơi thành cái bụi và vị tiên tri chết ngay. Mấy vị thần biến đi vì người họ sợ đã chết rồi. Nhưng có điều tôi thắc mắc là ai dọn dẹp những mảnh vụn và vôi gạch đây?

Aziz cầm cái cán *hookah*, tay để sát miệng; hẳn nhìn tròn tròn người

CON LỘ

kể chuyện. Bàn tay cầm chén của hắn đưa lên và bàn tay kia cầm cái cốc hạ xuống; hắn đang triền miên nghĩ ngợi.

Tôi phá lên cười; nhưng bỗng tôi nghĩ: ừ, như vậy, ai sẽ dọn dẹp những mảnh vụn và vôi gạch kia?

Một cơn gió nổi lên và cây đèn phụt tắt, lao con lộ vào trong sự tối tăm hơn. Cùng lúc ấy mọi người rời khỏi quán của Mirza và bắt đầu tản mát; còn tôi thì trở vào nhà.

NGUYỄN TRUNG dịch

lược khảo phong trào thi ca siêu - thực pháp

LÊ HUY OANH

Chúng ta phải công nhận rằng vườn thơ của nước Pháp quả là một khu vườn tốt tươi nhất với đủ thứ hoa cô lạ, đủ hình thái màu sắc. Từ thời của những bản anh hùng ca qua các trường phái Tao-Dàn, Cô-Điền, Lãng-Mạn, Tượng-Trưng, Siêu-Thực, thi ca Pháp lúc nào cũng giàu sang. Và còn biết bao nhiêu trường thơ nhỏ bé khác, cùng hàng trăm thi sĩ có thiên tài không thuộc phe nhóm nào. Văn chương, tư tưởng Pháp tiến bộ và phong phú phần lớn nhờ ở những cuộc cách mạng — văn học cũng như chính trị — hoặc âm i hoặc bột phát. Chính trong những cuộc cách mạng ấy, các nghệ sĩ Pháp đã tìm được nhiều lối đi khác nhau, lối nào cũng đẹp đẽ.

Nhìn vào văn học sử nước Pháp, người ta nhận thấy một cuộc cách mạng thi ca đáng gọi là lớn lao nhất : đó là sự xuất hiện của phong trào thi ca Siêu-Thực trong tiền bán thế kỷ 20 này. Phong trào Siêu-thực ra đời đã làm đảo lộn cả một nền thi ca xưa cũ, khiến cho văn học Pháp thêm nhiều vẻ phong phú. Tuy phong trào đó, theo « định mệnh » của văn học, trong vòng hơn mười năm nay đã tàn lụi ở Pháp, nhưng đa số các văn-học-sử gia đều công nhận rằng phong trào đó thật sôi nổi, đã là một tiếng vang lớn ở Âu Châu, và vọng sang cả Mỹ-Châu. Cho đến bây giờ dư âm của nó một phần nào đã lọt tới cả giải đất Việt-Nam này. Hãy bước vào thế giới thi ca Siêu-thực mà xem những cảnh sắc mới mẻ, lạ lùng ; hãy bước vào đó để bắt tay làm quen với những thiên tài, những quái kiệt tiêu biểu cho thi ca Pháp trong tiền bán thế kỷ 20.

CÁC THI SĨ TIỀN HỒ

Trước hết, chúng ta hãy tới gặp những thi-sĩ tiền hồ (Précurseurs) đã có công khai đường mở lối cho phong trào văn học Siêu-thực, đã báo

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

hiệu sự thành bính của trường Siêu-thực. Người chiếm công đầu có lẽ là ARTHUR RIMBAUD (1854 — 1891), một thi sĩ trẻ tuổi trong thi phái Tượng-Trung, một kẻ giang hồ phiêu bạt, tài năng phát hiện từ lúc 16 tuổi, và chỉ làm thơ trong mấy năm rồi tuyệt tình với thơ. Tuy chỉ hoạt động văn nghệ trong một thời gian ngắn ngủi như vậy, chỉ dâng hiến cho đời hai tập thơ chính *Une Saison en Enfer* và *Les Illuminations*, nhưng thiên tài của Rimbaud đã bao trùm khắp trời thơ Pháp, kể từ cuối thế kỷ thứ 19 cho tới ngày nay. Cùng với những kiện trướng như Baudelaire, Verlaine, Mallarmé, Rimbaud đã làm rạng danh thi phái Tượng-Trung; thi ca Rimbaud đã gây ảnh hưởng đối với nhiều thi sĩ Pháp sau này, trong số có các nhà thơ Siêu-thực. Rimbaud, với những tài năng xuất chúng, đã can đảm táo bạo đi tìm những miền xa lạ chưa từng thấy trong tâm hồn thời đại chàng, đã cố gắng mong đạt tới Chân Thiện Mỹ thực sự, mong tạo cho con người một giá trị cao đẹp, thuần khiết, xứng đáng hơn. Rimbaud lao mình vào những tâm linh chưa ai tới, với mục đích tìm cái tuyệt đỉnh của thi ca. Dĩ nhiên, cũng như bất cứ ai, Rimbaud không tìm thấy cái tuyệt đỉnh đó vì vấp phải sự bất khả (l'impossibilité) nhưng chính nhờ ở cái thái độ can đảm ấy, Rimbaud đã khai phá một lối đi mới mẻ cho các thi sĩ sau này. Hành động của Rimbaud là một thử hành động siêu thực-tố, nhằm đạt tới một thực tế mới bền bỉ chính xác hơn. Hành động ấy không có mục đích kiến tạo, cõ vờ, duy trì một đời sống hẹp hòi trong không gian và thời gian nhưng để phá vỡ những thành quách bao quanh cuộc đời. Mặc bao kẻ khác luân quần trong cái khu vực hẹp hòi, Rimbaud vượt đi xa để tìm thêm «linh thổ» cho cuộc sống, để tố cáo, phá bầy những quan niệm mà chàng cho là thiển cận của những kẻ luân quần kia. Rimbaud phá hoại để xây dựng, để giải thoát con người qua sự tự giải thoát lấy mình. Con phượng hoàng quý quái Rimbaud đã tung cánh mở một cuộc viễn du kỳ diệu cốt làm dịu những nỗi đớn đau và sự liệt bại của tư tưởng. Rimbaud vác cây thập giá tàn bạo của đời sống để đi tìm một cây thập giá an ủi (une croix consolatrice). Đối với chàng, cuộc sống thật phải bao la như vũ trụ nên chàng đi thám hiểm cõi vũ trụ gồm những chiều (1) vô cùng tận, kia không thể nào bay hết cái vũ trụ rộng lớn đi sản cho hậu thế, nhưng nó tìm thấy được nhiều nguyên vọng của chàng, trong việc mâu thuẫn để mong thực hiện nguyện vọng của chàng, trong việc mâu thuẫn Rimbaud đã dùng nhiều phương tiện có thể là tương phản, nghệ thuật và mộng mị. Lúc mơ lúc tỉnh, lúc sáng suốt, lúc hôn mê, trong lúc sáng tạo, khi nào Rimbaud cũng muốn nhún xoay vào sự hiện hữu

(1) Tôi nói những chiều chứ không nói ba chiều.

của con người và vạn vật. Chúng muốn trở thành một *vopani*. Theo ý chàng, ngôn ngữ thường dùng của mọi người nghèo nàn quá, thô sơ quá không đủ để diễn tả hết cái thực trạng của cuộc sống. Vì vậy chàng đã cải tạo lại ngôn ngữ cũ và phát minh thêm một phần ngôn ngữ mới. Chàng sáng tác thêm những tiếng mới, tôi luyện cho các thành phần ngôn ngữ để chúng đạt tới những giá trị sáng tạo siêu đẳng. Người Thơ trẻ tuổi ấy không chịu khuất phục những quyền uy của ngôn ngữ đương thời, nhưng bắt những ký hiệu đó phải khuất phục mình.

Các thi sĩ siêu thực sau này đã thừa hưởng một phần nào cái di sản tinh thần của Rimbaud, đặc biệt trong việc sáng tạo ngôn ngữ mới và khám phá cõi vô thức và tiềm thức.

André Breton, cây viết lý thuyết sắc bén nhất của trường siêu thực đã phải nhận định rằng Rimbaud dám giao tiếp với những cái vĩ đại bị cấm đoán (*grandeurs interdites*), và có những lúc vượt ra khỏi không gian và thời gian nhờ sự biết phản đoán những thực tế đương thời, đã can đảm phá bỏ những hàng rào chật hẹp của một xã hội, một thời đại, một địa điểm nào đó, và một thứ không khí gia đình có tính cách hẹp hòi và nhất thời.

Gần như đồng thời với Rimbaud có một tiểu quái kiệt khác là LAUTRÉAMONT (Isidore Ducasse Comte de, 1846-1870). Rimbaud sống một cuộc đời giang hồ phiêu bạt, còn Lautréamont có một cuộc sống vi hoàn cảnh riêng của chàng mà trở thành bi ảm đối với mọi người. Vào lúc chưa tới 20 tuổi, Lautréamont viết được một tác phẩm — gọi là thơ cũng được mà coi như văn xuôi cũng được — nhan đề *Les Chants de Maldoror*. Thi sĩ gửi tác phẩm của mình đến một nhà xuất bản. Một số sách được in xong xuôi nhưng không phát hành. Lý do vì sau khi in xong tác phẩm *Les Chants de Maldoror*, ông chủ nhà xuất bản đọc lại thấy nó có vẻ quá táo tợn, chua chát, hung bạo, nên ông ta e ngại không dám cho bán số sách ngay. Ông yêu cầu Lautréamont sửa lại một vài đoạn. Mới đầu Lautréamont nhất định không chịu sửa, nhưng sau chàng đành phải ưng thuận chiều ý nhà xuất bản. Nhưng khi tác phẩm mới chỉ được sửa lại chút ít thì Lautréamont bỗng nhiên qua đời, và do đấy tác phẩm của chàng bị thất lạc. Thật là một trường hợp đặc biệt trong giới văn nghệ. Một nhà thơ có tài chết đi giữa lúc chưa quá 25 tuổi (1), có một tác phẩm đã in xong nhưng không ai biết đến.

Tất cả những điều tôi vừa kể mãi về sau hậu thế mới biết, sau khi người ta khám phá ra tác phẩm *Les Chants de Maldoror*. Sự kỳ lạ mới mẻ của tác phẩm này khiến cho ta chú ý tới rất nhiều. Và vì đề ý đến tác phẩm nên một số người đua nhau tìm hiểu nguồn gốc và

(1) Cũng có người cho rằng Lautréamont mãi đến năm 28 tuổi mới chết.

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

đời sống của tác giả. Việc tìm tòi khảo cứu này rất sôi nổi và người ta tung ra những tài liệu đôi khi trái ngược nhau. Theo những khảo cứu có vẻ đáng tin cậy hơn cả thì Lautréamont đã ra đời tại tỉnh Montevideo, thủ đô xứ Uruguay ở Nam Mỹ, và từ khi còn nhỏ đã tới Ba Lê theo học. Lautréamont là một thanh niên cao lớn, chăm làm việc, ưa thích sáng tác ngay từ lúc còn trẻ. Chẳng thường chỉ viết về ban đêm bên một chiếc đàn dương cầm. Đêm đêm, từ gian phòng của chàng thanh niên trẻ tuổi độc thân đó, người ta nghe vang ra những nốt đàn trong những hòa âm kỳ quái. Thì ra Lautréamont lợi dụng âm thanh của những dây dương cầm để sáng tác văn thơ. Mỗi khi tác nguồn cảm hứng chàng lại nhấn những ngón tay trên những phím đàn rồi sáng tác theo hòa điệu của các âm thanh cuồng loạn đó.

Học tập *Les Chants de Maldoror*, độc giả sẽ bàng hoàng vì thấy nó có một linh chất độc đáo bất ngờ. Nó thể hiện một thứ thiên tài bệnh hoạn hay cũng có thể nói là một thứ thiên tài điên khùng rết bao nhiều ý tưởng kỳ quái kinh dị được phát biểu trong tác phẩm đó. Trong *Les Chants de Maldoror*, người ta thấy một Lautréamont đầy hân học. Chàng gào lên những tiếng vừa hung dữ vừa thâm, kêu gọi một sự phá phách, một cuộc nổi loạn. Đứng trước cuộc sống phi lý hỗn độn. Lautréamont đã run lên vì đau đớn, đã quặn quại vì tức giận, và như một con ác quỷ (gọi là một vị thần trong cơn thịnh nộ cũng được) chàng vung tay gạt bỏ những cái dơ bẩn, nhằm chán của cuộc sống. Chàng đòi phá phách những chương ngại của đường lối của tư tưởng loài người. Hối với Lautréamont, cuộc đời chung quanh chàng là một thứ mớ đĩa nhớp nhúa, dơ dáy, và chàng thét lớn: *Đã đến lúc hành động chống lại cái gì trái nghịch với chúng ta và đim chúng ta xuống một cách quỵên thế (il est temps de réagir enfin contre ce qui nous échoque et nous courbe souverainement — Les Chants de Maldoror)*. Trong tất cả mọi lĩnh vực văn nghệ xã hội, văn văn, Lautréamont muốn đã phá hết. Trong cuộc sinh tồn này, nghệ sĩ không thể bị lệ thuộc vào những hiện tượng sai lạc cổ hủ, không thể cúi đầu trước bất cứ một đối tượng nào hữu hình hay vô hình. Từ trước tới nay loài người tưởng như họ thông minh sáng suốt, tưởng như họ càng ngày càng tiến bộ trong việc nhận thức vũ trụ bên trong cũng như bên ngoài. Nhưng thật ra hầu hết những nhận định của loài người mỗi ngày thêm ốm đau, lầm lạc. Họ nhận thức của loài người mỗi ngày thêm ốm đau, què quặt. Chưa một ai tìm được chân lý, chưa một ai nhận thức nổi mình và vạn vật. Tại sao có sự thất bại nhục nhã đó? Chính vì loài người đã nó lệ vào điều mà họ coi như sự khôn ngoan sáng suốt. Lautréamont chủ trương phá bỏ những quan niệm cũ và thay thế nó bằng những quan niệm mới. Người ta dám tự nhận mình là sáng suốt, tỉnh táo, khôn

ngoan nên đã hiểu lĩnh phân biệt những « đức tính » ấy với sự mê muội, điên cuồng, ngu dại. Nhưng biết đâu những cái điên cuồng mê muội đó chẳng có một giá trị nhận thức thực sự hay sao. Vì thế Lautréamont đã dùng những phương tiện tựa như của một kẻ điên để khám phá, tìm hiểu vũ trụ nội tâm và ngoại tâm. Hành động của Lautréamont cũng chẳng khác gì hành động của hoàng tử Hamlet trong kịch của Shakespeare. Hamlet giả điên để tìm sự thực, và phải chăng hành động giả điên đó trở nên kỳ diệu vì nó lẫn vào với cái điên thực sự. Nhân vật điên đó trở nên bất hủ từ suốt mấy trăm năm nay chính là nhờ ở cái Hamlet trở nên bất hủ từ suốt mấy trăm năm nay chính là nhờ ở cái điên cao cả ấy, ở cái nỗi thắc mắc *To be, or not to be : that's the question*. Và chúng sử dĩ ta biết được người khác điên, há chẳng phải vì chính ta cũng có cái điên trong người hay sao ; dùng sự điên rồ cuồng nộ để phát biểu, khám phá cái điên rồ cuồng nộ trong con người, đó chính là hành động của Lautréamont. Đọc Lautréamont, một phần nào — chỉ một phần nào của động lực sáng tác thôi — tôi đã nhớ đến Hàn-Mạc-Tử (1)

Tác phẩm của Lautréamont rất ít, chỉ có tập *Les Chants de Maldoror* và hai bài thơ xuôi khá dài được gọi chung là *Poésies* mà cũng mãi sau này người ta cũng mới tìm ra. Và đọc *Poésies* đọc giả cũng gặp những đoạn có cường độ và màu sắc tương tự như trong *Les Chants de Maldoror*. Thiên tài của Lautréamont quả là một thứ bom nổ chậm, Ngòi chàm từ lâu mà mãi đến gần một nửa thế-kỷ sau trái bom mới nổ khi người ta tìm ra nó.

Tiếng nổ nghe mới chát chúa, dữ dội làm sao. Nó đã là một tiếng kèn hùng dũng báo hiệu sự thành hình của một phong trào nghệ thuật mới trong tiền bán thế kỷ 20. Các thi sĩ trong trường siêu thực rất khâm phục Lautréamont và coi chàng như một bậc tiền hô của họ. Trong cuốn *Anthologie de l'Humour Noir*, André Breton viết : *dưới mắt một số thi-sĩ hôm nay, những tác phẩm Les Chants de Maldoror, và Poésies lộ ra những ánh sáng tuyệt diệu. Chúng phát biểu một sự mặc khải hoàn toàn; sự mặc khải đó dường như vượt qua cả những khả năng của loài người.*

Một thi sĩ tiền hô khác của phong trào siêu thực là GUILLAUME APOLLINAIRE (1880-1918). Ông này sinh tại La-Mũ, con của một bà công chúa Ba-lan và một người cha không ai biết rõ danh tính. Apollinaire được giáo dục tại Pháp và gia nhập làng văn học xứ này. Mọi đầu thơ của Apollinaire vẫn còn được nhiều màu sắc cổ điển, phảng phất cái thi vị của một vài thi sĩ Tượng trưng như Verlaine, Nerval, Claudel hoặc một vài thi-sĩ lãng mạn. Sau này ông gặp họa-sĩ Picasso và trở nên bạn

(1) Xin nhắc lại rõ: kẻ viết bài này không có ý so sánh Lautréamont với Hàn Mạc Tử, chỉ nêu ra một hiện tượng của liên tưởng.

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

thân của Picasso — Quan niệm nghệ thuật của Apollinaire bắt đầu biến đổi. Cùng với Picasso, ông tìm một lối đi mới cho nghệ thuật đương thời và họ tiến vào con đường lập thể. Hội họa lập thể của Picasso ra đời được Apollinaire đứng ra đóng vai lý thuyết gia đề hiện họ trong tập *Les Peintres cubistes*. Một số họa-sĩ lúc bấy giờ cũng theo chân Picasso bước vào hội họa lập thể. Cuốn *Les Peintres cubistes* được người ta coi như một cuốn phúc âm thư của nền hội họa mới.

Quan điểm lập thể được Apollinaire đem áp dụng vào thi ca với mục đích trình bày tất cả những xúc cảm những ý tưởng, những ảo giác bề bộn, mơ ảo rời rạc trong cõi tâm linh.

Vào mùa xuân năm 1913, tập thơ *Alcools* của Apollinaire xuất hiện, trong đó có một bức họa tác giả do Picasso vẽ và những bài thơ hoàn toàn không có những dấu chấm câu. Chấm, phẩy, dấu hỏi, dấu than, vãn vãn đều bị bỏ đi. Bức họa do Picasso vẽ và việc bỏ dấu như vậy đã gây ra một sự xôn xao cho người đọc. Thật ra, từ trước, trong thơ Mallarmé và thơ của một vài thi-sĩ tượng-trung khác, cũng đã từng có những bài thơ không dấu chấm câu, nhưng rất ít. Apollinaire cũng chỉ là theo vết chân các người đó, nhưng hành động của ông táo bạo và dứt khoát hơn.

Sang đến tập *Calligrammes* (1918), Apollinaire còn đi xa nữa. Trong một số bài, ông tỏ ra phóng khoáng táo bạo hơn bằng cách vứt bỏ vãn, vứt bỏ những hạn định của số chữ trong mỗi câu, mỗi câu thơ có thể dài hay ngắn tùy ý tác giả. Cũng trong tập *Calligrammes*, Apollinaire đã sử dụng loại thơ gồm những chữ xếp đặt theo hình. Chẳng hạn tả trời mưa thì xếp các chữ đi xiên dọc xuống như hình mưa rơi. Có bài thơ được xếp theo hình một bồn nước đang phun nước lên một con chim bồ câu, có bài được xếp theo hình người, hình một ngôi nhà, một giò hoa... Làm như vậy, Apollinaire chủ ý áp dụng một khía cạnh của lối họa lập thể vào thơ. Tính chất lập thể còn được thể hiện trong một số bài thơ như *Zone* (ở đầu tập *Alcools*). *Le voyageur* (*Alcools*); *Les Pené-tes* (*Calligrammes*) trong đó ông tung ra những mô cảm quan vừa mờ vừa tỏ, lộn xộn không thành hàng lối, với mục đích cố gắng diễn tả lại những gì chợt lóe rời tất hoặc hãy còn lơ mơ thấp thoáng trong tâm linh; chẳng hạn ông ghi lại trên giấy tất cả những điều gì ông đã nhìn thấy, đã nghe thấy trong một quán rượu hoặc ở một nơi công cộng nào đó. Những bài thơ đó gồm những ảnh rời rạc, những tranh điệp, những liên tưởng táo bạo, những cái đó gây xúc động mạnh màu sắc quán quýt hỗn loạn. Tất cả những cái đó gây một cách mê say.

Trong một bài nhan đề *L'esprit Nouveau et les Poètes*, Apollinaire đã nêu ra những quan niệm của ông về chủ đích của thi ca. Theo ý ông

thi nhiệm vụ của nhà thơ là tìm tòi sự thực trong lãnh vực của tưởng tượng cũng chẳng khác gì trong lãnh vực nhân chủng học. Một điều rất cần thiết khác là thi nhân phải tìm hình thức mới cho thơ. Apollinaire ca ngợi thơ tự do, cho rằng lối thơ này khiến những tình cảm chất trong tâm hồn có thể tự do xuất hiện. Tuy thế ông vẫn không coi lối thơ tự do là tuyệt đích; nó chỉ biểu dương một chặng trên con đường khám phá những hình thức mới. Thi sĩ không thể là người chỉ biết sáng tạo trong mực thước cũ, mà phải là kẻ biết khám phá những lối đi mới, những nguồn vui mới. Người ta có thể là thi sĩ trong tất cả mọi hoàn cảnh thi ca (situations poétiques): điều cần thiết là biết mạo hiểm và có can đảm liên vào con đường khám phá. Ở tưởng tượng của con người phong phú rộng rãi vô biên, người ta có thể đi xa mãi mà không hết lãnh vực hoạt động, vậy thi sĩ phải biết tìm tòi những điều mới mẻ trong cái vũ trụ của tưởng tượng. Khởi điểm của sự sáng tạo mở đầu cho con đường tiến đến một vùng bao la mà mỗi bước đi đều đặt vào một điểm xa lạ hơn. Văn theo ý kiến của Apollinaire trong bài *L'Esprit Nouveau et les Poètes* thì khuynh hướng của các nhà thơ tân tiến là một khuynh hướng lần đầu tiên biểu dương sự ý thức về chính nó.

Lãnh vực văn học từ khi ấy trở về trước vốn dĩ bị bao vây bởi những giới hạn chật hẹp và người ta bị lệ thuộc quá nhiều vào văn phạm, vào vần, vào số chữ, nói chung là lệ thuộc vào một quan niệm hình thức gò bó. Vậy nên Apollinaire cho rằng các thi nhân của thế hệ mới phải biết tự giải thoát khỏi sự lệ thuộc tai hại đó.

Thật ra, tài nghệ của Apollinaire không đáng kể là xuất sắc lắm. Ông không phải là một thiên tài như Rimbaud, vì trong các tập thơ của ông phần nhiều chỉ có những bài có tính cách giả tạo và kiểu cách đến cầu kỳ. Nhưng người ta cũng lọc được mười bài thơ hay, chẳng hạn những bài như *La Chanson du Mal-aimé*, *Les Colchiques*, *Le l'ont Mirabeau*, *Marie*, *Le Voyageur*, *Nuit Rhénane*, *La Jolie Rousse*...

Cái vai trò hệ trọng nhất của Apollinaire trong lịch sử văn học hiện đại Pháp là sự thúc đẩy các nghệ sĩ tiến mạnh trên con đường khám phá những lãnh vực mới. Ông đã cụ thể hóa sự thúc đẩy đó trong thi ca. Hành động của ông có một tác động rất mãnh liệt đối với các thi sĩ sau này. Các nhà thơ siêu thực đã tôn ông là bậc đàn anh của họ. Chính ông là người đầu tiên phát minh ra danh từ chủ thuyết siêu thực (Surréalisme) trong một vở kịch của ông nhan đề *Les Mamelles de Tirésias*.

Đồng thời với Apollinaire có nhà thơ cụt tay BLAISE CENDRARS (1887-1960). Cendrars đã sáng tạo thi ca bằng một lối viết có nhịp điệu rất tân kỳ những bài thơ dài đầu tiên của ông như *Pâques à New York* (1912)

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

hoặc *Prose du Transibérien et de la Petite Jehanne de France* (1913) đã chứng tỏ điều đó. Thơ Cendrars còn có vẻ táo bạo mới mẻ hơn cả thơ Apollinaire: trong các thi phẩm của Apollinaire người ta thấy bên cái mới vẫn còn nhiều hình thái xưa cũ; trong những thi phẩm của Cendrars, các điểm mới mẻ nhất là về hình thức — đã choán hầu hết các bài thơ. Đối với phong trào thi ca Siêu thực Pháp, Cendrars còn có công lớn hơn cả Apollinaire và chính Apollinaire lúc bấy giờ nói hơn về Cendrars nhiều, lý do vì Cendrars ít lý luận về thơ, chỉ chú trọng đến việc sáng tác mà thôi. Họ chính là điểm «thất lợi» của Cendrars, vì mỗi khi có một phong trào trong văn nghệ mới mẻ ra đời, độc giả Pháp phần nhiều ưa thích lý thuyết. Đối với dân tộc Pháp, hình như chỉ thực hành không thôi chưa đủ thỏa mãn họ; bên sự thực hành, họ còn đòi hỏi cả lý thuyết nữa: phải chăng đó là cá tính của người Pháp. Và lại, Cendrars vẫn là một nghệ sĩ không thích đặt vấn đề trường nợ phải kia cho thơ. Những điểm đó là lý do tại sao tên tuổi và tác phẩm của Cendrars không được người ta chú ý đến trong một thời gian khá lâu. Mãi tới năm 1948 khi một toàn tập thi phẩm của ông ra đời với một bài tựa của J.H. Lévesque người ta mới nhận định rõ ràng công lao và tài nghệ của ông. Về phương diện mở đường cho phong trào siêu thực, khi phê phán công lao giữa Apollinaire và Cendrars, người ta phải dành quyền ưu tiên cho Cendrars. Bài thơ *Prose du Transibérien et de la Petite Jehanne de France* (1) ngoài nhịp điệu tản kỳ như đã nói, còn chứa đựng những hình ảnh vừa cảm động vừa linh hoạt, bài này, cũng như hai bài *Pâques à New York* và *Panama ou les Aventures de mes sept Oncles*, còn đã bày tỏ sự mệnh quan-trọng của thơ đối với đời sống. Thơ cần phải nói đến thân phận con người, đến tự do, đến lòng thương xót trước những sự đau khổ, đến việc tìm hiểu chân lý. Quan niệm này của Cendrars đã cắt nghĩa cái căn bản của thơ siêu thực: thơ vượt ra ngoài sự trói buộc của đời sống, nhưng không phải trốn lánh đời sống, mà là đề phong phú hóa đời sống và đề nghị rõ đời sống trong mọi khía cạnh thực tế của nó. Ý nghĩa chữ siêu thực không phải là bỏ rơi thực tế mà là một cố gắng tâm linh nhằm nhận định rõ hơn về thực tế. Điều này sẽ được chứng tỏ rõ rệt trong các tác phẩm của các nhà thơ thuộc trường siêu thực mà chúng tôi sẽ đề cập đến trong chương sau. Ngay cả đến Rimbaud nữa: hành động của Rimbaud không xa lạ thực tế mà chỉ mong nhìn thấu suốt thực tế, Rimbaud đã nhập thể để xuất thể và đã xuất thể để nhập thể, lý do vì chàng quá đau khổ, quá thắc mắc về thân

(1) Đây là một bài thơ mặc dầu nhan đề của nó có danh từ *Prose*. Xin xem phần trích dịch bài này.

LÊ HUY OANH

phận con người cũng như về sự hiện tồn huyền bí của vũ trụ vô cùng. Khi xưa Đức Phật Thích-Ca rời bỏ cung điện đài các, từ bỏ vợ đẹp con khôn để vào rừng vắng ngồi suy tư về chân lý. Ai dám bảo hành động đó của đức Thích-ca là xa lìa thực tế?

Tuy không thể sánh được với Rimbaud, nhưng không hiếm những lúc Cendrars có cái nhìn linh diệu quý quai như Rimbaud. Cái ngôn ngữ mới lạ của Cendrars thường khi cũng rất lợi hại, ít ra nó cũng lợi hại ở điểm tạo ra một thứ không khí cách mạng và bất khuất. Đứng trong các thế giới ngôn ngữ ấy, Cendrars nhìn soi mói vào cái phần u ám của những hình ảnh, âm thanh, màu sắc chung quanh. Bài thơ dưới đây của ông chẳng hạn có phảng phất cái thi vị trong đôi ba bài thơ của Rimbaud :

NHỮNG TÍNH VẬT

Xanh lá cây
Sự phi nước đôi của những pháo binh trên kỹ hà học
Tối tăm lợt lạt hồ áo quần
Có lẽ chẳng bao lâu tôi sẽ chỉ là bằng thép
Không thước é-ke của ánh sáng
Vàng
Quần kèn của sự mới mẻ
Kẹp giấy Mỹ
Cũng khô và
lười mải
Như xanh những vòng đồng què đũa lên
Miền Normandie
Và chiếc bàn của kiến trúc sư
Cũng đẹp một cách khít khao như vậy
Đen
Với một chai mực lầu
Và những sơ-mi xanh lam
Xanh lam
Đỏ
Rồi còn một lít, một lít linh nhạc đục
Và tinh mới lạ của điệu nhảy
Trắng
Những ô giấy trắng

Thiết tưởng chúng ta có thể tạm từ biệt Cendrars để đến thăm TRIS-TAN TZARA (sinh năm 1890) và nhóm thơ Đa-Đa do ông cầm đầu. Nói đến Tzara ắt ta phải nghĩ ngay đến một tinh thần cách mạng sôi

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

nổi cuồng nhiệt. Con ác quỷ Tzara và đồng bọn đã kêu lên những tiếng kỳ lạ, kiêu hãnh và rùng rợn để báo hiệu sự mở màn của phong trào siêu thực. Tzara vốn người Lô Mũ Ni, ra đời tại Moineste vào năm 1896. Các tác phẩm đáng đề ý của Tzara gồm có *La Première Aventure Céleste de M. Antipyrine* (1910), *Vingt-Cinq poèmes* (1918), *L'Homme approximatif* (1931), *Où boivent les Loups* (1932), *La Face intérieure* (1953) v.v... Tuy Tzara là người Lô Mũ Ni nhưng chàng dùng tiếng Pháp để sáng tác. Trường thơ Đa Đa (école dadaïste) của Tzara đã quy tụ được một số cây viết trẻ tuổi như Benjamin Péret, Jean Cocteau, Philippe Soupault, Francis Picabia, và cả các thi sĩ siêu thực sau này như André Breton, Louis Aragon, Paul Eluard. Danh từ Đa-Đa nghĩa là gì? Theo sự giải thích của các thi sĩ trong nhóm thì nó chẳng có nghĩa gì hết trơn. Nó có một giá trị tự do, độc lập không liên hệ gì đến những ý nghĩa trong ngôn ngữ hẹp hòi kiểu cách của loài người. Các thi sĩ Đa-Đa ngông cuồng lắm. Họ coi thường cuộc đời. Họ muốn phá hủy trật tự trong xã hội. Họ không thêm phân biệt cái Đẹp cái Xấu, không đếm xỉa đến cái Hay cái Dở. Họ coi bất cứ chuyện gì, bất cứ nhân vật nào cũng chỉ là trò đùa, là vô nghĩa. Văn chương là cái gì mới được chứ? Văn chương chỉ là sản phẩm của những quan niệm dở dẩn của loài người. Trên cõi đời này nào có ai quan trọng đâu, ấy thế mà người nọ ca ngợi người kia, thế hệ nọ khen lao chê trách thế hệ khác. Thố cá, v.v... nhưng nhìn kỹ, xét kỹ ta thấy các nhân vật ấy chả là cái cóc khô gì cả. Vì nhân? Vì nhân là cái quái gì? Trong sinh hoạt nhúc nhúc hèn hạ của loài người chẳng có chi đáng gọi là cái Đẹp, là Nghệ thuật cả. Trong bài *Machine à Ecrire Dada* nhà thơ Philippe Soupault (1)

Từ khi chúng ta ở cõi đời, có một vài thằng lười biếng đã cố gắng làm chúng ta tin rằng Nghệ thuật hiện hữu. Ngày nay chúng ta là những thằng còn lười biếng hơn nữa, chúng ta kêu lên rằng: Nghệ thuật chẳng là cái đếch gì cả.

Chẳng là cái gì cả...

... Ai sẽ nói cho tôi biết Nghệ thuật là cái gì?
Ai sẽ tự cho mình là hiểu cái Đẹp?

Tôi đứng về phía những kẻ nghe lời nói để nêu ra một định nghĩa cho Nghệ thuật, cho Cái Đẹp và những cái khác liên hệ đến chúng. Định nghĩa đó là:

(1) Philippe Soupault sinh tại Charville năm 1897. Các thi phẩm chính: *Aquarium* (1917), *Les Champs Magnétiques* viết chung với André Breton, 1921) Il y a un océan (1926). Vào năm 1937, Soupault cho xuất bản một thi ca toàn tập của ông.

LÊ HUY OANH

Nghệ thuật + cái Đẹp = KHÔNG CÓ GÌ CẢ
(*L'Art et la Beauté = RIEN*)

Các nhà thơ Đa Đa coi thường cuộc đời, coi thường nghệ thuật, và chính sự coi thường đó được đặt làm nguyên tắc căn bản cho hành vi sống và cho sự sáng tác của họ. Sự coi thường đó mang lại cho nghệ sĩ một quyền tự do trong việc sáng tác, không bị lệ thuộc vào một ai, không bị chi phối bởi một luật lệ, hình thức gò bó nào hết. Trong lúc sáng tác, nghệ sĩ có quyền bỏ rơi tất cả những gì, tất cả những ai mà họ muốn bỏ rơi, kể cả độc giả, cả quần chúng. Ý nghĩa cố hữu của mỗi danh từ trong ngôn ngữ bị các nhà thơ Đa Đa xuyên tạc hết. Văn phạm và những lý luận, mực thước của ngôn ngữ bị họ vo viên ném vào sọt rác. Tristan Tzara, ông Tổng chỉ huy của nhóm Đa Đa tuyên bố: *Hãy đặt tất cả các chữ vào trong một chiếc mũ, rồi rút thăm, đó là thơ Đa Đa*. Và đây, mời các bạn đọc một đoạn thơ trong bài *Des nos Oiseaux* của Tzara:

thế giới

một chiếc mũ với những đóa hoa

thế giới

một chiếc mũ với những đóa hoa

thế giới

một cây đòn vọt cắm sâu trên một đóa hoa

thế giới

một chiếc nhẫn làm cho một đóa hoa

một hoa hoa cho một bó những hoa hoa

một bát thuốc lá đầy hoa

một đôi găng tay cho những hoa

một đầu lâu có những con mắt bằng hoa

bằng da hoa những hoa hoa hoa của chúng ta của những hoa

và một quả trứng

và đây là một đoạn thơ khác của Tzara, chúng tôi đề nguyên văn Pháp ngữ không dịch vì có dịch ra chẳng nữa cũng chẳng ích lợi gì cả:

tuyaux tuyaux arrangez-vous

verticale coupée

interrompre

mécanisme drrrr rrrrrrrrrr barres écartées

ébranlement des ragns perce-nous trouve le chemin de la cité

Đọc những đoạn thơ vừa dẫn các bạn có hiểu gì chẳng? Hiểu hay không hiểu, mặc kệ, cái đó chẳng có gì liên hệ đến người sáng tác ra nó cả. Tác giả muốn viết sao thì viết, độc giả muốn đọc sao thì đọc; thi ca, nghệ thuật là cái quái gì mà nói đến chuyện hiểu với không hiểu. Francis Picabia tuyên bố: *Các bạn không hiểu cái mà chúng tôi làm, có*

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

phải không? Này, các bạn thân mến ạ, chúng tôi còn hiểu nó ít hơn các bạn nữa.

Tuy nhiên, đầu nhóm Đa Đa ngang tàng, ngông nghênh đến mấy đi nữa, thật ra họ cũng chẳng đến nỗi vứt bỏ nghệ thuật như những lời tuyên bố của họ. Những lời tuyên bố đó phải chăng chỉ là một thái độ bực tức hẳn học trước sự nghèo nàn gò bó của nghệ thuật nói riêng và cuộc sống nói chung. Cái hành vi tự do quá khích của nhóm Đa Đa thoát trông qua ta thấy đầy tính chất phá hoại, nhưng thực ra chính cái tính chất phá phách đó đã tự nó có một tính chất xây dựng, mở rộng thêm cương vị hoạt động của nghệ thuật. Đừng tưởng lúc nào các thi-sĩ Đa Đa cũng ngông cuồng như thế: nhiều khi họ cũng rất thận trọng trong việc sáng tạo, do đấy đã tạo ra được nhiều bài thơ đặc sắc tân kỳ. Nhưng ngay cả những phút ngông nghênh của họ, ta cũng tìm thấy ở họ một thái độ can đảm đáng yêu.

Đầu sao, phái Đa Đa cũng bị người ta kết án là có nhiều điểm lặp đi. Do đó, nhóm đó chết yểu. Nhiều thi-sĩ Đa Đa như Breton, Eluard, Aragon dần dần ly khai nhóm để lập ra trường siêu thực. Đầu ly khai, họ vẫn phải nhận rằng: ngoài những cái dở, nhóm Đa Đa đã cấp cho họ nhiều cái hay cái đẹp làm nền tảng cho trường siêu thực.

Ngoài những người như Rimbaud, Lautréamont, Apollinaire, Cendrars, Tzara và nhóm Đa Đa, người ta còn nhận thấy một số thi sĩ khác như André Salmon, Max Jacob và Pierre Réverdy cũng đã có một phần nào công lao trong việc mở đường cho trường Siêu thực. Chúng tôi dựa theo những tài liệu có động của Marcel Girard trong cuốn *Guide Illustré de la Littérature Française Moderne* (1918—1949) và Pierre de Boisdeffre trong cuốn *Une Histoire vivante de la Littérature d'Aujourd'hui* (1939 — 1959) để trình bày qua với các bạn về thân thế và tác phẩm của ba nhà thơ đó:

ANDRÉ SALMON sinh năm 1882, vừa viết tiểu thuyết vừa làm thơ. Các thi phẩm chính: *Les clefs ardentes* (1905), *Le Calumet* (1910), *Prikos* (1919), *Tout l'or du monde* (1927), *Le jour et la Nuit* (1937), *Les Etolles dans l'Encrier* (1952). Thơ của ông tuy có nhiều bài hình thức nằm trong khuôn khổ điển nhưng chứa đựng nhiều ý tưởng tân kỳ mới mẻ, và những thực tại được biến hóa thành có tính chất ảo giác. Salmon cũng đã nhiệt liệt bênh đỡ các họa sĩ mới đương thời thuộc trường Dã thú hay trường Lập thể chẳng hạn như Picasso, Modigliani, Derain hay Chagall.

MAX JACOB (sinh tại Quimper năm 1876, chết năm 1944). Ông là bạn của Apollinaire và Picasso. Mới bước chân vào làng văn, Jacob chỉ viết những truyện cho trẻ con và những bài hát theo kiểu ở vùng Breton. Sau đấy, ông sáng chế ra một lối thơ đùa cợt nhẹ nhàng và trong một

LÊ HUY OANH

tác phẩm xuất bản vào năm 1917 nhan đề *Cornet à dés*. Lối thơ của Jacob trong *Cornet à dés* có một vẻ tự do phóng khoáng, và các ý tưởng hình ảnh cũng rất nhất nhiều khi có vẻ mơ ảo. Mục đích của Jacob trong cuốn này là đặt độc giả vào một hành trình khác lạ lùng, phiêu diêu hơn.

Lối thơ ấy đã khiến cho Max Jacob nổi tiếng. Mấy thi phẩm về sau của ông như *Le Litorale Central* (1921) *Derniers poèmes envers et en Prose* (1945) cũng có những bài thơ thường thường tới tấp có dạng với một kỹ thuật mới mẻ. Lối thơ này của Max Jacob có ảnh hưởng một phần nào đối với các nhà thơ siêu thực.

PIERRE REVERDY (sinh tại Narbonne năm 1889). Các thi phẩm chính: *La Lucarne Ovale* (1916), *Les A-doises du Toit* (1918), *la Guitare endormie* (1919), *Coeur de Chêne* (1921), *les Epaves du Ciel* (1924), *Pluport du Temps* (1945)...

Pierre Réverdy là một người đã soi tỏ những mục đích và phương pháp sáng tác của nhóm siêu thực. Ông cho rằng: nhà thơ ở vào một vị trí khó khăn và thường thường là hiếm nghèo vì ở đấy họ phải đối phó với hai sự kiện khác hẳn nhau là thực tế và sự mơ mộng. Từ địa vị một tù nhân của những hình ảnh bề ngoài, của những cương vị chật hẹp trong cõi đời này, thi sĩ cần phải vượt qua chương ngại để tiến tới những lãnh vực rộng rãi hơn, nếu không phải là lãnh vực tuyệt đối của nghệ thuật. Để tiến tới những lãnh vực ấy dĩ nhiên nhà thơ không thể dẫn từ tâm hồn mình theo lối diễn tả thông thường cổ điển. Phải có một lối diễn tả mới và lối đó không thể nào tránh được những điểm tối tăm. Vậy nên khi sáng tác, nghệ sĩ không nên quá chú trọng vào hình thức. Chỉ cốt giải bày ý tưởng của mình mà thôi, còn hình thức thì thế nào cũng được cả. Có tự do như vậy thì ca mới có tính cách thuần túy.

Với những quan niệm sáng tác như vậy, Pierre Réverdy biến thành một thứ phù thủy, một nhà ảo thuật về thơ. Thơ ông có những điểm quyến rũ mê hoặc độc giả nhưng do đó nhiều khi rất tối tăm, bất hợp lý và phi luân lý.

(kỳ sau sẽ tiếp)

LÊ HUY OANH

KỶ SAU: Trường thơ Siêu Thực với André Breton, Paul Eluard, Louis Aragon, Robert Desnos, René Char và một vài thi sĩ khác.

phần phụ lục

Sau mỗi đoạn của bài Luận Khảo Phong Trào Thi Ca Siêu Thuyết Pháp có một phần phụ lục, gồm một số thơ tiêu biểu do Lê Huy Danh dịch. Thuật giả không muốn làm cái công việc xác định giá trị của những đoạn dưới đây vì thấy rằng cái hay, dở của nghệ thuật văn thơ không có tiêu chuẩn; chúng tùy thuộc vào không gian và thời gian. Tuy nhiên, trong thuộc vào tâm hồn và khiến thâm mỹ của mỗi người. Tuy nhiên, trong các chủ thích chúng tôi cũng sẽ góp một vài ý kiến chủ quan và tổng quát, ngõ hầu đề vấn đề thêm sáng tỏ.

TỪ BIỆT (1)

Mùa thu đã tới — Nhưng tại sao nhớ tiếc một mặt trời vĩnh viễn, nếu chúng ta đã dấn thân vào việc khám phá cái ánh sáng thần linh — xa những kẻ đang chết trên các mùa.

Mùa thu. Con thuyền của chúng ta dựng lên trong những lớp sương mù bất động quay về phía cảng của sự khốn khổ, thành phố rộng lớn với bầu trời điểm vết lửa và bùn. Ồ, những mảnh áo quần rách rưới mục nát, miếng bánh ẩm nước mưa, sự say sưa, những ngàn tình ái đã đóng đánh ta! Vậy sẽ không bao giờ tận cùng cái bà hoàng hậu hút máu của hàng triệu linh hồn và thổ xác chết và dịch chuột, những kẻ! Tôi lại gặp tôi lần đầu bị gặm nhấm bởi bùn và dịch chuột, những con sâu đầy trên mở tóc và trong nách và còn một con sâu to lớn hơn cả trong trái tim, nằm dài giữa những kẻ lỵ mặt không tuổi, không tình cảm... Có lẽ tôi có thể chết ở đó... Sự kêu gọi kính hải! Ta ghét bỏ sự khốn khổ.

Và tôi ghê sợ mùa đông bởi đó là mùa cứu giúp!
— Vài ba lần tôi nhìn thấy trên trời những bãi biển vô tận phủ đầy những quốc gia màu trắng đang trong cơn vui vẻ. Một con tàu biển lớn bằng vàng, bên trên tôi, lay những cơ xi muốn màu của nó dưới những làn gió nhẹ ban mai. Tôi đã tạo nên tất cả những hội hè, tất cả những

(1) Đây là một thứ thơ xuôi (poème en prose) mà có người cho là một hình thức cao nhất của thơ tự do — Hình ảnh, ý tưởng và kỹ thuật của bài thơ hoàn toàn mới mẻ. Tuy đã cố gắng sáng chế những đóa hoa mới, những tình cầu mới, những xác thịt mới, những ngôn ngữ mới, nhưng Rimbaud đã thoát bằng số nổi thất vọng của chúng trước sự bất lực của thi ca. Vội nên ít lâu sau Rimbaud có vĩnh viễn từ bỏ thi ca, thì điều đó cũng không có gì đáng la thắc mắc.

LÊ HUY OANH

chiến thắng, tất cả những thảm kịch. Tôi đã cố gắng sáng chế những đóa hoa mới, những tình cầu mới, những xác thịt mới, những ngôn ngữ mới. Tôi đã tin tưởng kiếm được những quyền lực siêu nhiên. Thôi ! tôi phải chôn sự tưởng tượng và những kỷ niệm của tôi ! Một sự vinh hiển đẹp đẽ cuồng nhiệt của nghệ sĩ và của người kể chuyện.

Tôi ! tôi kẻ xưng là đạo sĩ hay thiên thần, gác bỏ tất cả luân lý, tôi đã xuống mặt đất để tìm kiếm một hồn phách, để tiến tới một thực tại ghê ! Đứa què mún !

Tôi bị lừa chăng ? đối với tôi, sự bác ái phải chăng là chị của sự chết. Rốt cuộc, tôi sẽ xin lỗi vì đã nuôi trong tôi sự dối trá. Và đi thôi.

Nhưng không một bàn tay thân hữu ! và lấy sự cứu giúp ở đâu ?

ARTHUR RIMBAUD
(*Une Saison en Enfer*)

MỘT ĐOẠN TRONG LES CHANTS DE MALDOROR (1)

Người ta sẽ không thấy ta trong giờ cuối cùng của ta (ta viết, điều này trên giường chết), các giáo sĩ bao quanh. Ta muốn chết, được ru bởi sóng biển lúc giông tố, hay đứng thẳng trên núi... cặp mắt hướng lên, không đâu : ta biết rằng sự hủy diệt ta sẽ hoàn bị. Và chẳng, có lẽ ta sẽ chẳng có phúc đề hy vọng. Ai mở cửa buồng chết của ta ? Ta đã nói rằng không ai vào buồng đó cả. Dầu các người là ai đi nữa, hãy tránh xa đi ; nhưng nếu các người tin tưởng nhận thấy vài dấu hiệu đau đớn hoặc sợ hãi trên mặt sơn cầu của ta (ta dùng sự so sánh đó, dầu con sơn cầu đẹp đẽ hơn ta, và dễ coi hơn), các người hãy giác ngộ: chớ gì nó tới gần. Chúng ta đang trong một đêm đông, trong khi những nguyên tố va chạm nhau ở khắp ngả, trong khi loài người sợ hãi và trong khi tuổi trẻ xưng đang với tội ác nào đó cho một trong số những bạn hữu của mình, nếu nó là cái ta đã là ở tuổi thanh xuân. Chớ gì gió, mà những tiếng rít than văn làm buồn sầu nhân loại, từ khi gió, loài người hiện hữu, một vài lúc trước cơn hấp hối cuối cùng, mang ta trên những xương

(1) Những khúc ca của Maldoror. Đoạn này cũng như nhiều đoạn khác rất lời lẽ bi hiểm. Văn phạm và lý luận về ngôn ngữ bị uy hiếp hoàn toàn. Các hình ảnh xuất hiện bất ngờ và hết sức táo bạo. Đây là lời lẽ của một kẻ đang diễn một cái điên siêu hình, đang dùng cái phương tiện cường bạo kỳ quái đó để tiến vào cõi siêu thực trong phần hỗn độn, quái đản mờ mịt của vô thức.

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

của cánh nó, qua trái đất, bắt nhón về cái chết của ta. Trong bí mật, ta sẽ còn thường thức vô vàn thí dụ về sự hung ác của loài người (một người em trai, không ai thấy, ưa nhìn những hành vi của các anh em trai mình). Con phượng hoàng, con quạ, con bò nông bất tử, con vẹt trời, con sếu du lịch, lanh lợi, run rẩy vì rét, sẽ nhìn thấy ta đi qua trong ánh sáng những tia chớp, con ma ghê sợ và bằng lòng. Chúng sẽ không biết rằng cái đó nghĩa là gì. Trên trái đất, con rắn lục, mắt to của con cóc, con cạp, con voi ; ở biển, cá voi, cá mập, cá mồm búa, cá đuối dị hình, răng hải cẩu lãnh cực, sẽ tự hỏi cái gì là sự xâm phạm luật thiên nhiên. Con người, run rẩy, sẽ dấn trún mình xuống đất, giữa những tiếng rên rỉ của nó. « Phải, ta vượt tất cả các người bởi sự hung ác bẩm sinh của ta, sự hung ác không lệ thuộc vào ta để xóa bỏ đi. Có phải vì cơ đồ mà các người trình diễn trước ta trong thái độ quý mọp ấy ? Hoặc là, bởi vì các người không thấy ta đi qua, hiện tượng mới mẻ, như một sao chổi ghê gớm, không gian đầm máu ? (một trận mưa máu từ thân thê rỗng rỗng của ta rơi vào ta, giống như một lớp mây đen mà giống tổ đầy đi trước nó). Hừng sợ hãi gì cả, hỡi các trẻ con, ta không muốn chúc dữ các người. Điều ác các người làm cho ta thì quá to lớn, quá to lớn điều ác mà ta đã làm cho các người, để nó tự nguyện. Hỡi các kẻ khác kia, các người đã bước trong con đường của các người, ta, trong con đường của ta, tất cả hai con đường đều giống nhau, tất cả hai đều là ác. Điều quan trọng chúng ta cần gặp nhau trong sự tương tự này về tinh chất, sự va chạm hợp thành kết quả đã có tính cách tiền định đối với chúng ta một cách hổ tương. » Vậy thì, các con người sẽ dẫn ngừng đầu lên, lấy lại can đảm, để nhìn kẻ nói như vậy, vươn dài cổ như một con sên. Bỗng nhiên bộ mặt nóng bỏng bị phản chất của họ, bày tỏ những đam mê kinh khủng nhất, sẽ nhún mắt bằng cái vẻ đến nỗi những con chó sói phải sợ hãi. Họ cũng chỗi dậy một lúc như một lò xo mènhi mông. Những lời nguyên rủa ghê gớm làm sao ? Những tiếng nói thất thanh mới ghê gớm làm sao ! Họ đã nhận ra ta. Kia những thú vật của quả đất quây quần với con người, đang gào lên những tiếng kỳ lạ. Không còn sự căm ghét hổ tương ; hai sự căm ghét đã quay lại chống kẻ thù chung, ta ; người ta lại gần nhau bởi một sự ưng thuận phổ quát. Hỡi những gió nâng đỡ ta, hãy đưa ta lên cao hơn nữa ; ta sợ sự không thành thật. Phải, chúng ta phải biến đi dần dần khỏi mặt họ, nhân chứng, một lần nữa, những hiệu quả của những đam mê, hoàn toàn hải lòng. Hỡi con doi tị diệp (1) ta cảm ơn người đã thức tỉnh ta

(1) *Rhinolophe*

LÊ HUY OANH

hàng những cử động của cánh người, người, mũi vượt lên khỏi cái mào hình móng ngựa, kết cuộc ta nhận định rằng cái đó chỉ là một chứng bệnh mau qua, khổ khổ thay và dưới dự chân ngàn ta tự cảm thấy tái sinh. Những người này nói rằng có lẽ người đến với ta để hút chút máu trong thân thể ta tại sao giả thiết này không phải là một thực tại.

L. AUTREANT

(*Les Chants de Maldoror — Chant premier*)

MỘT ĐOẠN TRONG LA JOLIE ROUSSE (1)

Bạn mà cái miệng được tạo theo hình ảnh miệng của chúa trời
Miệng đó chính nó là trật tự
Bạn hãy nhân nhượng khi bạn so sánh chúng tôi với những kẻ đã là
sự hoàn hảo của trật tự (a)
Chúng tôi là những kẻ đi kiếm khắp nơi sự mạo hiểm (b),
Chúng tôi không phải thù địch của các bạn
Chúng tôi muốn hiến các bạn những lãnh vực bao la và lạ kỳ
Ở đấy sự bí mật nở hoa tự dâng cho ai muốn hái
Ở đấy có những ngọn lửa mới, có những màu sắc chưa từng thấy
Có cả ngàn sự kỳ quái không lường trước được
Mà phải cho thực tại vào
Chúng tôi muốn khám phá lòng từ tâm miền rộng rãi mà ở đấy tất cả
im lặng.

G. APOLLINAIRE
(*Calligrammes*)

MỘT ĐOẠN TRONG PROSE DU TRANSSIBÉRIEN ET DE LA PETITE JEHANNE DE FRANCE (2)

Tôi đang trên đường đi
Tôi đã luôn luôn trên đường đi

(1) Đoạn này trình bày chủ đích và nguyện vọng của các thi sĩ mới trong việc sáng tác. (a) Danh từ trật tự ở đây chỉ thủ nghệ thuật cũ. (b) Danh từ mạo hiểm chỉ hành động của các tân nghệ sĩ.
(2) Bài văn về người đi xuyên Tây bá lợi á (Sibérie) và cô bé Jehanno

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

Tôi đang trên đường đi với cô bé Jehanne de France
Xe lửa chồm lên một cái nguy hiểm rồi rơi xuống trên tất cả những bánh xe
Xe lửa rơi xuống trên những bánh xe
Xe lửa rơi xuống luôn luôn trên tất cả những bánh xe

«Này, Blaise, chúng mình đã thật xa Montmartre chưa ? »
Chúng mình đã xa, Jehanne à, em đi lâu đã từ bấy ngày
Em đã xa Montmartre, xa khu Gò đã nuôi nấng em xa nhà thờ Sacré-
Coeur em đã từng đứng thu hình tựa lưng vào
Chỉ có những đám tro liền tiếp

Ba là đã biến mất và ngọn lửa củi lớn của nó
Mưa rơi
Đồng bùn than trườn lên
Vùng Tây bà lợi à đảo quay
Những lớp tuyết nặng nề dâng lên
Và cái nhạc của sự điên cuồng rung như một điệu ham thích cuối cùng
trong không khí chuyển thành màu lam
Xe lửa phép phòng ở làm những chân trời xám màu chì
Và nỗi phiền muộn của em cười chỗ nhạt...

«Này, Blaise, chúng mình đã thật xa Montmartre chưa ? »
Những lo lắng
Em hãy quên những lo lắng đi

de France. Đoạn thơ này của Cendrars không có chi khó hiểu, trừ một
đôi chỗ ý tưởng hơi rời rạc, hoặc có những hình ảnh những ý tưởng vô
thường (im-ages et idées gratuites) không có liên hệ gì đến ý tứ bài thơ mà
chỉ được dùng để tạo một tiết điệu mới. Đoạn thơ — cũng như cả bài thơ —
là một gã thanh niên Pháp (có thể là chính tác giả vì Cendrars vốn đi xa
rất nhiều) cùng với một đứa con gái giang hồ ở Montmartre dùng xe hỏa
đi xuyên qua vùng Tây bà lợi à. Bối cảnh này biểu diễn những hình ảnh
thể thiết, làm than, lối làm của cuộc sống đang như ý nguyện của Cen-
drars là dùng thơ để diễn tả bộ mặt thực của đời sống con người ; kỹ
thuật của đoạn thơ hoàn toàn mới lạ các hình ảnh lác bọ và lẩn kỳ. Các
ý tưởng và ngôn ngữ được một vẻ hơi hướm cổ ý ngày thơ nhưng
vẫn chưa chết, một trong những đặc tính của thơ Siêu thực.
Đoạn thơ này một phần nào ta nhớ đến bài Bateau ivre của Rimbaud.

LÊ HUY OANH

Tất cả những nhà ga nứt nẻ xiêu xiêu trên đường
Những giây điện thoại mà các nhà ga treo cổ vào
Những cột giây nhàn nhò khoa chân mùa tay và bóp cổ chúng
Vạn vật vươn mình, nằm sóng xoải và rút lui như một khẩu cầm bị
một bàn tay bạo dâm hành hạ

Trong những vết rách của trời, những đầu lâu điện cuồng
Chạy trốn

Và trong những lỗ thủng
Những bánh xe lảo đảo những miệng những tiếng nói
Và những cơn chó của sự bất hạnh sủa theo chúng ta
Những cơn quỷ được buông thả

Những đồng sắt vụn
Tất cả trong một hòa âm sai lạc
Những tiếng rỗng rỗng rỗng của những bánh xe
Những va chạm
Những cái nảy bật
Chúng ta là một cơn giông tố dưới sự sợ hãi của một người cầm

«Này, Blaise, chúng mình đã thật xa Montmartre chưa?»

Xa rồi mà, em mệt mỏi đấy, em đã biết lắm mà, chúng ta đã thật xa
Sự điên rồ bị nấu quá nóng rống lên trong đầu lâu
Bệnh dịch chuột, dịch tử chổi lên như những lò than hồng ngàn ngọn
trên đường chúng ta
Chúng ta biến mất trong cuộc chiến tranh lên đầy trong một đường
hầm

Sự đói, cơn đói, bám vào những đám mây tan hoang
Và làm thối hoang những trận giao tranh bằng những đồng xác chết
hỏi tanh

Hãy làm như nó, hãy hành nghề của em...

«Này, Blaise, chúng mình đã thật xa Montmartre chưa?»

Rồi, chúng mình xa rồi, chúng mình xa rồi
Tất cả những cái bung xung đã nổ toang trong sa mạc này
Hãy nghe những chuông tời tàn của bấy sức vật ghẻ lở này

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

Tomsk Tchéliabinsk Kainst Obi Talchet Verkné-Oudinsk Kourgane
Samara Pensa-Toulone (1)

Cái chết ở Mãn Châu

Là sân ga của chúng ta là sào huyết cuối cùng của chúng ta
Cuộc hành trình này thật đáng sợ
Sáng hôm qua

Ivan Oulitch đã có tóc trắng

Và Kolia Nicolai Ivanovitch cần móng tay đã từ mười lăm hôm

Hãy làm như họ sự Chết sự Đói khát hãy hành nghề của em

Cái đó giá một trăm xu, đối với người đi xuyên Tây bà lợi á giá một
trăm rúp

Khích động những ghế dài và đồ lóc dưới bàn
Thằng quỷ sứ ngồi ở đàn dương cầm

Những ngón tay nhiều máu của nó kích thích tất cả đàn bà
Thiên nhiên

Những con đười

Hãy hành nghề của em

Cho tới Kharbine...

« Này, Blaise, chúng mình đã thật xa Montmartre chưa ? »

Thôi mà... để anh yòn đứng quấy rầy anh

Em có những hàng gầy góc

Bụng em chưa lờn nước đá em nóng

Đó là tất cả cái mà Ba-lê đã đặt vào lòng em

Đó cũng là chút tâm hồn... bởi vì em bạc phước

Ta thương ta thương hãy đến với ta vào trái tim ta

Những bánh xe là những cối xay gió của xứ Cocagne

Và những cối xay gió là những cái nặng một đũa hành khất làm quay tít

Chúng ta là những đũa cút chân tay của không gian

Chúng ta lần đi trên bốn vết thương

Người ta đã chặt cánh của chúng ta

Những cánh là bầy mối tọt

Và tất cả những xe lửa là những quả giầy lăn (2) của quỷ sứ

Sân nuôi gà vịt

(1) Các địa danh.

(2) Nguyên văn : Bilboquet. Một thứ đồ chơi

LÊ HUY OANH

Thế giới kim thời
Tốc độ không thể ở đó nhưng
Thế giới kim thời
Những miền xa xôi thì bởi quá xa xôi.
Và trong đầu cuộc hành trình thật ghê sợ khi một gã đàn ông cùng đi
với một ả đàn bà

« Này, Blaise, chúng mình đã thật xa Montmartre chưa ? »
Ta thương ta thương hãy đến với ta ta sắp kể em nghe một chuyện
Hãy vào giường ta
Hãy vào trái tim ta
Ta sắp kể em nghe một chuyện

Ô, lại đây em ! lại đây em !

BLAISE CENDRARS

BÀI HÁT ĐADA (1)

1

Bài hát của một gã dada
có dada trong trái tim
bài hát làm động cơ gã quá mệt nhọc
động cơ có dada trong trái tim

thang máy chở một ông vua
nặng nề dễ vỡ tự trị
ông cắt cánh tay phải to lớn
gửi đến đức giáo hoàng ở La mã

bởi thế cho nên

(1) Đương là một bài hát da da. Thơ chưa đầy những ý tưởng hình ảnh
phi lý, ngang ngược. Chúng ta chẳng lạ gì vì chủ trương da da vốn dĩ là
phi lý và ngang ngược cốt để đạt tới những thực tế mới. Nếu muốn cảm
thông với tác giả, tốt hơn hết bạn cũng đặt vào tim bạn một cái da da,
nghĩa là trong lúc đọc bạn nên chấp thuận tất cả những cái gì thật chương
Bài này được coi như một thứ art poétique (thi nghệ) của nhóm da da.

THI CA SIÊU THỰC PHÁP

thang máy
không còn đũa trong trái tim

hãy ăn sô-cô-la
hãy lau rửa bộ óc bạn
đũa
đũa
hãy uống nước

2

bài hát của một gã đũa
gã không vui không buồn
gã yêu một nàng cưỡi xe máy
nàng không vui không buồn

nhưng người chồng ngày đầu năm
biết hết và trong cơn khùng hoảng
gửi tới Vu-li-căng
hai xác họ trong ba va li
không gã tình nhân
không nàng cưỡi xe máy
không còn không vui không buồn

hãy ăn những bộ óc ngon lành
hãy lau rửa người lính của bạn
đũa
đũa
hãy uống nước

3

bài hát của một gã cưỡi xe máy
gã là đũa trái tim
vậy gã là đũa
như tất cả những đũa trái tim

một con rắn mang những găng tay
nó đóng nhanh nắp hơi

LÊ HUY OANH

nó đeo những găng tay bằng da rắn
và đến hôn đực giáo hoàng

điều đó thực cảm động
bụng nở hoa
không còn da-da trong trái tim

hãy uống sữa chim
hãy lau rửa những thối sô co la của bạn
da-da
da-da
hãy ăn thịt bê

TRISTAN TZARA
(1919)

PHÁC HỌA (trích một đoạn) Màn I

Nhân vật : Áo mặc trong phòng. Cái Ô.
Cái Áo (kêu lên ba tiếng, tiếng thứ ba sau khi mở cửa sổ) : Vây cái cây này, cái con beo nhỏ này mà ta đã vuốt ve hôm nọ khi trở về, là cái gì thế ?

Cái Ô — Không có mền bác bị lạnh bây giờ. Cuộc hành trình ghê tởm thật, bất tiện thật ! những ống khói và còi tàu rón rén đi qua : những thời tiết thay đổi dữ ! Tôi bảo thật cho bác biết : một bát sao màu hoa camomille cũng không ngọt ngào bằng đôi mắt châu gái bác.

(Có tiếng gõ cửa)

Cái Ô — Bàn không ai thuê
(Màn hạ)

PHILIPPE SOUPAULT
(Viết chung với André Breton)

(1) Nguyên đề là Sketch (tiếng Anh). Đoạn thơ đa đa này mặc lấy hình thức tựa như kịch mà không phải kịch. Ý tưởng gần như không có liên lạc gì với nhau cả. Nhưng phải chăng chính cái hiện tượng kỳ quặc của những sự rời rạc đó sẽ đưa vào một thế giới quái đản, một hành tinh mới lạ trong đó những khả năng suy luận và nhận thức của người đọc lại nổi phen bị điện đảo. Có những cảnh sắc và lời lẽ tàn kỳ mà ta chưa hề gặp. Chẳng hạn : một bát sao màu hoa camomille cũng không ngọt ngào bằng đôi mắt châu gái bác. Đoạn PHÁC HỌA là một đoạn thơ liêu biếu nhất của nhóm đa đa.

sinh hoạt văn nghệ

TRIỂN LÃM DUY THANH

↑ Ôi chờ đợi cuộc triển-lãm này lâu rồi. Từ năm ngoái, đã nghe anh Duy-Thanh «hăm» một cuộc bày tranh. Hôm nay, ngày 23-3-61, (một ngày có nhiều con số xui) tôi được đến thăm nó. Thăm phòng triển lãm của Duy-Thanh. Tại Pháp văn Đông minh hội.

Anh vẽ tranh nhiều lắm, bức nào coi cũng khoái. Tôi nói «khoái» một cách đứng đắn, không có gì bốn cọt đầu. Hội họa Duy-Thanh có một đặc-tính hiếm có ở đây là đem đến cho người coi một thứ khoái cảm rất tự nhiên, kết quả của một khiếu thẩm mỹ được trau-giồi, thể hiện qua cái *matière* của anh. Tôi ít thấy có người nắm được cái thể chất sơn dầu như Duy-Thanh. (Cũng có thể một vài người khác như Thái-Tuân, Ngọc Dung chẳng hạn, nhưng khoan nói tới, vì chưa có phòng triển lãm mới của họ. Tôi nói mới mà phải nhân mạnh bởi vì đối với nền nghệ thuật phối thai của mình, phải luôn luôn tiến bộ mới có thể chạy theo mót cái bóng của hội họa thế giới, do đó tranh của những họa sĩ đã có ý thức ở đây có một sức tiến bộ nhanh chóng lắm, như con đường đi đã được khai phá sẵn rồi. Đó là sự cố gắng của kẻ vừa đánh một giấc triển-miền trong một cuộc chạy đua và thấy mình đã quá trễ. Vì vậy phải xem tranh mới của họ mới có thể phán đoán một cách đúng đắn được). Tôi đã đi sai đề, vậy xin nhắc lại, chưa thấy ai nắm vững chắc sơn dầu như Duy-Thanh. Trong cách xử dụng sơn, anh có một thứ kinh nghiệm làm tôi thích thú vô cùng. Kinh-nghệ là kết quả của một cuộc tìm tòi và nhận đó dùng làm đường lót cho cuộc tìm tòi sắp tới. Cuộc tìm tòi

của anh Duy-Thanh sôi nổi lắm. Nó thấu được nhiều kinh nghiệm làm ngạc nhiên. Lấy bức *chân dung réserve* làm thí dụ. (Trong phòng tranh tôi thích bức đó nhất, coi như tượng trưng cho kỹ-thuật của Duy-Thanh). Trên mái tóc của người mẫu có những đường nét màu hường rất đẹp, tạo ra được do một nước lót và một nước phủ ; còn, chưa kể cái *matière* ở áo v.v... Bỗng nhiên tôi lại nói về kỹ-thuật nhiều quá. Nhưng tôi có lý do riêng của tôi: Kỹ-thuật ấy đưa tới nghệ-thuật. Và, một điều tôi-hậu, kỹ-thuật chúng ta, nói thuật ấy đưa tới nghệ-thuật. Và, một điều tôi-hậu, kỹ-thuật chúng ta, nói chung các họa-sĩ ở đây, chưa có thâm thía gì đòi với nền hội-họa thế-giới. Nguyên-do là sự lười biếng và thiếu ý thức. Vậy thì khảo một chút về kỹ-thuật của Duy-Thanh để lợi-dụng nó, không phải là một cách đề tiên bộ sao ? Đường như có một họa-sĩ Ang-lê — nếu tôi nhớ không sai thì chính là Joshua Reynolds, họa-sĩ lãng mạn nổi tiếng với «tuổi ngây thơ», có nói một câu hơi vô duyên, nhưng ở đây chúng ta thấy có lý lắm : « Khảo cứu là nghệ thuật lợi-dụng trí óc kẻ khác ».

Tuy nhiên, tôi không chủ-trương phê-bình nghệ-thuật mà lấy kỹ-thuật làm tiêu-chuẩn. Tôi bước vào phòng tranh của Duy-Thanh với con mắt hết sức hồn-nhiên, bởi vì đại gì mà dẹp bỏ những khoái cảm của mình để đi làm những chuyện khổ khan vô-ích...

Hội họa của Duy-Thanh có một đặc-tính rồi. Điều đó làm tôi vui-mừng. Nói như vậy, không phải tôi bỏ quên không kể những nguồn ảnh hưởng những bậc thầy Duy-Thanh đã chọn đầu, nó còn biểu lộ không ít trong họa phẩm của anh. Có hai nguồn ảnh hưởng sâu xa nhất tâm hồn Duy-Thanh, thứ nhất là hội họa Matisse thể-hiện rõ rệt qua bức *chân dung một thiếu niên có mái tóc màu vert*. Chính cái tinh thần «luxe, calme, volupté» đã thấy trong nét họa của Duy-Thanh, thêm vào đó một sự thi-vị nửa êm-dềm, nửa cuồng-bạo. (Không phải tôi đặt điều nói láo đâu. Tôi ký nhất là những nhà phê-bình — không biết có nên gọi như vậy không — những nhà phê-bình xò-lá, luôn luôn đặt điều đề tăng bậc hay dìm đầu kẻ khác để thỏa cái tính nhỏ nhen ích kỷ của mình ; nhất định đó là những người không ý-thức và trí-thức về thẩm-mỹ-học cũng như về hội-họa). Những *chân-dung thiếu-nữ* của Thanh cho ta thấy rõ ràng nhất cái thi-vị êm-dềm kể trên. Nó pha vào đó một chút lãng-mạn. Những bức vẽ phở thì cũng đóng tinh chất ấy. Còn vài bức vẽ biển thì có vẻ cuồng-bạo lắm, mặc dầu một «Biển đen» rất tinh. Nhưng tất cả đều đầy sinh-lực.

Nguồn ảnh-hưởng thứ hai là Rouault, tiêu-biểu nhất là bức *chân dung Matisse*. Hội họa của Rouault đã gợi hứng cho Duy-Thanh vẽ hình nét, mà không vẽ màu sắc. Ở Rouault, màu sắc nóng lên, mang hình ảnh vitrail

của nhà thờ, ở Duy-Thanh, màu lằng-đọng rất trầm-tĩnh. Sự kiện này đã thêm sự giàu có cho nghệ thuật của Thanh; ai cũng công nhận sự giàu có của hội-họa Duy-Thanh, một thứ giàu có mà nếu không biết «xài», sẽ có hại cho cá-tính của mình. Với những hình nét khởi từ Rouault, Duy-Thanh trình-bày cho ta nhiều tình-vật thích thú. Những tình-vật rất giản-dị, bỏ-cục những chai, lọ, nhưng Duy-Thanh đã biết tìm ở đó những thi-vị có phần đậm-dà hơn; và có một phong cảnh cũng cùng tính chất thi-vị đó. Bút-pháp này, theo đà phát-triển sẽ có sự gắn gũi với hội-họa trừu-tượng, một thứ hội-họa trừu-tượng chân-thành và di-nhiên có chân giá-trị. (Nói tới hội họa trừu-tượng, tôi xin mở đầu ngoặc ở đây; tôi hay lạc đề, nhưng không sao, cái lạc đề này hơi quan trọng là, trong phòng tranh Duy-Thanh, có một bức trừu tượng đánh số 1, đề «Portrait d'un homme». Bức tranh đó làm tôi bất mãn Duy-Thanh vô-cùng, nó tầm thường, nhạt-nhẽ và không còn đặc chất gì của Duy-Thanh hết. Nhiều người, trong đó có vài nhân-vật rất bảnh trong giới mỹ-thuật, đã bu xung-quanh bức tranh đó và tìm cách đặt vị-trí cho cái đầu, cái tay của nhân vật thế nào cho hợp-lý, một nhân vật khác cho là người ta — chỉ họa-sĩ — chú trọng tới bỏ cục mà không cốt ý vẽ cho hợp lý. Tôi thì không thấy bỏ cục gì hết. Bức tranh không có nét, yếu đuối (bản-chất của Duy-Thanh đầy sinh lực, vô kỷ-luật (khi tôi nói kỷ-luật, là nói tới cái kỷ-luật đã tạo nên một «chân dung réservé» một «tinh vực» vân vân...))

Bây giờ xin trở lại những sắc thái đặc-biệt trong sự giàu có của Duy-Thanh. Ngoài hai nhân-vật thấy rõ nhất, chúng ta còn tìm được một chút Modig, một chút Vlaminck (mấy năm trước, Vlaminck biểu hiện rõ rệt hơn trong tác phẩm Duy-Thanh) v.v... điều này làm ta nhớ lại trường-hợp Picasso với một lô «thầy»: El Greco, Daumier, Toulouse-Lautrec, Art Negro, Art Egyptien v.v... Những tên đó hợp lại thành một Picasso độc-đáo. Chúng ta cũng hy-vọng rằng sự phối hợp của những luồng ảnh-hưởng kể trên, sẽ tạo cho Duy-Thanh, ngoài sự giàu có về bút-pháp ra, còn thêm sự sáng tỏ của cá tính nữa. Sự hy-vọng đó chúng ta thấy đang nảy-nở.

Ngoài ra, còn một điều tôi lấy làm phân nan ở Duy-Thanh. Đó là sự trình bày bức vẽ thiếu-nữ với con chim bồ câu. Hình ảnh đó, bỏ-cục đó là một thứ lằng mạn rất cái-lương mà chúng ta thấy nhan nhán ở Picasso thời kỳ lam, hường. Trong suốt phòng tranh hiện-hiện một ý-thức mới, hiện thời kỳ lam, hường. Trong suốt phòng tranh hiện-hiện một ý-thức mới, hiện hiện một cá-tính nuôi-dưỡng bằng thông-minh, do đó có trí-thức, bằng sự can-đảm và chịu khổ, do đó có khám-phá, bằng một tâm-hồn phong-phú (tôi tránh dùng một cách vô ý thức chữ tâm-hồn nhạy cảm, nó không có ích gì đối

với một nghệ-sĩ) do đó có những biến thái trong toàn thể họa phẩm và sự gợi hứng một cách dễ dàng, dù ở một sự vật tầm thường. Thành thử, sự hiện diện của bức tranh trên, và kể cả bức tranh trù-tượng số 1 kia nữa đã làm một thứ gai xồn mắt, nó không liên lạc gì tới cái tinh-thần toàn thể của các họa-phẩm Duy-Thanh.

Cuối cùng, tôi giữ một ý nghĩ đã dành cho Duy-Thanh ở một lần nói về anh, lâu rồi : 'Cuộc triển lãm của Duy-Thanh, ngoài cái giá-trị nghệ-thuật của nó ra, đã khuấy động cái không-khí sanh hoạt hội họa ở đây, mà tinh thần sáng tạo rất bẽ-bét, gần như không có'.

anh oanh

ĐỌC : ĐỀM XUÂN TRĂNG SÁNG

tập truyện ngắn của võ phiến
nhà xuất bản nguyên đình vượng

Điều phải nói ra trước tiên về Võ Phiến : ông là một nhà văn hiếm có và đáng quý trong không khí sinh hoạt của văn chương chúng ta ngày nay, nói hiếm có và đáng quý với tất cả những ý nghĩa rộng rãi chắc chắn của nó đứng trên hai sự thực : Thứ nhất, không khí văn chương chúng ta ngày nay là thứ không khí hoàn toàn thật thường, giả tạo, và lừa dối đến chảy nước. Thứ hai, sự thật thường giả tạo lừa dối ấy đã dẫn văn chương ngày nay sa vào cái giếng sâu tối tăm, chật chội, ru nó vào một tình trạng ngày nay sa vào cái giếng sâu tối tăm, chật chội, ru nó vào một tình trạng thức thối, bất lực đối với hoàn cảnh xung quanh thụ động ngó lên trời (một thứ trời được giới hạn bằng miệng giếng). Ở đó, người làm văn chương xứ thứ trời được giới hạn bằng miệng giếng). Ở đó, người làm văn chương xứ ta bây giờ phần lớn là những kẻ yên phận nghỉ ngơi, bằng lòng hãnh diện với thực trạng của mình, phần lớn nữa, là những kẻ bất mãn và ưa thích tưởng tượng, những kẻ đó không ngó thấy thực trạng của họ. Bởi đó, thử nhìn coi : đang trước mặt em là một đám đông mỗi người mang trên đầu một thứ nón khác màu nhau làm đầu sự mê sảng, và đó chính là văn chương ngày nay vậy.

Trở lại những ý kiến đầu tiên đã bày tỏ về Võ Phiến, nói ông là một nhà văn hiếm có và đáng quý trong chúng ta ngày nay không phải bởi tài năng của ông (điều ấy ngoài phạm vi của bài viết nhỏ này) mà chính bởi sự đều đặn chăm chỉ cẩn thận và trách nhiệm của ông (những thứ hiếm có và đáng quý hiện nay), mà ông đã dành cho việc làm văn, viết truyện.

Theo rồi Võ Phiền qua những tác phẩm của ông suốt từ 5 năm nay (1956: *Chữ tình*. 1957: *Người tù*. 1958: *Mưa Đêm Cuối Năm*.) và bây giờ, 1961: *Đêm Xuân Trăng Sáng*. Ngoài sự hân hoan của một người đọc, khi thấy ông tác giả mình tin cậy mỗi ngày một khá, một chắc hơn.

Bây giờ, giới thiệu qua về *Đêm Xuân Trăng Sáng*, ấn phẩm 1961 của nhà Nguyễn Đình Vượng và là tác phẩm thứ tư của Võ Phiền. *Đêm Xuân Trăng Sáng* gồm tám truyện ngắn, dày ngót 400 trang:

Đối với tác phẩm này, người đọc có thể tìm thấy sự thích thú khi đọc bất cứ một chuyện nào trong đó: ông Bồn Tán trong *Lẽ Sông*, chàng Thảo trong *Tâm hồn*, truyện Trần Hùng mất vợ trong *Thị Thành vân vân*. Riêng với tôi, tôi chọn ba chuyện chính trong đó: *Đêm Xuân Trăng Sáng*, *Thác Đổ Sau Nhà*, và *Về Một Xóm Quê* để làm mức đánh dấu khi tìm đọc Võ Phiền, theo tôi đó là những chuyện tiêu biểu cho Võ Phiền, không chỉ bởi kỹ thuật mà còn bởi cả cái tinh thần riêng biệt mà ông theo đuổi nữa.

Như trên đã viết, Võ Phiền là một nhà văn đến đến chăm chỉ cẩn thận và trách nhiệm, sự thay đổi và tiến bộ trong những tác phẩm của ông cũng mang đầy đủ những tính cách dè dặt, ảm đạm ấy. Tôi nhớ một nhà phê bình đã viết về Võ Phiền: ông là một nhà văn mang nhiều địa phương tính. *Đêm Xuân Trăng Sáng* là một tác phẩm cố gắng cải chính sự gán ghép vô tình đó, bởi ông đã tự chứng tỏ sự ham muốn đi vào một khung cảnh sâu rộng hơn: đó là nơi tâm hồn con người cùng với những bất trắc lo âu của nó mà ông muốn chia sẻ, trong *Thác Đổ Sau Nhà*, những ký ức xao xuyến của nó mà ông muốn tìm kiếm trong *Đêm Xuân Trăng Sáng*, những đòi hỏi thân thuộc cần thiết mà ông muốn kêu gọi trong *Về Một Xóm Quê*. Ngoài ra, về kỹ thuật, trong *Đêm Xuân Trăng Sáng*, Võ Phiền đã tiến gần tới độ toàn quyền chủ động ngòi bút mình, chỉ còn một chuyện mới: chuyện Tuổi Thơ Đã Mất, ông còn làm người đọc nhớ lại thứ không khi và bỏ cục của Somerset Maugham.

Cuối cùng, với *Đêm Xuân Trăng Sáng*, ông vẫn giữ vững nơi người đọc ông sự tin cậy ở ông. Tuy nhiên, nếu được bày tỏ với Võ Phiền một ý-kiến duy nhất, tôi chọn ý-kiến này: Sự tỷ mỉ, dè dặt thận trọng của Võ Phiền, nếu quá thật nó đã giúp ông bước đi được những bước vững chãi, thì đồng thời, chính nó — sự tỷ mỉ dè dặt thận trọng đáng quý ấy — nó cũng đã làm cho những bước chân của ông bước đi trở nên quá nặng và quá chậm, so với sức ông có.

trần quý cáp

TIN TRONG NƯỚC

Tôi chủ nhật 12 tháng 3, hồi 20 giờ 30'', tại trường Quốc Gia Âm nhạc, ban kịch «*Thời đại*» đã được giới thiệu với vở kịch: «*Chúng nó ba thằng*» của Nguyễn Đức Trọng tức Mỹ Tín. Trong đêm kịch này, ông Phạm Đình Tân thay mặt cho tuần báo Văn Đàn và Tinh Việt Văn Đoàn ngỏ lời về tình trạng yên nghỉ của ngành kịch hiện thời và giới thiệu ban kịch với sự góp mặt của Mỹ Tín tức Nguyễn Đức Trọng, Lê Văn, Thu Nhi, Trọng Xa, Bạch Cúc, Minh Trang, Hùng kỳ.

Trong buổi ra mắt, một số khán giả chọn lọc được mời tham dự gồm có một số văn nghệ sỹ, ký giả và những người yêu kịch.

Buổi kịch này làm mọi người làm nghệ thuật ở đây nhớ lại sự hoạt động của nhóm Bạn Sân Khấu trước đây, cùng sự quên lãng của ngành kịch hiện thời và sự góp mặt lần đầu của ban kịch «*Thời đại*» đã được coi như một thể hiện thiện chí đáng khen ngợi.

● Nhà xuất bản Đời Nay (hậu chiến) của Nhật Linh, sau khi tái bản lại mấy cuốn sách cũ như *Cái ve* của Khái Hưng chẳng hạn, và sau nhiều quảng cáo rầm rộ về hai tác phẩm mới của Nhật Linh viết trong một thời gian ngắn là *Giòng sông Thanh Thủy*, rồi *Giòng sông Bến Hải* — thì giữa tháng ba này cuốn «*Đọc và viết tiểu thuyết*» của Nhật Linh đã bày bán tại các hiệu sách.

Trong cuốn sách này ngoài những kinh nghiệm, nhận xét về nội dung, hình thức tiểu thuyết, Nhật Linh còn nhận xét về những nhà văn Võ Phiến, Vũ Khắc Khoan, Bình nguyên Lộc... về văn các nhà văn này, viết đúng văn phạm nhiều hay ít.

● Nhà văn Bùi Xuân Uyên vừa bắt đầu cho in và phát hành tập truyện *Luyện Máu* — tác phẩm này đã được đăng tải trên nhật báo Tự Do trước đây — tập truyện được in từng sấp 32 trang phát hành hàng ngày do nhà Bạn văn xuất bản với một tiêu đề: *Đem văn hợp bạn*. Ta hãy nghe tác giả Luyện Máu tâm sự:

— «*Trong đời văn, mỗi hạn xưa nay là văn không được người ngó đến, chớ đừng nói vội văn không tri kỷ. Thề nên, có kẻ cầm bút đã đóng cửa lâu cao, bí phần viết chẳng cần ai đọc cả.*

Chúng tôi thì quan niệm rằng viết văn trước hết là cho người. Đi vào cuộc đời sâu rộng, qua mọi tầng lớp, chúng tôi muốn đem văn tìm người để

thành những người bạn. (.) Chúng tôi cũng đành cam nhận lấy cái tiếng không đẹp để là bản 'Truyện ba xu' để VĂN có BẠN và BẠN của VĂN hưởng ứng công cuộc phổ biến văn chương này.

Nếu quả thực lời chúng tôi có tiếng vang, thì qua những khó khăn giao cảm, chúng tôi sẽ cố gắng thực hiện mục đích là:

Đem văn tìm hiểu sự sống.

Đem văn thử định những tiêu chuẩn cho đời...

Luyện Máu là một cuốn trường giang tiểu thuyết vào khoảng 2.000 trang, mấy trăm nhân vật sinh hoạt với bối cảnh lịch sử 1939 — 1954 tại miền Nam. Có lẽ đây là cuốn truyện dài nhất từ trước tới nay.

TIN NƯỚC NGOÀI

● PHỤC VỤ CHO MARX JACOB

Hày 24-2-44, một chiếc xe hòm của công an Đức quốc xã đỗ trước một ngôi nhà vô danh ở Saint-Benoit-sur-Loire ngoại ô Balé, họ đến để bắt một người Do thái là Max Jacob mang đến trại tập trung Drancy và ông mất luôn tại đây ngày 5 tháng 3 thọ 68 tuổi.

Là bạn của Apollinaire và Picasso, thi sĩ là kẻ sáng lập thơ xuôi kim thời. Sinh ở Quimper năm 1876 và nổi danh ở thủ đô nghệ thuật thời đầu thế kỷ về ngôn ngữ và phục sức kỳ dị, năm 1921 ông lui về ẩn ở Saint Benoit và Paris dần quên những người tiên phong để lưu ý đến các thi sĩ trẻ tuổi hơn. Từ đây ông đăng thơ ở các tạp chí nhờ tình lý và chính nhờ những tạp chí này và thi sĩ trẻ điều khiển chúng lúc ấy mà Max Jacob được có mặt ngày hôm nay.

Thi phẩm của ông đang lần lượt tái bản với 2 quyển chính « Laboratoire Central » và « Derniers Poèmes » (Gallimard) và sưu tập của nhà Seghers trình bày « Max Jacob, poète d'aujourd'hui » do André Billy soạn đang nhắc lại cái không khí nhộn nhịp những sáng tác kỳ lạ của thi sĩ xuất hiện trước trường siêu thực.

Thi sĩ đang hiện diện hết sức đầy đủ: trong tác phẩm mà ông không ngớt biểu lộ con người rộng rãi bề bộn của mình và trong ký ức bề bạn.

● « THỀ GIỚI HÌNH THỨC » CỦA ANDRÉ MALRAUX

Các nhà xuất bản Pháp hiện thời chú trọng cùng một lúc về nghệ thuật thượng cổ và cận đại.

Một sưu tập ấn hành đồng thời bằng 4 thứ tiếng do André Malraux và Georges Salles điều khiển : « *L'Univers des Formes* » vừa trình bày quyển thứ nhất dành cho nghệ thuật Sumer (Mésopotamie Thượng cổ) với một tiểu tập trong đó các người giám đốc xác định chương trình và quan điểm của họ. Họ có tham vọng viết cho thời đại chúng ta quyển Nghệ Thuật Sử của nó, hay một thứ Bách Khoa mà 2 phần văn và ảnh quan trọng ngang nhau.

Rõ ràng hơn, Malraux nhấn mạnh kẻ hoạch muốn « đưa ra ánh sáng cái quyền năng riêng của các bậc thầy quá khứ kể từ thời đại ở hang đèn cuối thế kỷ XIX — sáng tạo những hình thức tương tự với đời sống, mà đời sống với nó đời sống chả giống tí nào... » Malraux lại nhắc nhở rằng « mối liên lạc của chúng ta với các tác phẩm nghệ thuật không phải cùng một thứ với cái đồng hiểu biết của chúng ta về nó ; sự liên lạc không thể phân chia được trong ý nghĩa chính của nó mà chúng ta đã gán »

Như thế là tác giả « *Les Voix du Silence* » theo đuổi một chương trình cụ thể có phương pháp với quan điểm cổ điển này : « chúng ta biết... rằng di sản là một thứ biến hóa, rằng quá khứ tự chinh phục, rằng chính ở chúng ta, bởi chúng ta mà cuộc đời thoại của các bóng tối sống lại... ».